MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1.Lý do chọn đề tài 4
2.Lịch sử nghiên cứu đề tài 6
3.Mục tiêu nghiên cứu của đề tài 6
4.Tính mới, tính sáng tạo của đề tài 7
5.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 8
5.1.Đối tượng nghiên cứu 8
5.2.Phạm vi nghiên cứu 8
6.Phương pháp nghiên cứu 9
7.Kết cấu của đề tài 9
CHƯƠNG 1. QUAN NIỆM VỀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG TRONG NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM 10
1.1.Các khái niệm cơ bản 10
1.1.1.Văn hóa 10
1.1.2.Lễ hội truyền thống 12
1.1.3.Tín ngưỡng thờ thần 14
1.1.4.Di tích lịch sử văn hóa 17
1.2.Mối quan hệ giữa lễ hội truyền thống, thần và di tích lịch sử trong văn hóa dân tộc 17
1.3.Lễ hội truyền thống Việt Nam trong văn hóa dân tộc 19
1.3.1.Nhận diện lễ hội truyền thống Việt Nam 19
1.3.1.1.Nguồn gốc và quá trình hình thành lễ hội ở Việt Nam 19
1.3.1.2.Đặc điểm cơ bản của lễ hội truyền thống Việt Nam 23
1.3.1.3.Đặc điểm của lễ hội truyền thống Hải Phòng 26
1.3.2.Giá trị của lễ hội truyền thống trong nền văn hóa dân tộc 27
1.3.2.1.Giá trị cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng 28
1.3.2.2.*Giá trị hướng về cội nguồn* 28
1.3.2.3.Giá trị cân bằng đời sống tâm linh 29
1.3.2.4.Giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa 30
1.3.2.5.Giá trị bảo tồn và trao truyền văn hóa 31
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 33

CHƯƠNG 2. LỄ HỘI XA MÃ RƯỚC KIỆU ĐÌNH HOÀNG CHÂU, XÃ HOÀNG CHÂU, HUYỆN CÁT HẢI, HẢI PHÒNG 34
2.1.Bước đầu nhận diện lễ hội 34
2.1.1. Lịch sử hình thành lễ hội 34
2.1.1.1. Nguồn gốc và tên gọi của lễ hội 34
2.1.1.2. Địa điểm và thời gian tổ chức lễ hội 36
2.1.2. Các vị thần được tôn thờ trong lễ hội 37
2.1.2.1. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng và quá trình thiêng hóa 37
2.1.2.2. Các vị thần được hợp thờ 51
2.2.Quy trình tổ chức lễ hội 54
2.2.1. Lễ hội Xa mã rước kiệu xưa 54
2.2.1.1. Công tác chuẩn bị 54
2.2.1.1. Phần nghi lễ 55
2.2.1.2. Phần Hội 58
2.2.2. Lễ hội Xa mã rước kiệu nay 58
2.2.3. Một số kiêng kỵ và lễ vật dâng cúng 59
2.3. Sự biến đổi của lễ hội, nguyên nhân và ảnh hưởng của sự biến đổi 59
2.4. Ý nghĩa và giá trị của lễ hội trong đời sống nhân dân Cát Hải 61
2.4.1. Giá trị cân bằng đời sỗng tâm linh 61
2.4.2. Giá trị hướng về cội nguồn 61
2.4.3. Giá trị cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng 62
2.4.4. Giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa 62
2.4.5. Giá trị bảo tồn và trao truyền văn hóa 63
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 64
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG KHAI THÁC VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LỄ HỘI PHỤC VỤ DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG 65
3.1.Thực trạng khai thác lễ hội 65
3.1.1. Thực trạng lễ hội và du lịch hiện nay 65
3.1.1.1. Lễ hội và du lịch hiện nay 65
3.1.1.2. Diện mạo Cát Hải từ góc nhìn lịch sử, kinh tế, văn hóa với du lịch Hải Phòng 66
3.1.2. Thực trạng tổ chức lễ hội Xa Mã Rước Kiệu đình Hoàng Châu 69
3.1.3. Thực trạng bảo tồn di tích và duy trì lễ hội 69
3.2.Giải pháp phát triển phục vụ du lịch địa phương 70
3.2.1.Giải pháp để bảo tồn di tích đình Hoàng Châu 70

3.2.2. Giải pháp duy trì lễ hội truyền thống địa phương 71
3.2.3. Tuyên truyền, giáo dục để phát huy giá trị văn hóa và lịch sử của lễ hội 73
3.2.4. Đề xuất giải pháp cho công tác tổ chức quản lý để phát huy giá trị văn hóa truyền thống của lễ hội 74
3.2.4.1. Đề xuất về nguồn nhân lực 74
3.2.4.2. Đề xuất về nguồn tài chính 74
3.2.4.3. Công tác dịch vụ, vệ sinh, trật tự công cộng 75
3.2.4.4. Công tác thanh tra giám sát, kiểm tra trong quá trình tổ chức lễ hội 76
3.3. Xây dựng chương trình du lịch đến với lễ hội truyền thống địa phương 77
KẾT LUẬN 79
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC 1
PHỤ LỤC 2

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong cuộc sống và trong công việc thường ngày của một xã hội hiện đại, đã dần xô đẩy, dẫn đưa con người vào vòng xoáy của những bộn bề lo toan. Thì chính những lễ hội lại là nơi mà con người tìm lại được chính mình. Tìm về với những cội nguồn, giúp cho tâm hồn họ được thư thái, họ được nghỉ ngơi sau những ngày làm việc mệt nhọc.

Việt Nam là một quốc gia đã có hàng nghìn năm lịch sử. Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam có một nền văn hóa mang bản sắc riêng. Chính những nét đó làm nên cốt cách, hình hài và bản sắc của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt Việt Nam có nền văn hoá lâu đời, nhiều dân tộc sinh sống trên một lãnh thổ thống nhất, cùng đóng góp nhiều phong tục tập quán mang bản sắc riêng của từng vùng, miền, dân tộc và tôn giáo cho nền văn hoá của đất nước.

Nằm trong bề dày văn hóa dân tộc nhóm phong tục tập quán về lễ hội chiếm phần lớn trong hệ thống các phong tục tiêu biểu của Việt Nam. Lễ hội luôn luôn là yếu tố đặc trưng cho dân tộc vì góp phần làm cho văn hoá đặc sắc hơn. Theo thống kê 2009, hiện cả nước Việt Nam có 7.966 lễ hội; trong đó có 7.039 lễ hội dân gian (chiếm 88,36%), 332 lễ hội lịch sử (chiếm 4,16%), 544 lễ hội tôn giáo (chiếm 6,28%), 10 lễ hội du nhập từ nước ngoài (chiếm 0,12%), còn lại là lễ hội khác (chiếm 0,5%). Các địa phương có nhiều lễ hội là Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Bình, Hải Dương và Phú Thọ.

Trong kho tàng văn hóa của dân tộc Việt Nam, sinh hoạt lễ hội là vùng văn hóa rất đặc trưng. Lễ hội là sinh hoạt văn hóa dân gian hầu như có mặt ở khắp mọi miền đất nước. Nhiều lễ hội ra đời cách đây hàng nghìn năm đến nay vẫn được duy trì. Lễ hội ở Việt Nam bao giờ cũng hướng tới một đối tượng thiêng liêng cần suy tôn là nhân thần hay nhiên thần. Đó chính là hình ảnh hội tụ những phẩm chất cao đẹp nhất của con người. Giúp con người nhớ về nguồn cội, hướng thiện và nhằm tạo dựng một cuộc sống tốt lành, yên vui.

Việc thờ thần và lễ hội luôn được diễn ra trên một phạm vi nhất định, một không gian cụ thể đó là tại các đình, đền, miếu mạo… do đó như một thể thống nhất ko thể tách rời. Đối với mỗi một lễ hội là một lần được chiêm bái được tưởng nhớ đến thần linh. Đối với mỗi một di tích lại là nơi hội tụ cả thần thánh và cả không khí của lễ hội.

Trải theo tiến trình lịch sử dân tộc, do chiến tranh khốc liệt hoặc có giai đoạn kinh tế nước nhà kém phát triển, nên lễ hội truyền thống ít được chú ý và chưa phát huy được giá trị to lớn của nó. Vì vậy, nhiều giá trị văn hoá đặc sắc của lễ hội bị mai một, giai đoạn này các hoạt động du lịch cũng kém phát triển, việc nghiên cứu phục dựng lễ hội truyền thống gắn với du lịch cũng chưa được quan tâm đúng mức, chưa gắn kết gắn kết du lịch với lễ hội.

Tìm về với các lễ hội văn hóa truyền thống là tìm về với những nét văn hóa cổ xưa và muốn tự mình trải nghiệm các trò chơi dân gian. Ở mỗi nơi các lễ hội lại mang những nét độc đáo, bản sắc riêng mà không một nơi nào khác có được. Nằm trong hệ thống lễ hội thờ thần biển, lễ hội Xa Mã xã Hoàng Châu và lễ hội đua thuyền, cùng một số lễ hội tiêu biểu của huyện Cát Hải, Hải Phòng. Những lễ hội mang trong mình những sắc thái riêng của Cát Hải, lại hội tụ cả yếu tố sông nước với đồng bằng, giao thoa giữa văn hóa nông nghiệp với văn hóa ngư nghiệp, hội tụ cả yếu tố linh thiêng và trần tục… ẩn chứa sau những ngày hội là một văn hóa tín ngưỡng vô cùng độc đáo của cư dân vùng biển – nơi đầu sóng ngọn gió của Hải Phòng.

Nhưng cho đến nay, trải qua mấy thế kỷ lễ hội này vẫn được nhân dân tổ chức hàng năm mà chưa được phổ biến rộng rãi và ít được biết đến. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển cư làm ăn cũng nhiều, người dân nơi đây đang dần phải thay đổi lễ hội để phù hợp với hiện tại. Lễ hội đang dần thay đổi từng ngày, du lịch tâm linh ngày càng trở thành một nhu cầu thiết yếu trong khi lễ hội ngày càng bị mất dần đi giá trị truyền thống vốn có.

Việc tìm hiểu nghiên cứu lễ hội Xa Mã Rước Kiệu là một việc làm vô cùng cần thiết để nhắc lại truyền thống uống nước nhớ nguồn và góp phần phục

dựng lại đời sống tâm linh và văn hóa truyền thống độc đáo của một vùng đất cửa biển với nhiều dấu ấn lịch sử này.

2. Lịch sử nghiên cứu đề tài

Du lịch lễ hội hiện nay đang trở thành một hiện tương văn hóa vô cùng đặc sắc, thu hút đông đảo khách du lịch. Không chỉ được tìm về với những nét văn hóa xưa, muốn được sống trong không khí cổ xưa và muốn tự mình trải nghiệm các trò chơi dân gian,…Đặc biệt là dịp mà con người được tìm về với những giá trị văn hóa truyền thống, những giá trị lịch sử dân tộc, được một lần nhắc lại trong tâm thức của mỗi người tưởng nhó tri ân các vị thần đã có công cới dân với làng và với quốc gia dân tộc. Được nhân dân lưu giữ, truyền tụng, được các nhà nghiên cứu khảo sát, thống kê. Mỗi một lễ hội đều được ghi chép qua các bản hương ước của làng, có những lễ hội được nghiên cứu chuyên sâu đã thành những cuốn sách có giá trị. Lễ hội Xa Mã Rước Kiệu cũng được nhân dân lưu truyền trong nhiều thế kỷ qua, những bản hương ước của làng còn lưu giữ đến nay, các bản báo cáo về lịch sử đình Hoàng Châu cũng đã chi chép về lễ hội…

Ngày 14 tháng 9 năm 2011, chương trình du lịch S Việt Nam đã cho đăng bài đầu tiên số 231 về lễ hội này. Lần đầu được phổ biến rộng rãi trong cả nước, trên mọi hệ thống phương tiện quảng bá du lịch từ các báo, các chương trình tivi và hệ thống internet…

Nhưng đến nay, ngoài bản hương ước của làng Hoàng Châu và bản thảo báo cáo di tích đình Hoàng Châu chi chép cụ thể về lễ hội và một soosnhaf nghiên cứu sử học Hải Phòng như Ngô Đăng Lợi, Đại Tá Đoàn Văn Minh…song, chưa có bài nghiên cứu chuyên sâu nào về đánh giá vai trò, giá trị của lễ hội này với nhân dân Cát Hải, với văn hóa lễ hội ở Hải Phòng một cách sâu sắc, toàn diện….

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Nhằm bảo vệ giá trị văn hóa lễ hội truyền thống và hệ thống các di tích thờ tại Cát Hải, đề tài hướng đến khai thác văn hóa tâm linh của người dân Cát

Hải với các vị thần được tôn thờ tại đây. Để hướng đến mục tiêu nhắc lại truyền thống uống nước nhớ nguồn với người có công với dân làng nơi đây.

Bên cạnh đó khai thác những nét đặc sắc vốn có của lễ hội Xa mã Rước kiệu, để có biện pháp bảo tồn và duy trì lễ hội địa phương, khai thác có hiệu quả với hoạt động du lịch của Cát Hải.

Đồng thời khảo sát, tìm hiểu về hệ thống di tích thờ hiện nay để bảo tồn tôn tạo một cách đúng mức và có khoa học. Góp phần bảo lưu nguyên vẹn công trình di tích đúng như truyền thống vốn có của nó.

Sự kết hợp giữa công tác bảo lưu giá trị văn hóa truyền thống, duy trì lễ hội và tôn tạo hệ thống các di tích sẽ là điều kiện cho việc xây dựng và xúc tiến quảng bá hình ảnh du lịch địa phương đến khách du lịch, nhằm phát triển du lịch địa phương nói riêng và Hải Phòng nói chung.

4. Tính mới, tính sáng tạo của đề tài

Người dân Cát Hải sống bằng nghề sông nước, phụ thuộc phần lớn vào tự nhiên, với họ cũng như bao cư dân vùng biển khác họ mong được bình yên trên biển cả, họ mong được mùa màng bội thu… trong tâm linh của họ luôn ngự trị một vị thần bảo hộ cho nghề nghiệp của họ. Không giống như những ngư dân vùng biển Trung Bộ, họ tin thờ cá Ông. Họ làm những nghi thức thờ cúng như những nét văn hóa tang lễ truyền thống của người Việt Nam. Nhưng với những ngư dân Cát Hải, cũng làm nghề sông nước, nhưng họ lại có văn hóa gắn chặt với nông nghiệp, ảnh hưởng từ khi hình thành địa lý và quá trình lịch sử kéo dài, những con người nơi đây đã hình thành cho mình những nếp sống vô cùng phong phú và khác biệt. Đối với họ vị thần biển mà họ tôn thờ là Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng – người có công đánh giặc, trừ cướp biển cho họ có cuộc sống ấm no, yên ổn làm ăn, dạy dân cày cấy, tìm giống hạt mới….Trên toàn hệ thống di tích có đến 13 di tích thờ Ngài.

Lễ hội Xa Mã Rước Kiệu xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải là một lễ hội hết sức độc đáo. Sự giao hòa giữa yếu tố truyền thống nông nghiệp với văn hóa sông nước đã tạo cho lễ hội nơi đây những nét mới lạ trong lòng bạn bè và du khách.

Với nghi thức Xa mã hay còn gọi là kéo ngựa gỗ như tái hiện lại không khí rèn quân tập trận xưa, cùng nghi thức linh thiêng rước kiệu bay đã khiến cho không khí lễ hội trở lên linh thiêng và huyền bí giữa cuộc sống bộn bề thường nhật.

Đề tài thể hiện cái mới trong nét độc đáo của lễ hội so với các lễ hội truyền thống ở Hải Phòng nói riêng và với vùng biển khác trong cả nước nói chung. Hướng đến khai thác giá trị văn hóa truyền thống phục vụ cho phát triển du lịch địa phương nơi đây.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Ngoài việc nghiên cứu về các lễ hội truyền thống của các ngư dân vùng biển của Việt Nam nhằm làm nổi bật lên nét khác biệt của lễ hội Xa Mã Rước Kiệu, người nghiên cứu còn khai thác tìm hiểu về vai trò giá trị của lễ hội và di tích cũng như tìn ngưỡng thờ thần trong tâm linh con người ẩn sâu trong bề dày của văn hóa dân tộc Việt Nam.

Nhằm nghiên cứu một cách sâu sắc và hòan thiện được mục tiêu bài viết, người nghiên cứu còn tìm hiểu thực tế toàn bộ di tích, đền thờ, các lễ hội ở Cát Hải. Đồng thời tìm hiểu về các bản thảo, hương ước làng để có sự so sánh và khác biệt của lễ hội xưa và nay.

Nghiên cứu đánh giá thực trạng du lịch Cát Hải hiện nay để có được những thông tin chính xác phục vụ cho các dự kiến về định hướng chương trình du lịch đến với địa phương.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

Mỗi một lễ hội đều có những phạm vi tổ chức cụ thể. Khi nghiên cứu về lễ hội Xa mã, người nghiên cứu đã tìm đến nơi tổ chức lễ hội là đình Hoàng Châu, xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải. Đồng thời làm cho bài viết sâu sắc hơn đã nghiên cứu toàn bộ di tích và lễ hội trên phạm vi toàn huyện Cát Hải. Do đề tài nằm ngay trong phạm vi thành phố nên việc nghiên cứu có nhiều điều kiện thuận lợi hơn.

Ngoài ra còn tìm lại và sưu tập những bản hương ước, bản thảo báo cáo đình chùa Hoàng Châu từ năm 2005 đến nay.

6. Phương pháp nghiên cứu

Để có được những nôi dụng sâu sắc, phân tích, đánh giá khách quan, có khoa học trong khi nghiên cứu thực hiện đề tài người nghiên cứu đã thực hiện các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu (tiếp cận và phân tích hệ thống): Muốn nội dung công trình chứa đựng vốn hiểu biết toàn diện, có hệ thống và chính xác thì cần có một nguồn tư liệu thực sự phong phú. Do đó công tác sưu tầm là rất quan trọng.

Phương pháp thực địa kết hợp chặt chẽ với phương pháp xã hội học: Phương pháp này là thực hiện công tác nghiên cứu thực tế các hiện tượng văn hóa để tìm hiểu sâu hơn nội dung các vấn đề. Trong đó đặc biệt chú trọng tới phương pháp phỏng vấn sâu (phương pháp xã hội học).

Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp. Sau tất cả quá trình tìm hiểu tài liệu và điều tra thực tế hiện tượng văn hóa, tất cả các thông tin và tài liệu thu thập được sẽ phải thống kê các thông tin, phân tích vấn đề và chắt lọc các thông tin để tổng hợp một cách hệ thống. Có như vậy đề tài mới đảm bảo tính khoa học và hợp lý các thông tin.

7. Kết cấu của đề tài

Chương 1. Tổng quan về văn hóa, lễ hội, thần và di tích

Chương 2. Lễ hội Xa Mã Rước Kiệu xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải, Hải Phòng

Chương 3. Thực trạng khai thác và giải pháp phát triển phục vụ du lịch địa phương

CHƯƠNG 1. QUAN NIỆM VỀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG TRONG NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

Lễ hội đã trở thành một nét đẹp văn hóa phi vật thể của nhiều dân tộc, mỗi dân tộc lại có những bản sắc văn hóa khác nhau được thể hiện qua lễ hội. Đối với họ, lễ hội chính là cầu nối cho ước vọng, cho tâm linh của họ. Hình ảnh thần thánh đã trở thành biểu tượng không thể thiếu trong mỗi con người, họ được một lần tưởng nhớ đến qua mỗi lần lễ hội. Do đó, hiểu được nét tương quan giữa lễ hội truyền thống với di tích và thần, sẽ đánh giá đúng giá trị của lễ hội với nền văn hóa dân tộc.

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1. Văn hóa

Văn hóa là một phạm trù rộng lớn, có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về văn hóa. Xét về nguồn gốc, văn hóa được bắt nguồn từ chữ Latinh "Cultus" mà nghĩa gốc là gieo trồng, được dùng theo nghĩa Cultus Agri là "gieo trồng ruộng đất" và Cultus Animi là "gieo trồng tinh thần" tức là "sự giáo dục bồi dưỡng tâm hồn con người".

Văn hóa mang theo những gì mà văn hóa bao hàm, "là một tổng thể phức hợp gồm kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, và bất cứ những khả năng, tập quán nào mà con người thu nhận được với tư cách là một thành viên của xã hội" [nhà nhân loại học người Anh Edward Burnett Tylor (1832 - 1917)].

Nhưng bên cạnh đó, theo chiều dài lịch sử thì sự ổn định của văn hóa lại tác động đến các quá trình kế thừa xã hội, truyền thống. Là quá trình học hỏi, hình thành thói quen, lối ứng xử của con người, tạo thành các giá trị vật chất và tinh thần của con người.

Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó

chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin.

Tóm lại, Văn hóa là sản phẩm của loài người, văn hóa được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Song, chính văn hóa lại tham gia vào việc tạo nên con người, và duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa. Văn hóa được tái tạo và phát triển trong quá trình hành động và tương tác xã hội của con người. Văn hóa là trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các kiểu và hình thức tổ chức đời sống và hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần mà do con người tạo ra.

Trong tiếng việt,văn hóa được dùng theo nghĩa thông dụng để chỉ học thức,lối sống. Theo nghĩa chuyên biệt để chỉ trình độ phát triển của một giai đoạn. Trong khi theo nghĩa rộng,thì văn hóa bao gồm tất cả,từ những sản phẩm tinh vi, hiện đại, cho đến tín ngưỡng, phong tục, lối sống..

"Văn hóa là những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử" (14, Nguyễn Như Ý. Đại từ điển Tiếng Việt. NXB Văn hóa – Thông tin, 1998)

PGS.TSKH Trần Ngọc Thêm cho rằng: " Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình". ([6, tr.25], *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*)

Theo tổ chức giáo dục và khoa học của Liên Hiệp Quốc UNESCO: "Văn hóa bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc kia".

Như vậy, có thể thấy rằng: Văn hóa là tất cả những giá trị vật thể do con người sáng tạo ra trên nền của thế giới tự nhiên, có văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. đánh giá vai trò của văn hóa, Trước Cách Mạng Tháng 8, Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã nói rằng: "*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, còn người sáng tạo ra, phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, nghệ thuật văn học, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn mặc ở và những phương tiện, phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo đó*

là văn hóa. Văn hóa là sử dụng tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loại người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu của đời sống, những đòi hỏi của sự sinh tồn".

Văn hóa chính là bộ phận của đời sống xã hội, là tất cả những gì tồn tại xung quanh con người và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của con người.

Chiếm phần lớn trong bộ phận của văn hóa Việt Nam chính là phong tục tập quán và lễ hội. Nói đến lễ hội là nói đến văn hóa truyền thống Việt Nam, là bản sắc văn hóa, là giá trị truyền thống của người Việt Nam. Ẩn chứa sâu thẳm trong mỗi lễ hội truyền thống chính là đạo đức, là lối sống, là dấu ấn văn hóa mỗi thời kỳ lịch sử của dân tộc, mỗi vùng, mỗi địa phương. Và do đó, trong bộ phận văn hóa này không thể thiếu hình ảnh của các vị thần hay vật thờ và càng không thể thiếu được các di tích thờ tự.

1.1.2. Lễ hội truyền thống

Từ khái niệm văn hóa rộng lớn trên, bản thân lễ hội lại chính là một nét văn hóa. Lễ hội là văn hóa phi vật thể mà tồn tại trong đời sống con người như một bộ phận không thể tách rời.

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa, là tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng. Đó là một từ ghép có thể được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, bao gồm hai bộ phận: lễ và hội.

Lễ hội là dịp con người được trở về nguồn, nguồn cội tự nhiên hay nguồn cội của dân tộc đều có ý nghĩa thiêng liêng trong tâm trí mỗi người. Lễ hội thể hiện sức mạnh cộng đồng làng xã, địa phương hay rộng hơn là quốc gia dân tộc. Họ thờ chung vị thần, có chung mục tiêu đoàn kết để vượt qua gian khó, giành cuộc sống ấm no, hạnh phúc.Lễ hội cũng là nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp dân cư; là hình thức giáo dục, chuyển giao cho các thế hệ sau biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu của dân tộc theo cách riêng, kết hợp giữa yếu tố tâm linh và các trò chơi đua tài, giải trí... Lễ hội là dịp con người được

giải toả, dãi bày phiền muộn, lo âu với thần linh, mong được thần giúp đỡ, chở che đặng vượt qua những thử thách đến với ngày mai tươi sáng hơn.

Theo Trần Ngọc Thêm thì cho rằng: "lễ hội có phần lễ và phần hội: Phần lễ mang ý nghĩa tạ ơn và cầu xin thần linh bảo trợ cho cuộc sống của mình. Phần hội gồm các trò vui chơi giải trí hết sức phong phú. Xét về nguồn gốc, các trò vui chơi giải trí đều xuất phát từ những ước vọng thiêng liêng của con người nông nghiệp".

Giáo sư Ngô Đức Thịnh cũng cho rằng: "lễ hội là một hiện tượng tổng thể, không phải là thực thể chia đôi (phần lễ và phần hội) một cách tách biệt như một số học giả đã quan niệm mà nó được hình thành trên cơ sở một cốt lõi nghi lễ tín ngưỡng nào đó (thường là tôn thờ một vị thần linh lịch sử hay một vị thần linh nghề nghiệp nào đó) rồi từ đó nảy sinh và tích hợp các hiện tượng văn hóa phái sinh để tạo nên một tổng thể lễ hội như đã trình bày ở trên. Cho nên trong lễ hội phần lễ là phần gốc rễ, chủ đạo, phần hội là phần phái sinh, tích hợp"[6, tr.531, *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*].

"Lễ là một hệ thống các nghi thức, hành vi động tác có định ước, có quy cách chặt chẽ, ổn định được lưu truyền từ đời này sang đời khác trong đời sống sinh hoạt văn hóa của nhân dân" [8, tr.168*, Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Trần Diễm Thúy].

Theo quan niệm của người xưa, lễ được coi là những phép tắc theo khuôn mẫu đã được hình thành và củng cố theo thời gian, được quy định một cách chặt chẽ từ " quan - hôn- tang - tế" đến đi đứng, nói năng, cư xử hàng ngày của mọi người dân. Đây là những quy định, lễ nghi, phép tắc buộc mỗi con người phải tuân theo trong các mối quan hệ ứng xử của mình trong xã hội. Dưới thời phong kiến, các nhà Nho quan niệm rằng: *Lễ nghĩa thiên chi tự.* Theo họ, Lễ vốn là trật tự, là chữ đã định sẵn của Trời, cần phải có và không thể đảo ngược. Cuộc sống xã hội của con người cần có lễ để phân biệt, giữ gìn tôn ty trật tự trong mối quan hệ đa chiều luôn diễn ra trong đời sống xã hội. Lễ được coi là cơ sở của một xã hội có tổ chức và đã phát triển đến trình độ nào đó. Đối với mỗi người, lễ thể hiện sự tôn kính, thái độ ứng xử của con

người đối với đồng loại. Lễ nhằm phòng ngừa những hành vi và tình cảm không chính đáng. Lễ không chỉ quy định chi tiết về thái độ, cử chỉ bên ngoài mà còn tạo điều kiện hình thành một trạng thái tinh thần tương ứng trong mỗi con người. Lễ cũng đồng thời trở thành phương tiện để tự sửa mình, điều chỉnh mình cho đúng mực, hoàn thiện hơn. Những biểu hiện của lễ bao giờ cũng tương xứng với tuổi tác, vị thế và vai trò, điều kiện của cá nhân nào đó trong các mối quan hệ gia đình và xã hội của con người đó.

Lễ: là hệ thống các hành vi, động tác nhằm biểu hiện lòng tôn kính của con người đối với thần linh, phản ánh những ước mơ chính đáng của con người trước cuộc sống mà bản thân họ chưa có khả năng thực hiện.

Hội: là tập hợp các trò diễn có tính nghi thức, các cuộc vui chơi, giải trí tại một thời điểm nhất định, thường trong khuôn viên các công trình tôn giáo hay ở sát chúng, có đông người tham gia, là đời sống văn hoá hàng ngày và một phần đời của cá nhân và cả cộng đồng, nhân kỷ niệm một sự kiện quan trọng đối với một cộng đồng xã hội.

Lễ hội là sản phẩm của xã hội quá khứ, được truyền lại tới ngày nay và nó được người dân, cộng đồng tiếp nhận và thực hành trong đời sống sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng.

Lễ là cái thiêng, hội là cái tục; lễ biểu hiện cho cái dương thì hội biểu hiện cho cái âm; lễ thể hiện cho thần thánh thì hội thể hiện cho con người… và như vậy, mỗi dịp lễ hội là một lần con người được hòa mình với không khí thiêng liêng, được một lần thể hiện ước vọng để quên đi những ngày tháng lao động vất vả mệt nhọc.

1.1.3. Tín ngưỡng thờ thần

Tín ngưỡng Việt Nam vô cùng phong phú, trong đó, tín ngưỡng thờ thần chiếm phần lớn các chuyên mục nghiên cứu của các nhà khoa học. Bởi môi trường sống mà hình thành nên tín ngưỡng đa thần trong đời sống con người. Nếu tín ngưỡng thờ Mẫu được hình thành từ môi trường sống của cư dân nông nghiệp cần lao động và phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, thì hình ảnh Tứ Bất Tử

(bốn người không chết : Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử, và Mẫu Liễu Hạnh), "lại là một giá trị văn hóa tinh thần rất đẹp của dân tộc ta, là tinh hoa chắt lọc qua suốt chiều dài lịch sử biểu tượng cho sức mạnh liên kết cộng đồng để làm ruộng và đánh giặc, cho khát vọng xây dựng một cuộc sống vật chất phồn vinh và tinh thần hạnh phúc". (trích trong phần Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Trần Quốc Vượng, Nxb Giáo Dục, [10, tr.142]). Họ đều là những vị thần được nhân dân tôn thờ làm thành hoàng để bảo hộ cho cuộc sống của mình. Các vị anh hùng dân tộc đã có công trong quá trình dựng nước và giữ nước cũng được nhân dân thờ phụng như vị thành hoàng. Đông Hải Đại Vương là vị thần có nguồn gốc gắn với biển, Ông được phong làm thành hoàng ở nhiều nơi với nhiều tên tuổi khác nhau, nên tín ngưỡng thờ Đông Hải Đại Vương lại có những nét gắn bó mật thiết với văn hóa biển của những ngư dân. Nhưng tất cả các vị thần ấy đều được nhân dân thờ phụng như một vị thần thành hoàng làng. Ở mối địa phương có các lễ thờ tự khác nhau tuy nhiên tên tuổi của các vị thần thành hoàng đều gắn với công trạng và nguồn gốc của vị thần ấy, có thần là Thượng Đẳng Thần, Trung Đẳng Thần hay Hạ Đẳng Thần.

Thượng đẳng thần là những thần danh sơn Đại xuyên, và các bậc thiên thần như Đông thiên vương, Sóc thiên vương, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh công chúa, Đức thánh Tam Giang...Các vị ấy có sự tích linh dị, mà không rõ tung tích ẩn hiện thế nào, cho nên gọi là Thiên thần. Thứ nữa là các vị nhân thần như: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo...Các vị này khi sanh tiền có đại công lao với dân với nước; lúc mất đi, hoặc bởi nhà vua tinh biểu công trạng mà lập đền thờ hoặc bởi lòng dân nhớ công đức mà thờ. Các bực ấy đều có sự tích công trạng hiển hách và họ tên rõ ràng, lịch triều có mỹ tự bao phong làm Thượng đẳng thần.

Trung đẳng thần là những vị thần dân làng thờ đã lâu, có họ tên mà không rõ công trạng; hoặc là có quan tước mà không rõ họ tên, hoặc là những thần có chút linh vị, tới khi nhà vua sai tinh kỳ đảo võ, cũng có ứng nghiệm thì triều đình cũng liệt vào tự điển, mà phong làm Trung đẳng thần.

Hạ đẳng thần do dân xã thờ phụng, mà không rõ sự tích ra làm sao, nhưng cũng thuộc về bực chính thần, thì triều đình cũng theo lòng dân mà phong cho làm Hạ đẳng thần.

Sách *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính có chép:

"Xét về cái tục thờ Thần hoàng (hiểu là thần Thành hoàng) này từ trước đời Tam Quốc (Trung Quốc) trở về trước vẫn đã có, nhưng ngày xưa thì nhà vua nhân có việc cầu đảo gì mới thiết đàn cúng tế mà thôi. Đến đời nhà Đường, Lý Đức Dụ làm tướng, mới bắt đầu lập miếu Thần hoàng ở Thành Đô; kế đến nhà Tống, nhà Minh, thiên hạ đâu đâu cũng có lập miếu thờ.

Nước ta thuở bấy giờ đang lúc nội thuộc, tục Tàu truyền sang đến bên này, kế đến Đinh, Lê thì việc thờ quỷ thần đã thịnh hành rồi.

Nhưng cứ xét cái chủ ý lúc trước, thì mỗi phương có danh sơn (ngọn núi có tiếng), đại xuyên (sông lớn); triều đình lập miếu thờ thần sơn xuyên (núi sông) ấy để làm chủ tể (người đứng đầu) cho việc ấm tí một phương thôi. Kế sau, triều đình tinh biểu (làm cho thấy rõ công trạng, tiết tháo) những bậc trung thần nghĩa sĩ và những người có công lao với nước, thì cũng lập đền cho dân xã ở gần đấu thờ đấy. Từ đó dân gian lần lần bắt chước nhau, chỗ nào cũng phải thờ một vị để làm chủ tể trong làng mình...Dân ta tin rằng: Đất có Thổ công, sông có Hà bá; cảnh thổ nào phải có Thần hoàng ấy; vậy phải thờ phụng để thần ủng hộ cho dân, vì thế mỗi ngày việc thờ thần một thịnh…" [1, tr. 78 -79].

Người Việt Nam từ hàng ngàn đời nay có truyền thống "Uống nước nhớ nguồn". Lễ hội là sự kiện thể hiện truyền thống quý báu đó của cộng đồng, tôn vinh những hình tượng thiêng, được định danh là những vị "Thần" - những người có thật trong lịch sử dân tộc hay huyền thoại. Hình tượng các vị thần linh đã hội tụ những phẩm chất cao đẹp của con người. Đó là những anh hùng chống giặc ngoại xâm; những người khai phá vùng đất mới, tạo dựng nghề nghiệp; những người chống chọi với thiên tai, trừ ác thú; những người chữa bệnh cứu người; những nhân vật truyền thuyết đã chi phối cuộc sống nơi trần gian, giúp con người hướng thiện, giữ gìn cuộc sống hạnh phúc... Lễ hội là sự kiện tưởng nhớ, tỏ lòng tri ân công đức của các vị thần đối với cộng đồng, dân tộc.

1.1.4. Di tích lịch sử văn hóa

Theo từ điển Hán Việt di là sót lại, rơi lại, để lại; Tích là tàn tích, dấu vết. Hai từ này ghép lại với nghĩa là tàn tích, dấu vết của lịch sử còn sót lại.

Theo cuốn Đại từ điển Tiếng Việt định nghĩa: "di tích lịch sử văn hóa là tổng thể những công trình, địa điểm, đồ vật hoặc tác phẩm, tài liệu có giá trị lịch sử hay giá trị văn hóa được lưu lại".

Tại kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 9 năm 2001 của Quốc hội khóa X đã thông qua luật di sản văn hóa định nghĩa: "di tích lịch sử - văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình địa điểm có giá trị lịch sử văn hóa khoa học".

Từ khái niệm nói trên, có thể thấy di tích là một thực thể, mà khi đã gắn với lễ hội thì di tích lại trở thành một bộ phận không thể tách rời. Đặc biệt là với những lễ hội thờ thần thì di tích có thể các đình, đền, miếu, phủ… là nơi người dân xây dựng để làm cơ sở, làm địa điểm để thờ cúng thần, có thể là được đặt tại trung tâm làng hoặc nơi thần hóa.

1.2. Mối quan hệ giữa lễ hội truyền thống, thần và di tích lịch sử trong văn hóa dân tộc

Như vậy có thể nhận thấy rằng, lễ hội, thần và di tích luôn có sự gắn kết chặt chẽ. Nếu không có vật thờ, không có thần thánh thì bất thành lễ hội. Sự gắn kết chặt chẽ giữa di tích, thần và lễ hội trong văn hóa dân tộc đã thành một thể thống nhất. Lễ hội là sự giao hòa giữa tín ngưỡng và vui chơi, giữa con người và thần linh, giữa âm và dương…để thông qua đó con người có thể bày tỏ niềm mong ước của mình vào các vị thần linh trên trời. Đồng thời thỏa mãn khát vọng trở về cội nguồn và đáp ứng nhu cầu văn hóa tâm linh cũng như nhu cầu giao lưu trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Trước đây con người chưa có đủ khả năng để chinh phục, chế ngự và làm chủ thiên nhiên cũng như làm chủ xã hội nên bị bất lực và chi phối bởi những thiên tai, bất trắc, may rủi hay bất công do thiên nhiên, con người tạo ra. Vì thế thần linh là nơi họ đặt niềm tin vào đó như thần linh trời đất, thần linh núi

sông… Vậy nên xưa kia nhiều làng xã ở nhiều nơi đã xây dựng đình, miếu… để thờ các vị thần linh tại địa phương và thường tổ chức lễ hội tại các nơi đó, nhằm thể hiện sự biết ơn đối với các vị thần linh đã ban cho người dân sức khỏe, mùa màng bội thu, dân khang vật thịnh… thì chính việc tổ chức các lễ hội lại thể hiện rõ nhất điều này, thông qua tín ngưỡng thần linh hóa trần tục. Để thông qua lễ hội mà con người được hướng về nguồn cội, được tưởng nhớ đến thần linh…

Lễ hội là sản phẩm và là biểu hiện của một nền văn hóa, là một thành tố quan trọng cấu thành và có tác dụng duy trì những yếu tố văn hóa khác cùng tồn tại. Tham gia lễ hội là một văn hóa ứng xử, lễ hội chứa đựng những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc, đặc biệt là tính cộng đồng làng xã – vun đắp nâng đỡ tinh thần cho từng cá nhân. Có thể nói, lễ hội góp phần củng cố tinh thần cộng đồng của làng quê xóm cũ.

Lễ hội là một trong những "hoạt động văn hoá cao", "hoạt động văn hoá nổi trội" trong đời sống con người. Hoạt động lễ hội là hoạt động của cộng đồng hướng tới "xử lý" các mối quan hệ của chính cộng đồng đó. Hoạt động này diễn ra với những hình thức và cấp độ khác nhau, nhằm thoả mãn và phục vụ lợi ích đa dạng trước mắt và lâu dài của các tầng lớp người; thoả mãn những nhu cầu của các cá nhân và tập thể trong môi trường mà họ sinh sống. Đặc biệt, lễ hội chính là nơi hội tụ của nhiều giá trị văn hóa lối sống, giúp cho xon người không ngừng hướng đến cái thiện, khơi dậy cái chân – thiện – mĩ và thôi thúc con người vươn lên một lý tưởng, sống cao đẹp và giàu ý nghĩa hơn.

Môi trường của lễ hội truyền thống Việt Nam về cơ bản chính là nông thôn, làng xã Việt Nam. Lễ hội là môi trường thuận lợi mà ở đó các yếu tố văn hoá truyền thống được bảo tồn và phát triển. Những yếu tố văn hoá truyền thống đó không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, vận hành cùng tiến trình phát triển lịch sử của mỗi địa phương trong lịch sử chung của đất nước. Nó chính là hệ quả của cả quá trình lịch sử của không chỉ một cộng đồng người. Đây chính là tinh hoa được đúc rút, kiểm chứng và hoàn thiện trong dọc dài lịch sử của bất cứ một cộng đồng cư dân nào. Lễ hội có sức lôi cuốn, hấp dẫn và trở thành nhu cầu, khát vọng của người dân cần được đáp ứng và thoả nguyện qua mọi thời đại.

Bản chất của lễ hội là sự tổng hợp và khái quát cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trong xã hội ở từng giai đoạn của lịch sử.

Lễ hội là cái nôi mang trong mình sức sống của một dân tộc, được minh chứng qua hàng ngàn năm lịch sử, là một bảo tàng văn hóa sống lưu giữ tín ngưỡng tôn giáo, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian.

Sự ổn định của đời sống dân tộc, ý thức tôn trọng những giá trị truyền thống và sự tôn kính thế giới tâm linh của nhân dân là yếu tố hàng đầu tạo cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của lễ hội. nhân dân hưởng ứng say mê lễ hội là cơ sở để lễ hội tồn tại và phát triển. Sự tồn tại của lễ hội là minh chứng cho sức sống của văn hóa Việt Nam.

1.3. Lễ hội truyền thống Việt Nam trong văn hóa dân tộc

1.3.1. Nhận diện lễ hội truyền thống Việt Nam

1.3.1.1. Nguồn gốc và quá trình hình thành lễ hội ở Việt Nam

Thông thường, ở Việt Nam những lễ hội có từ trước năm 1945 được gọi bằng các tên gọi "lễ hội cổ truyền", "lễ hội dân gian", "lễ hội truyền thống", " lễ hội dân gian truyền thống"... Mặc dù có những tên gọi khác nhau nhưng theo các nhà nghiên cứu thì có thể chia lịch sử lễ hội cổ truyền (trước 1945) của người Việt ở Bắc bộ thành bốn thời kỳ:

a) Lễ hội trong thời kỳ xây dựng nền văn hoá Đông Sơn (từ khoảng sáu, bảy thế kỷ trước Công nguyên đến một vài thế kỷ sau Công nguyên). Đó là những lễ hội của cư dân nông nghiệp, được mở vào mùa thu, là hình thức sinh hoạt văn hoá- xã hội tổng hợp, thể hiện một trình độ văn minh khá cao, bản sắc văn hoá độc đáo của người Việt cổ, thể hiện tập trung nhất tính chất nhân văn và tính chất nguyên Việt.

b) Lễ hội trong thời kỳ Bắc thuộc. Lễ hội trong thời kỳ này có những đặc điểm cơ bản sau:

- Hội được mở vào cả hai mùa xuân, thu trong đó hội mùa xuân nhiều hơn

- Hội chùa xuất hiện, không chỉ phản ánh tín ngưỡng phồn thực của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, mà còn thể hiện ý nghĩa Phật giáo đã được Việt hoá.
- Mỗi dịp mở hội là một lần cư dân Việt sùng bái, tưởng niệm, diễn lại sự tích các anh hùng dân tộc. Các vị này đã trở thành thần thành hoàng của nhiều xóm làng cư dân Việt.

c) Lễ hội trong thời kỳ xây dựng quốc gia Đại Việt độc lập tự chủ (từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX). Trong giai đoạn này bên cạnh hội chùa còn xuất hiện thêm hội đình. Mặt khác trong một lễ hội, thường có sự pha trộn của nhiều tín ngưỡng: tín ngưỡng nguyên thuỷ, tín ngưỡng Phật giáo, tín ngưỡng Đạo giáo, tín ngưỡng thành hoàng. Trong các sinh hoạt văn nghệ của các lễ hội, đã có sự phân biệt rạch ròi giữa cung đình, bác học với dân gian, quan nhạc (nhạc chính thức của Nhà nước) khác hẳn nhạc giáo phường (nhạc dân gian)…

d) Lễ hội trong thời kỳ đất nước dưới chế độ thực dân nửa phong kiến (từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1945). ở giai đoạn này hội vẫn được tổ chức vào hai mùa xuân, thu. Địa điểm diễn ra lễ hội là ở đình, đền, chùa. Lễ hội vẫn mang ý nghĩa là lễ hội nông nghiệp, bên cạnh những tư tưởng mê tín, dị đoan, những hủ tục nặng nề đã tồn tại những yếu tố dân chủ, bình đẳng… Đáng chú ý, trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, những lễ hội tưởng niệm các anh hùng dân tộc, lễ hội nhắc nhở mọi người nhớ về cội nguồn dân tộc vẫn được mở, thu hút sự tham gia của đông đảo người dân nước Việt.

Những lễ hội ra đời sau năm 1945 được gọi là "lễ hội hiện đại". Có thể nói, lễ hội đã kết tinh những nét đẹp của truyền thống văn hoá dân tộc, truyền thống đó thể hiện mộ phần ở những tinh hoa lắng đọng trong hoạt động lễ hội. Chính ở trong hoạt động văn hoá đặc sắc này, các tàn dư lạc hậu, không phù hợp với thời cuộc đã và sẽ được sàng lọc, loại bỏ theo thời gian. Khi nghiên cứu tổng thể về lễ hội cổ truyền và lễ hội hiện đại, thuật ngữ "lễ hội truyền thống" đề cập đầy đủ nhất về hai loại hình lễ hội này. Những lễ hội có từ trước năm 1945 nay còn tồn tại trong đời sống văn hoá ở các địa phương cùng những

lễ hội ra đời từ sau năm 1945 đã và đang trở thành hoạt động văn hóa thường niên ở các cộng đồng dân cư. Cả hai loại hình lễ hội đó đều đã và đang trở thành truyền thống của dân tộc. Việc sử dụng tên gọi "lễ hội truyền thống" vừa thể hiện được đặc trưng của lễ hội dân gian, vừa làm rõ nội dung của các loại hình lễ hội hiện đại. Nghiên cứu lễ hội từ truyền thống đến hiện đại góp phần tìm hiểu ý nghĩa xã hội và văn hoá của nó trong tiến trình lịch sử. Hiện nay, trong kho tàng di sản văn hoá dân tộc, hệ thống lễ hội trở thành một thành tố văn hoá phi vật thể không thể thiếu trong đời sống văn hoá xã hội của đông đảo các tầng lớp nhân dân trên đất nước ta.

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, lễ hội truyền thống Việt Nam hình thành rất sớm, từ khi chưa hình thành nhà nước, chưa có sự phân chia giai cấp. Tuy vậy, có thể cho rằng, lễ hội xuất hiện khi xã hội loài người đạt trình độ phát triển cao trong tổ chức đời sống xã hội. Cũng như các mặt hoạt động khác của đời sống con người, lễ hội từng bước hình thành, không ngừng biến đổi và hoàn thiện để phù hợp với sự phát triển của xã hội ở từng giai đoạn khác nhau của lịch sử. Từ thực tiễn cuộc sống, có thể thấy rằng lễ hội được hình thành từ các cơ sở được coi là nguồn gốc sau:

- *Do phong tục tập quán truyền thống của các địa phương truyền lại*: Những phong tục tập quán được hình thành từ bao đời, chung đúc qua bao thế hệ và được truyền lại cho các thế hệ kế tiếp, luôn thể hiện một phần đạo lý "*uống nước nhớ nguồn - ăn quả nhớ kẻ trồng cây"*, đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các lễ hội truyền thống Việt Nam. Trong dân gian có câu: "*Trống làng nào làng ấy đánh", " Thánh làng nào làng ấy thờ"* điều này vừa phản ánh, thể hiện yếu tố bản địa, mang tính địa phương, vừa tạo ra sự phong phú đa dạng của bức tranh văn hoá dân tộc.Những lễ hội dân gian diễn ra ở các làng xã thường gắn với những kỷ niệm ngày sinh, ngày hoá của các Thần hoàng làng - vị thần bản mệnh của địa phương. Cho nên, lệ làng, phép nước đã góp phần hình thành các lễ hội truyền thống. Lễ hội bắt nguồn từ trong cuốc sống lao động sản xuất và chiến đấu của người nông dân, đồng thời thể hiện sự

phong phú đa dạng trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng của một bộ phận dân cư trên địa bàn cụ thể.

Phong tục tập quán của mỗi vùng, miền là yếu tố quyết định việc tồn tại và phát triển các lễ hội truyền thống ở các địa phương.Nó phản ánh và thể hiện nét đặc sắc của bản sắc văn hoá dân tộc của các địa phương vùng miền trong một lãnh thổ quốc gia thống nhất. Chính điều đó thể hiện văn hoá Việt Nam là một nền văn hoá "*thống nhất trong đa dạng"*, nó được hình thành bởi sự góp mặt của văn hoá 54 dân tộc anh em.Những phong tục tập quán của các địa phương, dân tộc vô cùng phong phú, đa dạng, mang sắc thái riêng tạo nên nét bản sắc của văn hoá. Có thể nói, lễ hội ra đời trong lịch sử, tồn tại và vận hành cùng lịch sử, góp phần hình thành truyền thống, hình thành những thuần phong mỹ tục, tập quán, lối sống, nếp sống ở các địa bàn dân cư.

- *Do quy định của thể chế chính trị - xã hội đương thời*: Là một hoạt động văn hoá, lễ hội ra đời, tồn tại và phát triển trong một môi trường xã hội nhất định. Trong từng thời điểm của lịch sử, môi trường xã hội nào cũng gắn với thể chế chính trị cầm quyền của giai đoạn đó. Do lễ hội là hoạt động văn hoá có tác động và ảnh hưởng sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân nên các chính thể cầm quyền đều sử dụng nó như một "công cụ văn hoá đa năng" để phục vụ những mục đích quản lý, duy trì và điều hành hoạt động của đất nước, xã hội.Vì thế, hoạt động lễ hội diễn ra trước hết phục vụ cho mục đích trên của chính thể cầm quyền. Bên cạnh những lễ hội dân gian truyền thống, nhiều lễ hội được tổ chức nhằm chúc mừng các sự kiện chính trị - quân sự - văn hoá xã hội nổi bật của từng giai đoạn, như các lễ hội chào mừng sự kiện lịch sử, đón nhận danh hiệu thi đua, lễ hội kỷ niệm, đánh dấu các mốc thời gian ra đời, các thành tựu đạt được của các cá nhân, tập thể của một cơ quan, đơn vị.

- *Do các mục tiêu phát triển kinh tế - văn hoá- xã hội đặt ra*: Là một thành tố văn hoá có chứa đựng các nội dung và yếu tố văn hoá, kinh tế nên lễ hội được chính thể cầm quyền sử dụng, khai thác như là một tác động bổ trợ góp phần điều tiết và thúc đẩy xã hội theo những mục tiêu, định hướng phát triển của từng thời kỳ, giai đoạn khác nhau. Căn cứ vào tình hình xã hội, đất

nước, từ thực trạng của các ngành kinh tế, nhu cầu của xã hội, của cuộc sống đặt ra để tổ chức các cuộc triển lãm về thành tựu kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật như các Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, các liên hoan du lịch làng nghề truyền thống của các địa phương. Mỗi một giai đoạn có một mục tiêu phát triển khác nhau, từ đó lễ hội cũng được khai thác thông qua các hình thức mang tính đặc thù để phát huy thế mạnh vốn có của các loại hình văn hoá xã hội này.

- *Do nhu cầu vui chơi giải trí của các tầng lớp nhân dân trong xã hội*: Nhu cầu vui chơi giải trí luôn đặt ra với con người mỗi khi có thời gian nhàn rỗi như sau thời kỳ lao động sản xuất có liên quan đến mùa vụ, hoặc các nghề nghiệp sản xuất khác. Người dân sau một thời gian lao động sản xuất mệt nhọc, vất vả, căng thẳng muốn nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, bù đắp năng lượng thiếu hụt đều có mong muốn và nhu cầu bổ sung nguồn năng lượng tiêu hao, thiếu hụt thông qua việc tham gia các lễ hội. ở đó họ được bù đắp, khám phá những mới mẻ, hấp dẫn khác của đời sống văn hoá mà họ chưa có. Nhu cầu này thường xuyên, liên tục đối với mỗi con người, như là một tất yếu để giải toả những ức chế, mệt mỏi trong cuộc sống, thu nạp năng lượng để bước vào cuộc sống mới. Quá trình này chính là quá trình "tích nạp năng lượng", là sự bổ sung điều chỉnh để tự hoàn thiện mình trong những điều kiện, hoàn cảnh mới.

1.3.1.2. Đặc điểm cơ bản của lễ hội truyền thống Việt Nam

Lễ hội truyền thống là loại hình sinh hoạt văn hoá, sản phẩm tinh thần của người dân được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử. Xuất phát từ nền văn minh lúa nước ở vùng nhiệt đới, hình thành lên những nét phong phú và độc đáo của lễ hội truyền thống Việt Nam. Văn hóa Việt Nam là văn hóa gốc nông nghiệp do đó lễ hội truyền thống Việt Nam là lễ hội nông nghiệp.

Quy trình của lễ hội của một lễ hội truyền thống Việt Nam thông thường địa phương nào mở hội cũng đều tiến hành theo ba bước sau: Chuẩn bị lễ hội được chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn chuẩn bị cho mùa lễ hội sau và khi ngày hội đã đến gần. Chuẩn bị cho mùa lễ hội sau được tiến hành ngay sau khi

mùa hội trước kết thúc, mọi khâu chuẩn bị đã có sự phân công, cắt cử mọi việc để đón mùa lễ hội năm sau. Khi ngày hội sắp diễn ra, công việc kiểm tra lại đồ tế lễ, trang phục, quét dọn, mở cửa di tích, rước nước làm lễ tắm tượng (mộc dục) cùng các đồ tế tự, thay trang phục mũ cho thần...

Vào hội: nhiều hoạt động diễn ra trong các ngày lễ hội, đó là các nghi thức tế lễ, lễ rước, dâng hương, tổ chức các trò vui. Đây là toàn bộ những hoạt động chính có ý nghĩa nhất của một lễ hội. Lễ hội thu hút nhiều đối tượng hay ít khách đến với lễ hội, diễn ra trong nhiều ngày hay một ngày hoàn toàn chi phối bởi các hoạt động trong những ngày này.

Kết thúc hội (xuất tịch, giã đám, giã hội): Ban tổ chức làm lễ tạ, đóng cửa di tích.

Thời gian mở hội của Lễ hội truyền thống ở Việt Nam được tổ chức nhiều nhất vào ba tháng mùa xuân và mùa thu. Hai khoảng thời gian trên là lúc người dân nhàn rỗi. Mùa xuân tiết trời ấm áp, mùa thu tiết trời mát mẻ, đều thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội. Hai yếu tố cơ bản tạo nên sự thoải mái, vui vẻ cho người đi dự hội.

Lễ hội truyền thống bao giờ cũng hướng đến một đối tượng đó là thần thánh, và là cầu nối giữa hiện tại với quá khứ, là giao lưu cộng cảm, trao truyền những đạo lý, thuần phong, mĩ tục, củng cố tinh thần cố kết cộng đồng. Mỗi một dịp lễ hội là một dịp quy tụ hàng ngàn, hàng vạn người trong cùng một không gian thiêng liêng.

Có nhiều quan niệm khác nhau về lễ hội, có lễ hội cổ truyền, lễ hội truyền thống với ý nghĩa gần như tương đương nhau, truyền thống hay cổ truyền thật ra chỉ là hai thuật ngữ Hán – Việt dùng để cùng nói về một đối tượng. Lễ hội truyền thống là một bộ phận những giá trị tốt đẹp của lễ hội cổ truyền của dân tộc, được các thế hệ sau nối tiếp, thê hệ trước tái tạo và khẳng định để bảo tồn và phát huy theo hướng tích cực trong đời sống xã hội. Ngoài ra còn có lễ hội dân gian cũng là một lễ hội trong đời sống văn hóa tinh thần của một xã hội được hình thành trên cơ sở cố kết cộng đồng. Từ đây ta có thể thấy, Lễ hội truyền thống, lễ hội cổ truyền và lễ hội dân gian là đồng nhất với nhau nói về lễ hội

trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân xưa và nay. Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng nhà nghiên cứu với những cách tiếp cận khác nhau và phương thức nghiên cứu khác nhau. Nhưng tất cả đều cho rằng lễ hội truyền thống là một hiện tương có tính chất hai mặt trong một chỉnh thể thống nhất. Lễ hội truyền thống là một hệ thống hành vi nghi thức biểu đạt thế ứng xử của cộng đồng, hướng tới đối tượng thần linh nhất định và những hoạt động văn hóa để minh họa cho các hành vi, nghi lễ.

Hiện tại ở nước ta có nhiều loại lễ hội, bên cạnh lễ hội truyền thống còn có Lễ hội mới, (lễ hội hiện đại, gắn với các sự kiện lịch sử hiện đại, cách mạng), lễ hội sự kiện (gắn với du lịch quảng bá du lịch, Lễ hội nhân kỷ niệm những năm chẵn thành lập thành phố, tỉnh, huyện)…, trong đó lễ hội cổ truyền có số lượng nhiều nhất (khoảng trên 7000 lễ hội trong tổng số gần 9000 lễ hội), phạm vi phân bố rộng (cả nông thôn, đô thị, vùng núi các dân tộc), có lịch sử lâu đời nhất. Người ta có thể phân loại lễ hội cổ truyền theo thời gian các mùa trong năm, trong đó quan trọng nhất là mùa xuân, mùa thu (xuân thu nhị kỳ), phân chia theo phạm vi lớn nhỏ: Lễ hội làng, lễ hội vùng, lễ hội quốc gia. Phân loại theo tính chất của lễ hội: Lễ hội nghề nghiệp (nông, ngư, nghề buôn…), lễ hội tôn vinh anh hùng dân tộc, người có công với quê hương, đất nước, lễ hội gắn với các tôn giáo tín ngưỡng cụ thể như lễ hội của Phật, Kitô, Tín ngưỡng dân gian…

Lễ hội truyền thống là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian phổ biến của cộng đồng cư dân nông nghiệp nước ta. Tính nguyên hợp của lễ hội thể hiện ở chỗ lễ hội vừa là hoạt động tín ngưỡng thờ cũng các vị thần linh, vừa là hoạt động vui chơi giải trí, là sinh hoạt văn hóa tinh thần gắn bó trực tiếp với hoạt động văn hóa sản xuất, vật chất.

Như vậy, có thể nhận định rằng, lế hội truyền thống là lễ hội được sáng tạo và lưu truyền theo phương thức dân gian, được hình thành trong các hình thái văn hóa lịch sử, được truyền lại trong các cộng đồng nông nghiệp với tư cách như một phong tục tập quán.

Từ những quan điểm trên có thể đưa ra một số đặc trưng cơ bả sau của một lễ hội truyền thống :

Lễ hội truyền thống là một sinh hoạt văn hóa *mang tính hệ thống tính phức hợp,* một hiện tượng *văn hóa dân gian tổng thể,* bao gồm gần như tất cả các phương diện khác nhau của đời sống xã hội của con người: sinh hoạt tín ngưỡng, nghi lễ, phong tục, giao tiếp và gắn kết xã hội, các sinh hoạt diễn xướng dân gian (hát, múa, trò chơi, sân khấu…), các cuộc thi tài, vui chơi, giải trí, ẩm thực, mua bán… Không có một sinh hoạt văn hóa truyền thống nào của nước ta lại có thể sánh được với lễ hội cổ truyền, trong đó chứa đựng đặc tính vừa đa dạng vừa nguyên hợp này.

Chủ thể của lễ hội truyền thống là *cộng đồng,* đó là cộng đồng làng, cộng đồng nghề nghiệp, cộng đồng tôn giáo tín ngưỡng, cộng đồng thị dân và lớn hơn cả là cộng đồng quốc gia dân tộc. Nói cách khác không có lễ hội nào lại không thuộc về một dạng cộng đồng, của một cộng đồng nhất định. Cộng đồng chính là chủ thể sáng tạo, hoạt động và hưởng thụ các giá trị văn hóa của lễ hội.

Tính phức hợp, tính tổng thể và tính cộng đồng của lễ hội truyền thống quy định *tính chất, sắc thái văn hóa, cách thức tổ chức, thái độ và hành vi, tình cảm* của những người tham gia lễ hội, phân biệt với các loại hình lễ hội khác như lễ hội sự kiện, các loại Festival...

1.3.1.3. Đặc điểm của lễ hội truyền thống Hải Phòng

Cũng như các tỉnh thành phố trong cả nước lễ hội truyền thống là lễ hội nông nghiệp với ước muốn mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, dân khang vật thịnh, mùa màng tươi tốt, dân khang vật thịnh. Nhưng Hải Phòng lại là thành phố biển với nhiều nét văn hóa biển độc đáo, do đó lễ hội Hải Phòng không chỉ có lễ hội của nông nghiệp mà còn có cả lễ hội của ngư dân – những người sống bằng nghề sông nước. Nổi tiếng nhất đó là lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn là của đa phần những người đi biển nhưng cũng có sự tham gia của những người làm ruộng khi vào hội. Hay lễ hội làng Quần Mục (Kiến Thụy, Hải Phòng) với những trò chơi chính trong hội mang đậm nét văn hóa của cư dân ven biển Hải

Phòng mà khác với các tỉnh thành khác là bơi thuyền và đi kheo của những người đánh cá.

Nhưng đối với lễ hội Hải Phòng, ngoài những nét chung như tế, rước… lễ hội còn mang sắc thái địa phương độc đáo, ít nơi hoặc thậm chí không có nơi nào có. Ví như lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn, cũng là thờ thủy thần vị thần ấy là thần Điểm Tước, hay một số phần hội có nét đặc trưng hơn với người dân vùng biển là ước vọng của con người thể hiện qua các tích trò như "Thủy chiến cửa đình" – tái hiện lại cuộc chiến đấu của Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng…

Nét văn hóa lễ hội truyền thống Hải Phòng chứa đựng những nét phong tục, tín ngưỡng, văn hóa nghệ thuật, thuật cả các sự kiện xã hội - lịch sử quan trọng của dân tộc nói chung và Hải Phòng nói riêng và lễ hội còn là bảo tàng sống về các mặt sinh hoạt văn hoá tinh thần của người Hải Phòng. Chúng đã sống, đang sống và đang tồn tại giữa đời sống con người Hải Phòng, thể hiện cái cốt cách riêng có của thành phố Cảng. là niềm tự hào riêng của thành phố về văn hóa truyền thống thành phố biển quê hương.

1.3.2. Giá trị của lễ hội truyền thống trong nền văn hóa dân tộc

Lễ hội cổ truyền là những mốc đánh dấu chu trình đời sống sản xuất và đời sống xã hội của mỗi cộng đồng người, mà một khi cái mốc mang tính lễ nghi đó chưa được thực hiện thì các quá trình sản xuất và quá trình xã hội đó sẽ bị đình trệ, sự sinh tồn và các quan hệ xã hội sẽ bị phá vỡ. một nghi lễ, lễ hội bao giờ cũng mang tính chuyển tiếp của một chu trình sản xuất vật chất hay xã hội nhất định.

Trong số hơn 7000 lễ hội truyền thống của nước ta, xét về nguồn cội đều là lễ hội nông nghiệp, quy mô ban đầu là hội làng. Tuy nhiên, trong tiến trình lịch sử, các lễ hội nông nghiệp này dần biến đổi, làm phong phú hơn bằng những nội dung lịch sử (nhất là lịch sử chống ngoại xâm), nội dung xã hội (nhất là các quan hệ cộng đồng), nội dung văn hóa tạo nên diện mạo vô cùng phong phú và đa dạng như ngày nay.

Khi nước ta cũng như ở nhiều nước khác đã bước vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng lễ hội truyền thống vẫn tồn tại thậm chí còn bùng phát mạnh mẽ. Phải chăng lễ hội truyền thống vẫn thu hút và lôi cuốn con người xã hội hiện đại? Nói cách khác, lễ hội truyền thống vẫn đáp ứng nhu cầu của con người không chỉ trong xã hội truyền thống mà cả xã hội hiện đại. Có được điều đó là do lễ hội truyền thống hội tụ các giá trị sau:

1.3.2.1. *Giá trị cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng*

Lễ hội nào cũng là của cộng đồng và thuộc về một cộng đồng người nhất định, đó có thể là cộng đồng làng xã (hội làng), cộng đồng nghề nghiệp (hội nghề), cộng đồng tôn giáo (hội chùa, hội đền, hội nhà thờ), cộng đồng dân tộc (hội Đền Hùng - quôc tế) đến cộng đồng nhỏ hẹp hơn, như gia tộc, dòng họ... chính lễ hội là dịp biểu dương sức mạnh của cộng đồng và là chất kết dính tạo nên sự cố kết cộng đồng.

Mỗi cộng đồng hình thành và tồn tại trên cơ sở của những nền tảng gắn kết, như gắn kết do cùng cư trú trên một lãnh thổ (cộng cư), gắn kết về sở hữu tài nguyên và lợi ích kinh tế (công hữu), gắn kết bởi số mệnh chịu sự chi phối của một lực lượng siêu nhiên nào đó (cộng mệnh), gắn kết bởi nhu cầu sự đồng cảm trong các hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hoá (cộng cảm)… Lễ hội là môi trường góp phần quan trọng tạo nên niềm cộng mệnh và cộng cảm của sức mạnh cộng đồng.

Ngày nay, trong điều kiện xã hội hiện đại, con người càng ngày càng khẳng định "cái cá nhân", "cá tính" của mình thì không vì thế cái "cộng đồng" bị phá vỡ, mà nó chỉ biến đổi các sắc thái và phạm vi, con người vẫn phải nương tựa vào cộng đồng, có nhu cầu cố kết cộng đồng. Trong điều kiện như vậy, lễ hội vẫn giữ nguyên giá trị biểu tượng của sức mạnh cộng đồng và tạo nên sự cố kêt cộng đồng ấy.

1.3.2.2. *Giá trị hướng về cội nguồn*

Tất cả mọi lễ hội cổ truyền đều hướng về nguồn. Đó là nguồn cội tự nhiên mà con người vốn từ đó sinh ra và nay vẫn là một bộ phận hữu cơ; nguồn cội cộng đồng như dân tộc, đất nước, xóm làng, tổ tiên, nguồn cội văn hoá... Hơn

thế nữa, hướng về nguồn đã trở thành tâm thức của con người Việt Nam - "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây". Chính vì thế, lễ hội bao giờ cũng gắn với hành hương - du lịch.

Ngày nay, trong thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật, tin học hoá, toàn cầu hóa, con người bừng tỉnh về tình trạng tách rời giữa bản thân mình với tự nhiên, môi trường; với lịch sử xa xưa, với truyền thống văn hoá độc đáo đang bị mai một. Chính trong môi trường tự nhiên và xã hội như vậy, hơn bao giờ hết con người càng có nhu cầu hướng về, tìm lại cái nguồn cội tự nhiên của mình, hoà mình vào với môi trường thiên nhiên; trở về, tìm lại và khẳng định cái nguồn gốc cộng đồng và bản sắc văn hoá của mình trong cái chung của văn hoá nhân loại. Chính nền văn hoá truyền thống, trong đó có lễ hội cổ truyền là một biểu tượng, có thể đáp ứng nhu cầu bức xúc ấy. Đó cũng chính là tính nhân bản bền vững và sâu sắc của lễ hội có thể đáp ứng nhu cầu của con người ở mọi thời đại.

1.3.2.3. Giá trị cân bằng đời sống tâm linh

Bên cạnh đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tư tưởng còn hiện hữu đời sống tâm linh. Đó là đời sống của con người hướng về cái cao cả thiêng liêng - chân thiện mỹ - cái mà con người ngưỡng mộ, ước vọng, tôn thờ, trong đó có niềm tin tôn giáo tín ngưỡng. Như vậy, tôn giáo tín ngưỡng thuộc về đời sống tâm linh, tuy nhiên không phải tất cả đời sống tâm linh là tôn giáo tín ngưỡng. Chính tôn giáo tín ngưỡng, các nghi lễ, lễ hội góp phần làm thoả mãn nhu cầu về đời sống tâm linh của con người, đó là "cuộc đời thứ hai", đó là trạng thái "thăng hoa" từ đời sống trần tục, hiện hữu.

Xã hội hiện đại với nhịp sống công nghiệp, các hoạt động của con người dường như được "chương trình hoá" theo nhịp hoạt động của máy móc, căng thẳng và đơn điệu, ồn ào, chật chội nhưng vẫn cảm thấy cô đơn. Một đời sống như vậy tuy có đầy đủ về vật chất nhưng vẫn khô cứng về đời sống tinh thần và tâm linh, một đời sống chỉ có dồn nén, "trật tự" mà thiếu sự cởi mở, xô bồ, "tháo khoán"... Tất cả những cái đó hạn chế khả năng hoà đồng của con người, làm thui chột những khả năng sáng tạo văn hoá mang tính đại chúng. Một đời sống

như vậy không có "thời điểm mạnh", "cuộc sống thứ hai", không có sự "bùng cháy" và "thăng hoa".

Trở về với văn hoá dân tộc, lễ hội cổ truyền con người hiện đại dường như được tắm mình trong dòng nước mát đầu nguồn của văn hoá dân tộc, tận hưởng những giây phút thiêng liêng, ngưỡng vọng những biểu tượng siêu việt cao cả - chân thiện mỹ, được sống những giờ phút giao cảm hồ hởi đầy tinh thần cộng đồng, con người có thể phô bày tất cả những gì là tinh tuý đẹp đẽ nhất của bản thân qua các cuộc thi tài, qua các hình thức trình diễn nghệ thuật, cách thức ăn mặc lộng lẫy, đẹp đẽ khác hẳn ngày thường... Tất cả đó là trạng thái "thăng hoa" từ đời sống hiện thực, vượt lên trên đời sống hiện thực. Nói cách khác, lễ hội đã thuộc về phạm trù cái thiêng liêng của đời sống tâm linh, đối lập và cân bằng với cái trần tục của đời sống hiện thực.

1.3.2.4. Giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng - văn hoá cộng đồng của nhân dân ở nông thôn cũng như ở đô thị. Trong các lễ hội đó, nhân dân tự đứng ra tổ chức, chi phí, sáng tạo và tái hiện các sinh hoạt văn hoá cộng đồng và hưởng thụ các giá trị văn hoá và tâm linh, do vậy, lễ hội bao giờ cũng thấm đượm tinh thần dân chủ và nhân bản sâu sắc. Đặc biệt trong "thời điểm mạnh" của lễ hội, khi mà tất cả mọi người chan hoà trong không khí thiêng liêng, hứng khởi thì các cách biệt xã hội giữa cá nhân ngày thường dường như được xoá nhoà, con người cùng sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hoá của mình.

Điều này có phần nào đối lập với đời sống thường nhật của những xã hội phát triển, khi mà phân công lao động xã hội đã được chuyên môn hoá, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hoá của con người đã phần nào tách biệt.

Đấy là chưa kể trong xã hội nhất định, một lớp người có đặc quyền có tham vọng "cướp đoạt" các sáng tạo văn hoá cộng đồng để phục vụ cho lợi ích riêng của mình. Đến như nhu cầu giao tiếp với thần linh của con người cũng tập trung vào một lớp người có "khả năng đặc biệt". Như vậy, con người, đứng từ góc độ quảng đại quần chúng, không còn thực sự là chủ thể của quá trình sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hoá một cách bình đẳng nữa. Xu hướng đó phần

nào xói mòn tinh thần nhân bản của văn hoá, làm tha hoá chính bản thân con người. Do vậy, con người trong xã hội hiện đại, cùng với xu hướng dân chủ hoá về kinh tế, xã hội thì cũng diễn ra quá trình dân chủ hoá về văn hoá. Chính nền văn hoá truyền thống, trong đó có lễ hội cổ truyền là môi trường tiềm ẩn những nhân tố dân chủ trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hoá ấy.

1.3.2.5. Giá trị bảo tồn và trao truyền văn hóa

Lễ hội không chỉ là tấm gương phản chiếu nền văn hoá dân tộc, mà còn là môi trường bảo tồn, làm giàu và phát huy nền văn hoá dân tộc ấy.

Cuộc sống của con người Việt Nam không phải lúc nào cũng là ngày hội, mà trong chu kỳ một năm, với bao ngày tháng nhọc nhằn, vất vả, lo âu, để rồi "xuân thu nhị kỳ", "tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ", cuộc sống nơi thôn quê vốn tĩnh lặng ấy vang dậy tiếng trống chiêng, người người tụ hội nơi đình chùa mở hội. Nơi đó, con người hoá thân thành văn hoá, văn hoá làm biến đổi con người, một "bảo tàng sống" về văn hoá dân tộc được hồi sinh, sáng tạo và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tôi đã nhiều lần tự hỏi, nếu như không có nghi lễ và hội hè thì các làn điệu dân ca như quan họ, hát xoan...; các điệu múa xanh tiền, con đĩ đánh bồng, múa rồng, múa lân...; các hình thức sân khấu chèo, hát bội, rối nước, cải lương...; các trò chơi, trò diễn: Đánh cờ người, chọi gà, chơi đu, đánh vật, bơi trải, đánh phết, trò trám... sẽ ra đời và duy trì như thế nào trong lòng dân tộc suốt hàng nghìn năm qua. Và như vậy thì dân tộc và văn hoá dân tộc sẽ đi đâu, về đâu, sẽ còn mất ra sao?

Đã ai đó từng nói làng xã Việt Nam là cái nôi hình thành, bảo tồn, sản sinh văn hoá truyền thống của dân tộc nhất là trong hoàn cảnh bị xâm lược và đồng hoá. Trong cái làng xã nghèo nàn ấy, ngôi đình mái chùa, cái đền và cùng với nó là lễ hội với "xuân thu nhị kỳ" chính là tâm điểm của cái nôi văn hoá đó. Không có làng xã Việt Nam thì cũng không có văn hoá Việt Nam.

Điều này càng cực kỳ quan trọng trong điều kiện xã hội công nghiệp hoá, hiện đại hoá và toàn cầu hoá hiện nay, khi mà sự nghiệp bảo tồn, làm giàu và phát huy văn hoá truyền thống dân tộc trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, thì

làng xã và lễ hội Việt Nam lại gánh một phần trách nhiệm là nơi bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Tóm lại, lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá tinh thần biểu hiện những giá trị tiêu biểu của một cộng đồng, một dân tộc. Ở nước ta, lễ hội được tổ chức bao gồm nhiều mặt của đời sống xã hội như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, sự tích về các vị anh hùng có công với dân với nước, các trò chơi dân gian, diễn xướng dân gian, các nghi lễ… Hàng năm trên đất nước ta có hàng ngàn lễ hội được tổ chức với nhiều hình thức, quy mô và mang ý nghĩa khác nhau. Hải Phòng lại là thành phố biển được hình thành gắn liền với quá trình lịch sử hào hùng của dân tộc và truyền thống văn hóa con người nơi đây đã hình thành lên một Hải Phòng với nhiều lễ hội đặc sắc và tiêu biểu. Nhưng lễ hội truyền thống Hải Phòng cũng như các lễ hội truyền thống khác, cũng như là một loại hình sinh hoạt văn hoá tinh thần đặc biệt, mang tính tập thể có giá trị to lớn mang ý nghĩa cố kết cộng dồng dân tộc, giáo dục tình cảm đạo đức con người hướng về cội nguồn, đồng thời lễ hội có giá trị văn hoá tâm linh cân bằng đời sống tinh thần con người hướng về cái cao cả thiêng liêng. Lễ hội còn là tấm gương phản chiếu việc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá dân tộc và đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lễ hội còn mang một giá trị kinh tế lớn, là sản phẩm văn hoá đặc biệt cho ngành du lịch.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Qua chương 1 có thể nói lễ hội truyền thống là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc Việt Nam và là một hiện tượng có tính chất tổng hợp chứa đựng trong nó cả tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục tập quán, diễn xướng dân gian và văn nghệ dân gian. Bên cạnh đó, Giáo sư Trần Quốc Vượng trong Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm thì "*Lễ hội còn là một sản phẩm và biểu hiện của một nền văn hóa*". Lễ hội truyền thống được ra đời, bảo tồn và phát huy trong lòng lịch sử- văn hoá dân tộc, nó phản ánh khá đầy đủ và rất sinh động đời sống văn hoá- xã hội mà đã trải qua.

Nhiều yếu tố văn hoá tinh thần được lễ hội truyền thống bảo lưu và truyền tụng từ đời này sang đời khác; và thực sự trở thành di sản văn hoá truyền thống vô giá. Đó chính là kho tàng các giá trị thuộc về tinh hoa văn hoá, phản ánh rõ nét bản lĩnh và bản sắc dân tộc Việt Nam. Lễ hội truyền thống mang trong mình sức sống bền bỉ dẻo dai của một dân tộc, mang theo nhiều dấu ấn lịch sử đậm nét, gắn với những sự kiện chính trị, giá trị tinh thần thiêng liêng trong đời sống dân tộc. Và cũng nhờ có lễ hội mà văn hóa tín ngưỡng, những nét phong tục tập quán của người dân được giữ gìn và phát huy. Hiện tại của nó là luôn gắn liền với vật thờ và được tổ chức tại di tích thờ. Do đó, như một thể thống nhất lễ hội, di tích và thần thánh đã trở thành một nhu cầu, một nguyện vọng tâm linh của người dân.

Đối với Hải Phòng, lễ hội mang nét văn hóa của người dân cảng biển, có chút mạnh mẽ, có chút phóng khoang và lễ hội của nó cũng như những gì mà con người nơi đây vốn có.

CHƯƠNG 2. LỄ HỘI XA MÃ ĐÌNH HOÀNG CHÂU, XÃ HOÀNG CHÂU, HUYỆN CÁT HẢI, HẢI PHÒNG

Lễ hội Xa Mã đình Hoàng Châu là một lễ hội độc đáo, mang nhiều nét văn hóa truyền thống của người Cát Hải. Không chỉ thể hiện ở nét truyền thống vốn có của vùng biển, mà đối với họ đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tâm linh mối người dân nơi đây.

2.1. Bước đầu nhận diện lễ hội

2.1.1. Lịch sử hình thành lễ hội

2.1.1.1. Nguồn gốc và tên gọi của lễ hội

Ăn sâu trong tiềm thức của người dân Cát Hải đó là các ngày lễ lớn trong năm tại đình làng để tưởng nhớ đến vị thần mà họ tôn thờ. Họ có 3 lễ hội lớn và được tổ chức chính hàng năm. Đó là lễ hội Chèo thuyền được tổ chức ngày 21 tháng Giêng; thứ hai là lễ hội cầu ngư tổ chức vào mùng 1 tháng 4 âm lịch; và thứ ba là lễ hội Rước Kiệu thánh ngày 10 đến 12 tháng 6 âm lịch hàng năm. Riêng ở xã Hoàng Châu cúng tổ chức vào những ngày này nhưng có lễ hội độc đáo hơn đó là lễ hội Xa Mã.

Theo truyền thuyết các cụ trong làng kể lại rằng; "trước kia khi đi trấn quan ải Đông Hải Đại Vương thường có hai tuấn mã đi trước, đi đến đâu thắng đến đó. Khi Ngài hóa hai tuấn mã theo ngài chinh chiến cũng được nhân dân thờ tự, và họ gọi là Ông Xa Mã". Nhưng cũng có những câu chuyện truyền lại rằng "khi ngài trấn ải ở nơi đây, ngài chăm lo cho dân, mở hội khao quân dân thường tỏ chức hội kéo ngựa cho quân vui"… có câu chuyện lể rằng, khi xưa giặc sang xâm chiếm bờ cõi nước ta, nhân dân phải chịu cảnh lầm than, đói khổ… triều đình đã sai hai đạo quân ra vùng đông bắc dẹp giặc, yên dân, bảo vệ biên giới vùng biển đông của Đại Việt. Nên ngày nay, mỗi khi tổ chức lễ hội, người dân đều tiens hành tổ chức lễ xa mã giữa hai giáp là giáp Đông và giáp Tây. Nhiều huyền thoại đến nay với người dân Hoàng Châu đã thành cái lệ. Họ tờ tự, và tổ chức đang hương lễ hội hàng năm.

Ngày 10 tháng 6 là ngày thắng trận Ưng Thiên, có khi là ngày giỗ Mẫu, cũng có khi là ngày mà Vua ra lệnh tổ chức để tưởng nhớ công ơn… nhưng trên thực tế cho thấy, lễ hội thường được tổ chức vào những ngày nông nhàn, để người dân được vui chơi sau những ngày làm việc mệt nhọc. Khác với cư dân nông nghiệp nhàn rỗi những ngày xuân thu nhị kỳ, thì những ngư dân Cát Hải lại có những ngày nông nhàn và tháng 6, họ phụ thuộc vào thiên nhiên, làm nghề chài lưới tháng 6 có gió Nam to, gió Đông lớn không thể đi biển, nên những ngày tháng 6 là những ngày nông nhàn với họ, tập trung đông đủ trong xóm ngoài giáp.

Theo các cụ già làng kể lại, khi dân làng chuẩn bị làm đình, có cắt cử một số người ra vùng Đông Bắc Quảng Ninh mua gỗ để vè làm đình làng, gỗ đã mua xong, họ đã đóng thành bè để theo dòng mà về nhà. Nhưng kỳ lạ thay, ko có gió, trời yên biển lặng, bè không thể di chuyển. Họ đành cầu khấn thần linh hướng Biển Đông và trời đất cho gió để mang gỗ về xây đình. Rồi chợt gió đông nổi lên rất mạnh như có phép màu nhiệm, thổi gió đưa bè xuôi dòng về kịp thời gian dựng đình. Từ đó người dân lấy ngày 10 tháng 6 hàng năm là ngày dựng đình làm lễ hội tưởng nhớ người các vị thần Đông Hải và Nam Hải.

Tổ chức cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, dân khang vật thịnh cho người dân vùng biển, để tưởng nhớ đến vị thần Bản Thổ, thần hoàng làng, Mẫu và hai vị xa mã.

Khác với lễ Nghinh Ông của ngư dân miền Trung, họ tổ chức như nghi lễ của một đám tang hay đám cải táng rồi hát bả trạo…giống như đám tang truyền thống Việt Nam, mà với ngư dân Cát Hải, họ thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng như một vị thành hoàng làng với những nghi thức như của cư dân nông nghiệp: có xôi, oản, hương, hoa, thịt lợn, thịt gà, đặc biệt là có bành giầy – một sản phẩm không thể thiếu với cư dân trồng lúa…có văn tế trong các lễ hội truyền thống nông nghiệp không hát Bả trạo như lễ Nghinh Ông. Bên cạnh đó, lễ hội rước kiệu tế thần được tổ chức theo nghi thức lễ truyền thống của các lễ hội truyền thống miền Bắc Bộ. Các trò hội truyền thống nông nghiệp, ngư nghiệp được kết hợp tổ chức như thi làm bánh giầy, bánh trưng, kéo co, hát quan họ, thi

chèo thuyền, đan lưới… tạo cho lễ hội ở nơi đây sự giao hòa giữa văn hóa biển với văn hóa đồng bằng, giữa ngư nghiệp với nông nghiệp.

2.1.1.2. Địa điểm và thời gian tổ chức lễ hội

Lễ hội Xa Mã Rước Kiệu được tổ chức hàng năm vào ngày mùng 9 đến ngày 12 tháng 6 âm lịch hàng năm tại Đình Hoàng Châu, xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải, Hải Phòng.

Đình Hoàng Châu hay còn gọi là đình Vàng Châu, thờ Lý triều quốc sư hiển thánh sắc phong Dực Vũ Đại Vương thượng đẳng thần, húy Đoàn Thượng. Ngài đã có công mở trường khuyên học, đánh giặc Ưng Thiên, bảo an cho nhân dân.

Vào khoảng thế kỷ thứ XVI, đình Hoàng Châu bây giờ cách đình Hoàng Châu xưa kia không quá 3 km, cách Đồ Sơn 3km, sớm tối cùng nhau nghe chung tiếng gà gáy.

Trải qua thời gian, khí hậu, môi trường bào mòn và thiên tai bão lụt… qua mấy trăm năm lịch sử, địa mạo địa chất thay đổi lấn chìm và bào mòn của nước biển đã đẩy lùi Cát Hải ra xa như ngày nay. Làng Hoàng Châu cũng từ đó xa dần và chuyển về hướng đông Chương Cao như ngày nay. Đình Hoàng Châu xưa kia không thể di chuyển theo bởi sự hạn chế về sức người và phương tiện còn nhiều thô sơ, người dân nơi đây đành để lại ngôi đình, giao cho xã Lương Xâm, huyện An Hải, Hải Phòng thờ tự.

Hiện di tích còn lại là chiếc sập đá Long Chầu Nguyệt ở đông Chương Cao gần đền La Văn. Đến thế kỷ thứ XVII, nhân dân địa phương có mua một căn nhà gỗ ở Hà Nam thuộc tỉnh Quảng Ninh về làm đình. Đình làng Hoàng Châu hiện nay được xây dựng từ thế kỷ XVII, thời vua Gia Long. Được UBND thành phố Hải Phòng cấp bằng công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp thành phố năm 2005.

Hiện vật của đình tồn tại đến ngày nay còn có 5 bộ kiệu trong đó có 2 bộ kiệu có từ thế kỷ XVII và 3 bộ kiệu thừu thế kỷ XVIII; 2 bộ ngai to và 2 bộ ngai nhỏ; 1 khám và một pho tượng thờ công chúa Liễu Hạnh; 1 đôi long mã có từ

thế kỷ XVIII đây là một tuyệt tác nghệ thuật độc đáo tính đến nay đã hơn 289 năm; 2 chấp Kính và 1 long đình của thế kỷ XVIII.

Đình hiện nay được xây dựng và trùng tu qua nhiều lần :

- lần 1 trùng tu năm Bính Thân 1916
- lần 2 năm Canh Thìn 2000
- lần 3 được xây mới lại cung thờ 2009
- năm 2010 tức năm Canh Dần cổng đình làng được xây mới hoàn toàn đánh dấu một công trình tổng thể gồm đình, chùa văn từ và 2 miếu trong làng. Văn từ thờ đức thánh Khổng Tử; Miếu Đông thờ Thành Hoàng Phó Nguyên Súy, Miếu Tây thờ Đức Bản Thổ Đô Nguyên Súy, chính cung đình thờ Tiên Thiên Thánh Mẫu – chính vị Bà Đức Chúa Liễu Hạnh; còn chùa Thờ Phật.

2.1.2. Các vị thần được tôn thờ trong lễ hội

2.1.2.1. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng và quá trình thiêng hóa

a) Thân thế và sự nghiệp

Theo một số nhà sử học đã từng khảo sát điền dã cho thấy có những làng trước đây thờ Đức Thánh Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, sau thất lạc ngọc phả thần tích, sắc phong nên không hiểu biết về Ngài đã dỡ bỏ nơi thờ tự, thậm chí là nhầm Ngài với nhân vật lịch sử khác. Vậy Ngài là ai? Câu hỏi đó đến nay vẫn còn nhiều điều không thống nhất về ngày tháng năm sinh cũng như thân phụ và thân mẫu của Ngài. Nhưng đến nay có niều nơi tôn thờ Ngài như vị thành hoàng làng, và việc đó đã trở thành tín ngưỡng văn hóa ăn sâu vào trong tiềm thức của người dân ở nhiều địa phương trên nhiều tỉnh thành miền bắc nước ta.

Giải thích về hiện tượng tín ngưỡng thờ cũng Đông Hải đại vương Đoàn Thượng ở xứ Đông, Cố giáo sư sử học Trần Quốc Vượng cho rằng: “Trong tín ngưỡng tâm linh, nếu xứ Đoài (Sơn Tây) có Thánh Tản (Tản Viên Sơn Thánh - Sơn Tinh của người Việt, vua Pa Ví (Ba Vì) của người Mường), xứ Bắc có Phù Đổng Thiên Vương (Thánh Dóng), xứ Nam có Chử Đồng Tử, rồi Mẫu Liễu Hạnh, thì xứ Đông đời đời rạng danh Đông Hải Đại Vương với hàng trăm đền thờ từ Bần Yên Nhân dọc xuống tận Hải Phòng. Thần là ai ? Ai biết đi điền dã

dân tục - sử thì sẽ hiểu: Nguyên lai, đây là những đền thờ Cá - Ông - Voi của ngư dân và cư dân ven biển; sau thời Lý sang thời Trần, thần Đông Hải - Hải Đông đã được nhân cách hoá và hoá thân vào nhân vật lịch sử có thật: Đó là tướng quân Đoàn Thượng, người đã cùng tướng quân Hoài Đại Vương xứ Bắc Nguyễn Nộn làm nghiêng ngả lịch sử cuối Lý, đầu Trần...Để cuối cùng vì chia rẽ nhau, cả 2 tướng quân xứ Đông, xứ Bắc đều thua trí, thua lực của dòng họ Trần gốc dân chài xứ Nam...” [6, tr. 396].

Theo Đại tá Đoàn Văn Minh, hội viên Hội khoa học lịch sử Hải Phòng nhận định: “Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng là danh tướng đức tài, gồm đủ nhân, trí, dũng, văn võ kiêm toàn, là một đại thần trung thành của vương triều nhà Lý, có công lao to lớn với dân với nước, Ngài thực hành “Quốc dĩ dân vi bản, dân dĩ thực vi tiên”, coi quốc gia là trọng, luôn chăm lo cho nhân dân”.

Theo “*Việt Điện U Linh*” của Lý Tế Xuyên, Đoàn Thượng là một trung thần của nhà Lý “Anh liệt Chinh khí quân”. Sau khi Ngài mất được sắc phong là “Đông Hải Đại Vương Thượng Đẳng Thần” [13, tr.173]. Dù vậy, đến nay vẫn còn nhiều điều không thống nhất về Ngài.

Do Ngọc phả không còn, nhiều nơi thờ tự nhưng lại gắn với nhiều thần tích khác nhau có đôi khi còn nhầm Ngài với các vị thần khác, nên có sự thống nhất về quê quán nhưng lại nhiều sai lệch về ngày sinh và ngày hóa của Ngài. Trước hết theo các truyện và sự tích về ngài đã có sự sai lệch:

Theo *Truyện Đoàn Thượng Đông Hải Đại Vương*, Đoàn Thượng sinh ngày mùng 10 tháng 2 năm Giáp Thìn (1184) và hóa ngày mùng 6 tháng 8, thọ 56 tuổi [3, tr.914 – tr.918].

TS. Nguyễn Văn Thắng, với luận án tiến sĩ “*Lễ hội cổ truyền ở Hưng Yên*” [9,tr.78] có dẫn chứng sau:

– Theo *Truyện Đoàn Thượng Đông Hải Đại Vương*, Đoàn Thượng sinh ngày mùng 10 tháng 2 năm Giáp Thìn (1184) và hóa ngày mùng 6 tháng 8, thọ 56 tuổi (Bản AEa 5/8)[54, tr.914 – tr.918].

– Nhưng trong *Truyện Đoàn Thượng triều Lý*, Ngài sinh ra tại hương Xuân Độ, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu (nay là Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Ngài hóa ngày 10 tháng 12 tại làng Yên Nhân (Bản Aea 5/1-2) [54, tr.913]

– Trong *Bản Sự tích Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng* ghi Đoàn Thượng hóa ngày 10 tháng Giêng [54, tr.918 – tr.919].

– Nữa là *Bản Sự tích hai anh em Đông Hải Đại Vương và Tây Hải Đại Vương* tại xã Đa Cốc, tổng Đa Cốc, huyện Vũ Tiên lưu truyền Ngài hóa ngày 12 tháng 7 (Aea 5/3 – 2 (3)) [54, tr.922 - 924]".

Cùng đó là số liệu của các Thần phả tại các đình miếu thờ Ngài cũng có sự sai lệch, có Thần phả ghi Ngài sinh ngày 12 tháng 8, có Thần phả ghi là ngày 10 tháng Giêng. Thần tích tại làng Đại Cầu, tổng Lam Cầu, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam ghi ngày hóa của Ngài là 15 tháng 7.

Cho đến nay vẫn chưa tìm được số liệu chính xác với những tư liệu hiện có như ngày nay. Nhưng theo những thông tin mà con cháu dòng họ Đoàn tại các tỉnh thành trong cả nước cung cấp cho Đại Tá Đoàn Văn Minh, dựa theo các thông tin này có thể dùng số liệu ngày sinh của Ngài là ngày mùng 7 tháng Giêng năm Nhâm Dần (1182), và ngày 12 tháng 8 năm Tân Sửu (1181), tại làng Xuân Độ, còn gọi là Bổng Độ, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu, nay là thôn Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Họ Đoàn là một dòng họ quý tộc, nhiều đời làm quan đại thần và làm tướng cho các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý và có nhiều công lao trong việc xây dựng và bảo vệ nền độc lập của nước Đại Việt. Theo Giáo Sư, nhà sử học Ngô Đăng Lợi: "họ Đoàn là một trong những dòng họ có tiếng của nước ta, thường sản sinh ra những nhân tài danh vọng trên nhiều lĩnh vực. Nhưng dường như họ này phát về văn, còn về võ không nhiều. Vì thế, tướng quân Đoàn Thượng nổi lên như một vị tướng văn võ toàn tài, đạo cao đức trọng của họ Đoàn trong lịch sử. Chính sử nước ta, sự tích của Ngài ghi lại không nhiều, các sử gia triều Trần lại có điều thiên lệch. Nhưng trong dân gian thì khác hẳn, ở các đền miếu thờ Ngài, những bản ngọc phả, sắc phong của các triều đại, những bia

ký, hoành phi, câu đối, những huyền thoại đều thống nhất ca ngợi Đông Hải đại vương Đoàn Thượng: sống là danh tướng, thác là thần thiêng; bậc trung thần tiết liệt của triều Hậu Lý (1010-1225), vị trấn thủ miền Hải Đông có nhiều công lao, thành tích giữ yên bờ cõi, chăm sóc dân lành, đem lại cơm no, áo ấm cho gia đình họ...".

Theo cuốn *Đức Thánh Đông Hải đại vương Đoàn Thượng* [3,tr.9] thì tổ tiên họ Đoàn phát tích tại Sơn Lĩnh, chuyển cư đến Lai Cáo (còn gọi là Noi Cáo hay Lôi Cao) nằm bên bờ sông Nhuệ, nay là địa bàn ba xã Phú Diễn, Cổ Nhuế, Xuân Đỉnh của huyện Từ Liêm, Hà Nội. Vào năm Canh Thân, niên hiệu Thuận Thiên thứ 11 (1020) thì dời về Tô Xuyên, nay thuộc xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, rồi đến ở đất Hồng Thị, Cổ Phục thuộc Hồng Châu (nay là huyện Kim Thành và Trường Tân - Gia Lộc tỉnh Hải Dương); đến năm 1170 lại chuyển sang định cư ở khu Trại Mắt, nay là thôn Tu Trình, xã Thuỵ Hồng, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình. Về quá trình chuyển cư này đã được phản ánh trên câu đối ở Từ đường họ Đoàn: "Tiền cư Lai Cáo, hậu đáo Tô Xuyên, ký sử Hồng Châu, lưu cổ tích - Ốc tại Tu Trình, an cư Đoạn Xá, vân nhưng kế thế, cái tiền cơ". Nghĩa là: Họ Đoàn trước ở Lai Cáo, sau đến Tô Xuyên, công huân sử sách ghi tại đất Hồng Châu, thần tích còn lưu giữ ở các đình đền - Gốc nhà ở làng Tu Trình, yên cư ở Đoạn Xá, đời đời dòng dõi giữ vững thế gia, mở mang cơ nghiệp tổ tiên.

Căn cứ vào sách "*Đoàn tộc đại tôn phả ký*" của cử nhân Đoàn Hải Huệ, tri phủ Vĩnh Khang và con ông là cử nhân Đoàn Viết Yến, Giám sinh Quốc Tử Giám chép năm Quý Mão niên hiệu Hồng Đức thứ 14 (1483) và sách "*Đoàn tộc phả ký*" của Tiến sĩ Đoàn Phúc Luận, làm quan tới chức Tổng tuần sát tam phủ, soạn năm Quý Sửu niên hiệu Hoằng Định thứ 13 (1613), Đại Tá Đoàn Văn Minh đã nghiên cứu một cách đầy đủ về phả hệ 10 đời thống tôn của Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, tính từ Đoàn Liêm Duy, tự Phúc Thái, người làng Lai Cáo (Từ Liêm - Hà Nội), có công phò giúp Khúc Thừa Dụ tấn công phủ Tống Bình, đánh đuổi nhà Đường xâm lược. Đời Tổ chín đời Đoàn Tướng Công húy Liêm Duy, tự Phúc Thái có công giúp Khúc Thừa Dụ đánh đuổi giặc Đường

năm 906. Tổ tám đời là Đoàn tướng công húy Duy Thượng, tự Phúc Cao, hiệu Văn Lượng làm đại tướng giúp Ngô Vương Quyền đánh giặc Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm Mậu Tuất (938). Tổ bảy đời là Đoàn tướng công húy Văn Lan, tự Phúc Vạn giúp Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân. Tổ sáu đời là Đoàn tướng công húy Văn Liễn, tự Phúc Trung, giúp Lê Hoàn đánh giặc Tống trên sông Bạch Đằng năm 981. Tổ năm đời là Đoàn tướng công húy Văn Khâm, tự Phúc Vấn làm quan Thượng thu bộ công kiêm giáo thụ Quốc Tử Giám đời Lý Nhân Tông. Tổ bốn đời là Đoàn tướng quân húy Thiện Hồng, tự Phúc Hương đỗ khoa thi năm Bính Dần (1086) đời Lý Nhân Tông có công dẹp loạn ở Thượng Nguyên (Thái Nguyên). Tổ ba đời là Đoàn tướng công húy Quang Dao, tự Phúc Trực đỗ khoa thi năm Bính Thân (1116), có công khởi dựng thương cảng Vân Đồn và giữ yên bờ cõi phía Đông Đại Việt. Đoàn Quang Dao sinh ra Đoàn Thiện Hổ, Đoàn Văn An, Đoàn Phúc Lãnh, Đoàn Chủ và Đoàn Thị Ngọc. Tất cả đều là những bậc hiền tài:

Đoàn Thiện Hổ tự Phúc Thung, có tên là Đoàn Hiền làm quan đô đốc thần vũ thủy quân, có công dẹp giặc ở Bãi Ngang (nay là xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) đời nhà Lý – năm Đại Định thứ 15. Đoàn Văn An tự Phúc Quang làm quan nhà Lý, vợ là bà Trương Thị Ban sinh ra Đoàn Thưởng – người có công bình Chiêm Thành được vua Lý Cao Tông phong tước công Bạ Hầu, giúp Đoàn Thượng phù Lý chống Trần.

Đoàn Phúc Lãnh, tự Phúc Hiền, làm quan tới chức Huyện lệnh Trường Tân, lộ Hồng Châu (Gia Lộc – Hải Dương) đời vua Lý Anh Tông, niên hiệu Chính Long Bảo Ứng đời thứ 3. Lại có công trị thủy vùng Đông Bắc, lộ Hải Thanh (nay thuộc Thái Bình, Nam Định). Ngài là chú ruột và cũng là cha nuôi dạy Đoàn Thượng. Phu nhân ngài là bà Lý Thị Thông hiệu Từ Thiên sinh ra Đoàn Văn Lôi, bà cũng chính là nhũ mẫu của Đoàn Thượng và Hoàng Tử lý Hạo Sảm, sau là vua Lý Huệ Tông [3, tr.17 – 18].

Đoàn Chủ là tướng nhà Lý, tháng 9 năm Đinh Mão (1207) cùng tướng quân Đoàn Thượng nổi dậy ở Hồng Châu. Còn bà Đoàn Thị Ngọc là hoàng phi của vua Lý Anh Tông.

Đoàn Văn Lôi con của Đoàn Phúc Lãnh và nhũ mẫu Lý Thị Thông, là tướng của nhà Lý, được Vua Lý Huệ Tông phong tước Hồng hầu, sinh ra Đoàn Nguyễn và Đoàn Cấm cùng Đoàn Thượng phù Lý chống Trần (1217 – 1218).

Đoàn Thiện Hổ sinh ra Đoàn Thượng, Đoàn Đại, Đoàn Hoà, đều làm tướng triều Lý. Đoàn Thượng sớm mô côi cha mẹ, nhờ chú ruột là Đoàn Phúc Lãnh nuôi dạy, nên được ở với nhũ mẫu của vua Lý Huệ Tông trong hoàng cung nhà Lý từ tấm bé, học hành đến nơi đến chốn. Là người có sức khoẻ, thông minh, quyền biến, Đoàn Thượng thi đỗ Tiến sĩ khoa thi năm Giáp Tý, niên hiệu Thiên Bảo Gia Hựu thứ 3, đời vua Lý Cao Tông (1204)" [3, tr. 17].

Theo Bản *Đông Hải Đại Vương Thượng Đẳng tối linh thần tích* bằng chữ Hán, được tạm dịch:

"*Đại vương húy Thượng họ Đoàn*

Thân phụ Ngài là Đoàn Trung, một hào trưởng có thế lực và có uy tín trong vùng

Thân mẫu Ngài là Lý thị, người họ hàng gần gũi với Hoàng tộc đương triều

Quê Ngài: làng Thung Đô, huyện Gia Lộc, Châu Hồng".

Theo ngọc phả ở Hải Dương, ông sinh ngày 10 tháng Giêng năm Giáp Thìn (1184) đời Lý Cao Tông, là con của Đoàn Trung và bà Hoàng Thị Mỹ. Sử sách thống nhất ghi ông người làng Thung Độ, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Cho đến nay thân mẫu của Ngài họ tên là gì? Các sách cổ không chép tên họ của song thân của Ngài, chỉ trong một số đình miếu có ghi nhưng vẫn là của người đời sau gán ghép như kiểu Trần Thị Dung mà thôi. Không bàn đến tên của thân mẫu của Đoàn Thượng mà chỉ bàn đến họ. Bà họ Hoàng hay họ Lý? Các tài liệu chính thức đều xác nhận Đoàn Thượng và Lý Hạo Sảm chung một người Vú nuôi. Vậy thì thân mẫu Đoàn Thượng phải là người gần gũi hoặc chính là người của Hoàng Tộc. Nói cách khác Bà có thể là người họ Lý. Họ Hoàng chỉ là một cách gọi không trực tiếp họ Vua.

Như vậy xét theo gia phả dòng họ Đoàn thì Đoàn Thượng là hậu duệ đời thứ 8 của Đoàn Duy Thượng, tự Phúc Cao; và là hậu duệ đời thứ 5 của Đoàn Văn Khâm, tự Phúc Vấn. Con trai của Đoàn Thiện Hổ. Nhưng chẳng bao lâu sau:

"*Mười lăm tuổi, người mẹ hiền từ lâm trọng bệnh đã đứt gánh quy tiên.*

Bốn năm sau, người cha tôn kính cũng về cùng Tiên Tổ.

Niềm đau thương con trẻ mất mất mẹ cha chưa mấy nguôi ngoai.

Chí lập nghiệp nam nhi thời ly loạn đã dần nhen nhóm"

Đoàn Thượng về ở với chú là Phúc Lãnh, được học hành cẩn thận, sớm hưng danh sự nghiệp. Rồi lấy vợ, vợ cả sinh ra Đoàn Hưng Nhượng, năm 1220, làm chủ tướng giữ thành Ngọc Trục, chống Trần phù Lý, lập căn cứ ở vùng đất nay là xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây, có đền thờ ở Ngọc Trục. Người vợ thứ là bà Phạm Thị Đoan, người làng Gia Viên, huyện An Dương, nay là Phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, Hải Phòng. Bà đã sinh hạ cho Ông hai người con là Đoàn Văn và Đoàn Thị Châu. Tướng Đoàn Văn giữ chức Đô thống trấn thủ Vân Đồn, còn gọi là Đảo Quan (nay là huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi thất thủ chạy vào Núi Ngọc, Ái Châu (Thanh Hóa) để khai hoang lập nghiệp.

Đoàn Thượng được ở với nhũ mẫu của vua Lý Huệ Tông nên được học hành đầy đủ, đến nơi đến chốn và nhất mực trung thành với triều đình nhà Lý. Trong dòng họ Đoàn, đời nào cũng là quan cho triều đình nhà Lý, có người làm đến thái sư với nam nhi và dạy dỗ các hoàng tử, công chúa trong cung…, nhưng Đoàn Thượng lại xuất hiện như một người tài giỏi với văn võ thao lược, có sức khỏe, thông minh, siêng học hành lại có tính quả quyết. Sự nghiệp của Ngài chính thức khởi nghiệp từ năm 1204, tức năm Giáp Tý, niên hiệu Thiên Gia Bảo Hựu thứ 3 đời Lý Cao Tông. Ngài đã thi đỗ Mậu tài và ra làm quan cho nhà Lý khi Ngài 23 tuổi.

Từ đó, Ngài được triều đình trọng dụng, một năm sau tức năm Ất Sửu (1205), giặc Muỗi ở Quốc Oai (Hà Tây) chiếm giữ và cướp phá với lực lượng hùng mạnh, Ngài được vua Lý Cao Tông cử về trấn giữ và cai quản vùng Hồng

Châu (gồm Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Kiến An, Bắc Thái Bình, Đông Quảng Ninh, Bắc Ninh…). Nhân dân được hưởng ơn Ngài được thay đổi cuộc sống, lại trừ được bọn cướp biển hoành hành tại vùng biển phía Đông…

Nhưng hai năm sau tức năm Đinh Mão (1207), thấy nhân dân lầm than đói khổ, lại bị chính quan lại trong triều cướp bóc, thương dân, Ngài mở kho cứu thế. Nên trong cung bọn gian thần nịnh bợ, sàm tấu Đoàn Thượng làm trái luật lệ triều đình, nên Ngài đã bị bắt giam.

Sinh ra vào thời loạn lạc, cuối thời Lý, đầu thời Trần, lại giữ chữ Trung, một lòng phò giúp nhà Lý. Nhưng lúc này cơ nghiệp nhà Lý đã suy đồi, nhà vua chơi bời vô độ, chính sự, hình pháp không rõ ràng, lại gặp nạn thiên tai mất mùa, đói kém liên miên, giặc cướp nổi lên khắp nơi. Năm 1202, người làng Đại Hoàng bị bắt đi phu xây cửa Đại Thành ở Thăng Long cực khổ quá nên khởi nghĩa. Người chỉ huy là Phí Lang cùng với Đinh Khả, người tự xưng là hậu duệ nhà Đinh. Nhà Lý sai Trần Hinh và Từ Anh Nhĩ đi đàn áp nhưng bị đánh bại, Anh Nhĩ chết tại trận. Tháng 5 năm 1205, vua Lý Cao Tông lại sai Đỗ Anh Doãn đi đánh, vẫn thua. Đến tháng 10, Đàm dĩ Mông đem quân đắp lũy để đánh nghĩa quân, cùng lúc quân Phí Lang đốt hành cung Ứng Phong (Nam Định), phá kho thóc, đốt nhà cửa. Đến tháng 8 năm đó, vua đành phải dụ hòa. Phí Lang và 170 hào trưởng ra hàng, song thực tế từ đó họ đã hoàn toàn chiếm lĩnh Ninh Bình.

Trước những rối ren mà triều đình không còn sức chống đỡ, nhận thấy không thể cứu vãn tình thế của nhà Lý với các chính sách và cai quản không hợp lý của vua Lý Cao Tông. Tháng 3 năm 1207, Đoàn Thượng và Đoàn Chủ nổi dậy chống lại triều đình. Ông xây đắp thành, đắp lũy được nhân dân hét lòng ủng hộ và lực lượng ngày càng lớn do được lòng dân chúng, nên nhân dân theo ông ngày càng nhiều. Lý Cao Tông sai đem đại binh đi đánh. Đàm Dĩ Mông đem quân đạo Đại Thông (miền Hà Đông cũ dọc sông Đáy), Phạm Bỉnh Di đem quân đạo Khả Liễu, Trần Hinh đem quân đạo Phù Đái (Vĩnh Bảo, Hải Phòng), Bảo Trinh hầu đem quân đạo Nam Sách (Nam Sách, Hải Dương), cùng họp nhau đánh Đoàn Thượng. Thấy thế lực quân triều đình quá mạnh, Đoàn Thượng

liền ngầm sai người đem của cải đút lót cho Thượng phẩm phụng ngự Phạm Du, nguyện xin đem quân chúng theo Du. Cuộc liên minh giữa Đoàn Thượng và Phạm Du bắt đầu từ đó. Phạm Du cố vì Thượng mà xin với Cao Tông tha cho ông.

Đầu năm 1209, vua Cao Tông sai Phạm Du coi việc quân ở châu Nghệ An. Du làm trái lệnh chống triều đình. Vua Lý Cao Tông liền sai Phạm Bỉnh Di lấy quân ở Đằng Châu (thị xã Hưng Yên) để đánh Phạm Du. Du trở về Cổ Miệt (Hồng Châu) cùng với Đoàn Thượng, Đoàn Chủ ở hợp binh, đánh Đằng Châu, Bỉnh Di bị thua. Tháng 2 năm 1209, Bỉnh Di lại đem binh ở Đằng Châu, Khoái Châu đi đánh Du. Phạm Du thua trận đành bỏ trốn. Bỉnh Di tịch biên gia sản của Du rồi đốt hết.

Tháng 4 năm 1209, Phạm Bỉnh Di lại đánh quân Đoàn Thượng. Tuy nhiên, trong lúc Đoàn Thượng suy yếu thì Phạm Du ngầm sai người về kinh tố cáo với vua Cao Tông và cho các quan lại trong triều Bỉnh Di đã tàn ác, giết hại người vô tội, Đoàn Thượng bị tình oan, xin về kinh đợi tội. Cao Tông sai Trần Hinh triệu Phạm Du về kinh, lại triệu cả Bỉnh Di về triều. Phạm Du đã nhanh chóng về kinh trước hầu Cao Tông, được vua tin theo; Bỉnh Di đến kinh sau, vào triều phụng mệnh. Cao Tông sai bắt Bỉnh Di và con là Phụ giết chết.

Tướng của Bỉnh Di là Quách Bốc nghe tin đó, đem binh lính phá cửa Đại Thanh kéo vào nội điện để cứu chủ. Du cùng em là Phạm Kinh giết Bỉnh Di và con là Bỉnh Di là Phụ rồi cùng Cao Tông chạy trốn. Quách Bốc liền tôn hoàng tử nhỏ là Thầm lên làm vua. Cao Tông chạy về Tam Nông (Phú Thọ) nương nhờ nhà Hà Vạn, một thủ lĩnh miền thiểu số có thế lực.

Thái tử Sảm cùng mẹ là nguyên phi Đàm Thị và hai em gái chạy về Hải Ấp, Thái Bình, được thủ lĩnh địa phương là Trần Lý và Tô Trung Từ lập làm vua, tôn xưng là Thắng Vương. Thấy con gái của Trần Lý là Trần Thị Dung có nhan sắc, Lý Sảm bèn lấy làm vợ, nhân đó Trần Lý được phong làm Minh Tự, Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Biết tin thái tử Sảm lập triều đình riêng và tự ý phong tước cho Trần Lý, Tô Trung Từ,... nên vua Lý Cao Tông ở Quy Hoá muốn đánh dẹp, bèn sai

Phạm Du đi để liên lạc với Đoàn Thượng. Nhưng Du lại ham sắc, tư thông với công chúa Thiên Cực, nên lỡ hẹn với ông. Khi thuyền của ông đến đón không gặp Du, bèn trở về. Khi Du lên thuyền khác đi gặp họ Đoàn, tới Ma Lãng thì bị quân của hào trưởng Bắc Giang là Nguyễn Nộn và Nguyễn Nải đón bắt và giết chết.

Trần Lý và Tô Trung Từ bèn mang quân đánh về kinh thành dẹp Quách Bốc. Trần Lý tử trận, Tô Trung Từ đón vua Cao Tông về cung.

Năm 1210 Cao Tông chết, thái tử Sảm lên ngôi, tức là Lý Huệ Tông. Tô Trung Từ trở thành quyền thần trong triều. Sau một loạt biến cố, năm 1211, nhiều đại thần nhà Lý và cả Trung Từ bị giết. Cháu gọi Trung Từ bằng cậu là Trần Tự Khánh ở Hải Ấp lại mang quân về kinh, an táng Trung Từ.

Đoàn Thượng và Đoàn Văn Lôi nhân đó nói với vua Huệ Tông rằng: *Trần Tự Khánh đem binh về kinh sư là muốn mưu đồ việc phế lập*.

Huệ Tông tin theo, nổi giận, bèn hạ chiếu cho các đạo binh đánh Trần Tự Khánh và giáng Nguyên phi Trần thị Dung xuống làm Ngự nữ. Đoàn Thượng và Đoàn Văn Lôi đem binh về kinh sư. Huệ Tông hạ chiếu tấn phong cho Đoàn Thượng là Thái Úy, quyền tiết chế các đạo quan của triều đình. Họ Trần kiểm soát được cả miền Lý Nhân (Hà Nam). Trần Tự Khánh tìm cách liên kết với hào trưởng Nguyễn Tự để đối địch với Đoàn Thượng. Trong thời gian này, nhà Lý hoàn toàn lương nhờ vào lực lượng họ Đoàn để chống lại nhà Trần. Sau đó Ngài được phong nhiều tước hiệu, như: Lý triều Quốc Sư, Thái Sư tể phụ, Kinh Đô phụ quốc, Thái Úy, quyền trưởng các đạo cấm quân, thống lĩnh tổng đốc binh sự, Tiết chế Nguyên Soái, Binh bộ thượng thư, Tham nghị Đô đài ngự sử, Tuần sát sứ giả, Đô Thống, Đốc bộ Sơn Nam, Đông Hải bản lộ Hồng Châu trấn thủ, Trợ tán Hoàng Gia huệ trạch.

Năm 1213, Đoàn Thượng phối hợp với quân triều đình đụng độ với Trần Tự Khánh. Tuy nhiên, lực lượng họ Trần mạnh hơn, có nhiều tướng giỏi hơn; trong khi đó quân nhà Lý do vua Huệ Tông và thái sư Đàm Dĩ Mông không có tài làm tướng chỉ huy nhanh chóng bị thua trận. Đoàn Thượng cử đi một đạo quân do Đoàn Cấm và Vũ Hốt chỉ huy nhưng do thế lực không cân sức, đã bị bộ

tướng của Tự Khánh là Nguyễn Nộn đánh bại. Lý Huệ Tông thân chinh giao chiến nhưng sau lên Lạng châu.

Từ đó Ngài trở về cùng Hồng Châu, tháng 4 năm 1214, anh em họ Đoàn tấn công đất Bắc Giang do tướng của Tự Khánh là Nguyễn Nộn đóng giữ. Hai bên đánh nhau ở núi Đông Cứu (Gia Lương, Bắc Ninh). Lúc đó nội bộ phe Tự Khánh xảy ra phản loạn lớn. Tướng ở Cam Giá (thị xãSơn Tây) là Đỗ Bị lại nổi lên chống cự. Miền Cam Giá lại tách khỏi phạm vi thế lực của anh em họ Trần, hình thành một thế lực mới. Cùng lúc đó, Nguyễn Nộn ở Bắc Giang sau khi giao chiến với Đoàn Thượng cũng phản lại Tự Khánh, xây dựng một thế lực rất lớn. Do việc cát cứ của Đỗ Bị, Nguyễn Nộn, kinh thành Thăng Long bị uy hiếp. Tự Khánh phóng hỏa đốt kinh đô rồi chạy về Lý Nhân (Hà Nam). Vua Huệ Tông phải lui đến hương Bình Hợp (Phúc Thọ, Hà Tây).

"*Huệ Tông bị ép xuống tóc đi tu chùa Chân Giáo.*

Chiêu Thánh ngây thơ, nhường ngôi báu cho chồng.

Nhà Trần tuy chiếm được ngai vàng, nhưng còn đó lưỡng tướng Nguyễn, Đoàn giương cờ phù Lý".

Theo "*Đại Việt sử ký toàn thư*": "Lý Huệ Tông bị mắc chứng điên, chính sự không quyết đoán, giao phó cả chho Trần Tự Khánh. Quyền lớn trong cả nước dần dần đã về tay kẻ khác" [2, tập I, tr. 337]. Năm Mậu Dần (1218), nhà Trần đã dần tiêu diệt được các thế lực cát cứ. Lý Huệ Tông lại không có con trai chỉ có hai cong chúa là Thuận Thiên và Chiêu Thánh.

Sau khi Trần Tự Khánh chết (1223), em họ là Trần Thủ Độ lên thay, tiếp tục thao túng nhà Lý. Năm 1225, ép Lý Huệ Tông nhường ngôi cho chiêu Thánh mới 7 tuổi và Thủ Độ sắp đặt đưa cháu là Trần Cảnh (con Trần Thừa) lên thay ngôi nhà Lý vào ngày 1 tháng 1 năm 1226, lập ra nhà Trần. Sát hại vua Lý Huệ Tông và hàng loạt các quan đại thần và thân tín nhà Lý.

Trần Thủ Độ mang quân đánh Đoàn Thượng nhưng không thắng, đành phải hứa hẹn phong tước cho ông trong suốt 10 năm. Thủ Độ định ngày hội họp, làm lễ minh thệ, phong vương cho Ông, nhưng Đoàn Thượng không đến họp.

Rồi ngấm ngầm cho vàng, gấm vóc cho Nộn, để Nộn đánh Đoàn Thượng. Nộn đã mừng thầm và tin theo.

b) Trở về vùng Hồng Châu và quá trình thiêng hóa

Vùng Hồng Châu xưa chính là vùng đất Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên ngày nay. Xét theo chiều dài lịch sử, vào thời nhà Lý, Yên Nhân là nơi đặt lỵ sở lộ Hồng Châu, một trung tâm kinh tê chính trị văn hóa xã hội lớn của xứ Đông. Giao thông thuận tiện có con đường cái chính xứ Đông Bắc chạy qua (nay là đường quốc lộ 5). Yên Nhân nằm trên bờ sông Hồng Giang, còn gọi là sông Bần chảy từ sông Hồng Hà tại Xuân Quan (Mỹ Văn) đổ nước vào sông Thái Bình, đem phù sa tưới mát phủ Thượng Hồng. Lòng sông xưa rộng trung bình khoảng trên 50m, sâu khoảng 10m, tháng Chạp mà nước vẫn đỏ hồng. Cửa Xuân Quan nay đã làm cống Xuân Quan.

Lộ Hồng Châu thời Lý còn có tên là lộ Đông Hải, lớn bằng hai lộ Hồng và Hải Đông thời Trần. Thời Trần, Lộ Hồng là phần đất tỉnh Hải Dương và Hải Phòng ngày nay. Lộ Hải Đông nay là đông Quảng Ninh và Cát Hải, Hải Phòng.

Chiến sự lịch sử diến ra ở nơi này lịch sử ghi chép còn chưa đầy đủ, nhưng đứng trên góc độ nghiên cứu và tìm lại những dấu tích ở đây có thể hiểu được tình hình lúc đó thế nào trên mảnh đất Hồng Châu này. Sau khi nhà Lý trong thế suy vi (tháng 9 năm 1207) Đoàn Thượng và Đoàn Chủ đã về Hồng Châu xây dựng căn cứ chống lại nhà Trần, xây thành xưng vương. Vua sai Đàm Dĩ Mông, Phạm Bỉnh Di, Trần Hinh, Bảo Trinh họp quân đàn áp. Đoàn Thượng không chống nổi, ngầm mua chuộc quan trong triều là Phạm Du tâu vua rút quân về. Từ đó họ Đoàn ngày càng lớn mạnh, ngầm liên minh với Phạm Du, trở thành một trong ba thế lực lớn nhất đất nước thời cuối Lý (họ Trần, họ Đoàn và họ Nguyễn).

Họ Đoàn ở Hồng Châu (Hải Dương, Hải Phòng), thì Họ Trần ở Lưu Xá (Thái Bình). Bắt đầu là ông Trần Lý, vốn nghề đánh cá, sau giàu có, liên kết với họ Tô và họ Lưu trong vùng, mua 1 chức quan nhỏ, trở thành người có thế lực. Mới đầu họ ko tham dự gì vào các cuộc phân tranh, chỉ ngấm ngầm mở rộng thế lực, chiếm cứ Hải Ấp (là Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên ngày nay). Khi

Quách Bốc nổi loạn, họ tạm về phe với Quách Bốc. Ngay trong năm 1209, họ Trần thôn tính phe Quách Bốc. Một thời gian sau, Tô Trung Từ qua đời vì tai nạn, nên họ Trần kế thừa luôn lực lượng của Tô Trung Từ rồi mở rộng thế lực. Cát cứ chính ở Thiên Trường, do hai anh em Trần Thừa và Trần Tự Khánh lãnh đạo (huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, phía hữu ngạn sông Hồng). Thế là họ đã bành trướng ra được ba vùng Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, và các địa phương như Bắc Ninh, Bắc Giang,... trở thành phe thống nhất quốc gia sau này. Từ trong tình hình chiến sự thay đổi đó, triều đình nhà Lý đến năm này thì họ chỉ còn nắm được khu vực quanh Thăng Long.

Họ Nguyễn ở Quốc Oai (thuộc Hà Tây). Cầm đầu bởi Nguyễn Nộn là 1 tướng cũ của nhà Lý chiếm giữ phía bắc sông Đuống – tên cổ thời là sông Thiên Đức, gồm các quận Tiên Du, Từ Sơn, Quế Võ tỉnh Bắc Ninh ngày nay, cũng là một trong ba thế lực mạnh nhất thời cuối Lý.

Phạm Bỉnh Di, Quách Bốc ở Đằng Châu (Hưng Yên). Vốn là 1 hoạn quan được vua tin cẩn. Năm 1209, Phạm Bỉnh Di được lệnh mang quân đánh loạn Phạm Du. Nhưng đánh bại Phạm Du và Đoàn Thượng rồi, ông ta lại bị vu tấu và bắt giam, giết chết. Tướng dưới quyền là Quách Bốc nghe tin giận quá, kéo quân đánh vào kinh đô, khiến Lý Cao Tông phải bỏ chạy. Ban đầu, phe phái này liên minh với họ Trần nhưng ngay trong năm ấy bị chính họ Trần tiêu diệt và thôn tín.

Các thế lực khác tại các vùng lân cận cũng có phần can dự vào chiến sự lúc này: khởi nghĩa Phí Lang ở làng Đại Hoàng (Ninh Bình) nổi dậy như một thế lực khác nhưng cúng bị nhà Trần thôn tính vào tháng 5 năm 1216. Một thế lực cát cứ khác là Ô Kim hầu Nguyễn Bát ở Ô Kim (Hoài Đức thuộc Hà Tây), cầm đầu bởi 1 tướng cũ của nhà Lý, tuy chống triều đình nhà Lý nhưng không theo họ Trần. Có một dạo nhà Lý phải nương nhờ họ để chống lại Đỗ Át, Đỗ Nhuế (là Từ Liêm thuộc Hà Nội bây giờ) hai tướng cũ của nhà Lý, nổi loạn vào tháng 4 năm 1216 nhưng không thắng. Khi Lý Cao Tông bị loạn Quách Bốc, Ông đã chạy lên nương nhờ họ Hà ở Quy Hóa (Yên Bái, Tuyên Quang dọc sông Hồng). Một họ miền núi có thế lực... Thế lực này tồn tại đến tận khi nhà Trần

thống nhất đất nước, nhưng không can dự gì vào bất cứ cuộc xung đột nào, dù là một phe mạnh.

Do thế lực chưa đủ mạnh để trấn áp tất cả các lực lượng nổi dậy, họ Trần phải dùng chiến thuật khi đánh khi hoà, thậm chí cả biện pháp hôn nhân; và tận dụng sự xung đột của chính các thế lực này tự làm yếu nhau. Cuộc phân tranh bắt đầu chấm dứt vào năm 1225 khi nhà Trần thay thế nhà Lý. Sau khi nhà Trần thành lập, Nguyễn Nộn đánh bại giết chết Đoàn Thượng năm 1228. Nhưng không lâu sau, cuối năm 1229, Nguyễn Nộn ốm chết, lực lượng của Nộn tự tan rã. Nhà Trần chấm dứt được cục diện chia cắt, tập trung củng cố nội chính sau nhiều năm nghiêng ngả dưới thời Lý. (số liệu về năm mất còn nhiều điều chưa thống nhất).

Sau hàng loạt biến cố khác, thế lực của Trần Tự Khánh ngày càng mạnh hơn, buộc vua Huệ Tông phải dựa vào họ Trần vào tháng 4 năm Bính Tý (1216). Nhiều thế lực cát cứ lần lượt bị Trần Tự Khánh đánh dẹp. Tuy nhiên, bộ tướng của Khánh là Nguyễn Nộn lại phản họ Trần mà cát cứ ở Bắc Giang.

Tháng 6 năm 1217, Đoàn Thượng được phong là Đông Hải Đại Vương nhưng nhà Trần đã gả em gái là Trần Tam Nương cho Đoàn Văn Lôi để bớt đi một thế lực chống đối quan trọng. Thấy thế lực họ Trần mạnh, ông tạm quy hàng triều đình, được phong tước vương và vẫn giữ vùng Hồng châu.

Rồi trong triều Trần Thủ Độ đã cấu kết với Nguyễn Nộn âm mưu giết hại Phạm Du và Đoàn Thượng. Hai tướng hẹn gặp nhau ở Đồng Đao vào ngày mùng 6 tháng Chạp năm 1238 [3, tr.28, "*Đức thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng*", Đoàn Văn Minh]. Nhưng do tính tình Phạm du ham chơi tiểu sắc mà đã quên mất, trung tín Ngài tin theo và đã đến chỗ hẹn một mình. Rơi vào cạm bẫy của Nộn. Truyền thuyết kể lại rằng khi Ngài bị chém trên cổ chỉ còn dính một ít da và Ngài đã tháo đai lưng ra buộc lại nhưng chạy đến vùng Mao Điền thì nằm xuống và mối đùn thành gò mả, từ đó người dân lập đền thờ cúng.

Sau đó con trai, con gái và gia quyến và sản vật của Hồng Châu đều bị cướp bóc. Và toàn bộ đã về tay nhà Trần khi Nguyễn Nộn đột ngột qua đời.

Xét dưới góc độ lịch sử, tình hình chiến sự thời Lý mạt có nhiều biến động, nhân dân lầm than, đói khổ, vua chơi bời vô độ, thế lực nhà Trần với âm mưu thoán đoạt ngai vàng, lực lượng cát cứ nổi lên khắp nơi, giặc cướp phá hoành hành ngang ngược… Đoàn Thượng đã đứng trên vai trò là đại tướng thương yêu nhân dân, một lòng phù giúp nhà Lý, muốn vực dậy một triều đình đổ nát là việc hoàn toàn khó. Ông quyết định lập bà xưng vương chống lại các thế lực làm mưu hại đến cuộc sống của nhân dân, ông được nhân dân hết lòng hưởng ứng, cảm phục. Nhưng sử sách có phần ghi chép sai lệch và mất nhiều tư liệu nên còn nhiều điều chưa chuẩn xác, nhưng trong lòng dân chúng ở khắp nơi Ngài là một người có ơn huệ cao cả, nhân dân được hưởng ơn mưa nóc, đến nay tính chỉ tính trên địa bàn từ vùng Bần Yên Nhân đến Mao Điền đã có 72 nơi lập đình, đền để thờ Ngài. Hiện nay trên địa bàn huyện Cát Hải có 113 di tích thờ Ngài, riêng tại đình Hoàng Châu Ngài được thờ như một vị thần thành hoàng làng. Ngài được triều đình sắc phong là "Thông minh nhân thánh hòa diện đại vương Hoàng Triều gia tăng Dực Bảo, trung ương linh phù chi thần" – hay còn gọi Ngài là Dực Vũ Đại Vương thượng đẳng thần.

2.1.2.2. Các vị thần được hợp thờ

Tại đình Hoàng Châu, các vị thần được tôn thờ còn có Đức Bà Công Chúa Liễu Hạnh - một trong bốn vị thánh Tứ bất tử. Bà đã được các triều đại phong kiến từ thời nhà Hậu Lê đến thời nhà Nguyễn cấp nhiều Sắc, tôn phong là "Mẫu nghi thiên hạ - Mẹ của muôn dân".

Truyền thuyết kể rằng , vào đầu thời nhà Hậu Lê, tại ấp Quảng Nạp, xã Vỉ Nhuế, huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam; có ông Phạm Huyền Viên, người xã La Ngạn kết duyên cùng bà Đoàn Thị Hằng, người ấp Nhuế Duệ, cũng xã Vỉ Nhuế (nay là thôn Vỉ Nhuế, xã Yên Đồng, Ý Yên, tỉnh Nam Định).

Hai ông bà là những người hiền lành, tu nhân tích đức nhưng hiềm một nỗi dã ngoài 40 mà chưa có con. Một đêm rằm tháng hai, ông bà được thần báo mộng là Ngọc Hoàng sẽ cho con gái thứ hai là Công chúa Hồng Liên đầu thai làm con, từ đó bà có thai. Trước khi sinh, vào đêm ngày 6 tháng 3 năm Quý Sửu, trời quang mây vàng như có ánh hào quang. Ông Huyền Viên ngồi đợi tin

mừng, bỗng như có một nàng tiên từ trong đám mây bước xuống thềm nhà, và bà sinh một bé gái. Vì vậy ông đặt tên con là Phạm Tiên Nga.

Phạm Tiên Nga càng lớn càng xinh đẹp, mọi việc nữ công gia chánh đều thành thạo, đảm đang. Đến năm 15 tuổi đã có nhiều người đến dạm hỏi nhưng nàng đều khước từ vì nàng còn phải ở nhà chăm sóc cha mẹ già yếu, canh cửi quán xuyến công việc gia đình.

Ngày 10 tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1462), cha của nàng qua đời. Hai năm sau mẫu thân của nàng cũng về nơi tiên cảnh. Phạm Tiên Nga đã làm lễ an táng cha mẹ ở phía đông nam phủ Nghĩa Hưng (nay là thôn La Ngạn, ở đây có đền thờ Phụ thân và Mẫu thân của Phạm Tiên Nga).

Sau ba năm để tang cha mẹ, lo mồ yên mả đẹp, Phạm Tiên Nga bắt đầu chu du khắp nơi làm việc thiện (lúc này Tiên Nga vừa tròn 35 tuổi). Bà đã ủng hộ tiền của và công sức giúp đân đắp đê ngăn nước Đại Hà từ bên kia phía núi Tiên Sơn (nay là núi Gôi) đến Tịch Nhi (nay chính là đường đê Ba Sát, nối Quốc lộ 10 chạy dọc xã đến ngã ba Vọng. Đây cũng chính là con đường nối di tích Phủ Dầy với Phủ Quảng Cung).

Cùng với việc đắp đê, bà còn cho làm 15 cây cầu đá, khơi ngòi dẫn nước tưới tiêu, khai khẩn đất ven sông, giúp tiền bạc cho người nghèo, chữa bệnh cho người ốm, sửa đền chùa, cấp lương bổng cho các vị hương sư, khuyên họ cố sức dậy dỗ con em nhà nghèo được học hành.

Năm 36 tuổi, Bà đến bờ Sông Đồi dựng một ngôi chùa trên mảnh vườn nhỏ, đặt tên là Chùa Kim Thoa. Bên trên thờ đức Nam Hải Quan Thế Âm Bồ Tát, bên dưới thờ cha và mẹ.

Sau đó hai năm, Bà tới tu sửa chùa Sơn Trường - Ý Yên, Nam Định, chùa Long Sơn - Duy Tiên, Hà Nam, chùa Thiện Thành ở Đồn xá - Bình Lục, Hà Nam. Tại chùa Đồn xá, Bà còn chiêu dân phiêu tán , lập ra làng xã, dậy dân trồng dâu, nuôi tằm , dệt vải.

Tháng Giêng năm Nhâm Thìn (1472), Bà trở lại chùa Kim Thoa, và tháng 9 năm ấy, Bà trở về quê cũ cùng các anh chị con ông bác tu sửa đền thờ Tổ họ Phạm khang trang bề thế (nay còn đền thờ ở phía nam xóm Đình thôn La Ngạn).

Sau đó Bà lại đi chu du ở trong hạt, khuyên răn bà con dân làng những điều phải trái.

Rồi trong đêm ngày 2 tháng 3 năm Quý Tỵ, thời Hồng Đức (1473), trời nổi cơn giông, gió cuốn, mây bay, Bà đã hoá thần về trời. Năm đó Bà vừa tròn 40 tuổi.

Ngay sau khi Bà mất, nhân dân xã La Ngạn, huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng đã lập đền thờ trên nền nhà cũ, gọi là Phủ Đại La Tiên Từ, Đồng thời quê mẹ của Người là xã Vỉ Nhuếcũng lập đền thờ để tưởng nhớ công lao của Thánh Mẫu gọi là Phủ Quảng Cung.

Với 3 lần giáng sinh đầu thai , sự tích giáng sinh lần thứ hai, truyền thuyết kể rằng: Vì thương nhớ cha mẹ và quê hương ở cõi trần mà đến thời Lê Thiên Hựu, năm Đinh Tỵ (1557), Phạm Tiên Nga lại giáng sinh lần thứ 2 tại thôn Vân Cát xã An Thái, huyện Thiên Bản (nay là Kim Thái, Vụ Bản , Nam Định, cách quê cũ Vị Nhuế chừng 7 km). Lần này, Bà kết duyên với ông Trần Đào, sinh được một người con trai, tên là Nhân, một con gái tên là Hoà. Bà mất ngày 3 tháng 3 năm Đinh Sửu, thời Lê Gia Thái thứ 5 (1577). Năm ấy, Bà mới 20 tuổi. Lăng mộ và đền thờ ở Phủ Dầy, thôn Thiên Hương - Vân Cát, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản , Nam Định.

Sự tích giáng sinh lần thứ 3, truyền thuyết kể rằng: Vì tình nghĩa thuỷ chung với chồng con ở trần thế nên đến thời Lê Khánh Đức thứ 2 (1650), Phạm Tiên Nga lại giáng sinh tại đất Tây Mỗ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, vào ngày 10 tháng 10 năm Canh Dần, tái hợp với ông Trần Đào lúc này đã tái sinh là Mai Thanh Lâm, sinh được một con trai tên là Cổn. Bà mất ngày 23 tháng Chạp năm Mậu Thân, thời Lê Cảnh Trị thứ 6 (1668). Năm ấy Bà vừa 18 tuổi. Đền thờ Bà là Phủ Sòng Sơn, Thanh Hoá.

Tận tâm báo hiếu ơn đức sinh thành của cha mẹ,Một lòng chung thuỷ với tình nghĩa vợ chồng, Một tiêu biểu về Công Dung Ngôn Hạnh của người phụ nữ Việt Nam, Một phụ nữ đầy lòng nhân ái, từ thiện, thương yêu nhân dân, cứu khổ cứu nạn những người nghèo khổ, luôn khuyên bảo người khác làm điều lành, tránh điều ác. Trong nhiều thế kỷ qua, nhiều người đến Đền Mẫu cúng tế, cầu

phúc, đều thấy ứng nghiệm. Vì vậy, trong tâm linh tín ngưỡng của họ, Bà được tôn thờ là "Thánh Mẫu Linh Thiêng - Mẹ của muôn dân". Đối với người dân Cát Hải cũng vậy họ thờ thánh Mẫu như đức mẹ của muôn dân, họ tôn thờ với lòn thành kính. Điều đó được thể hiện ngay trên đôi câu đối trên cột trụ đồng cửa đình:

"*Non sông phố cát đường tung cánh*
Lòng mẫu quê nhà rõ tại đây"

Câu đối này là tưởng nhớ đến công ơn của bà với người dân nơi đây, hiện nay các ngày lễ hội đều được thờ cúng dâng hương, và đặc biệt là người dân xã Hoàng Châu còn có một ngày hội tế lễ và rước thánh Mẫu đó là ngày mùng 3 thàng 3 âm lịch hàng năm.

Bên cạnh đó, tại đình người dân còn phối thờ nhiều vị thần khác như hai vị Trào, Đức Vua bà Nam Hải và hai Ông Xa Mã. Sắc phong của 3 vị vua Tự Đức, Đồng Khánh và Duy Tân.

2.2. Quy trình tổ chức lễ hội

2.2.1. Lễ hội Xa mã rước kiệu xưa

2.2.1.1. Công tác chuẩn bị

Việc tổ chức trọng thế được quy định hàng năm vào ngày 10 đến 12 tháng 6 âm lịch, không như lễ Nghinh Ông khi nhìn thấy xác cá Ông trôi dạt vào và tổ chức đám tang, sau đó làm lễ cải táng xác cá Ông. Công việc tổ chức lễ hội được diễn ra từ trước ngày hội chính 20 ngày. Do số lượng người rước kiệu cần nhiều và đội tế cũng vậy, lại có yêu cầu nghiêm ngặt về người tế và rước, do đó công việc thâm nhập chọn nam quan, nữ quan đã được tiến hành sớm gần một tháng. Đội hình rước kiệu có tất cả 24 người, 16 nữ và 8 nam, trong đó:

- Kiệu chính có 8 người khiêng
- Kiệu Mẫu có 8 người nữ
- Kiệu nhỏ nam quan có 4 nam khiêng
- Kiệu nhỏ nữ quan có 4 nữ khiêng

Bên cạnh đó, đội tế lễ cũng được chọn lựa kỹ càng; gồm một ông chủ lễ, một ông chào vua, một ông cai đám, một ông đọc văn làm lễ chính, những người này thường là những người có chức sắc trong làng và thành viên của hai đội tế. Các đình phe và các tiểu ban được thành lập; gồm đội nữ nấu oản, xôi…, đội thâm nhập nam quan, nữ quan do 4 lý trưởng đảm nhiệm, đội xa mã và đội kéo co… tất cả đều được chuẩn bị và chọn lựa thật kỹ càng. Trước ngày hội làng tổ chức một ngày khoán làng để họp bàn thông báo về công tác chuẩn bị của các tiểu ban.

Cũng chưa có văn bản nào giải thích đầy đủ tại sao lại có lễ hội đặc biệt này. Đặc biệt không chỉ ở cái tên mà còn ở nghi thức trong lễ tế, không ai giải thích được tại sao kiệu lại "bay", không ai làm chủ hay sai khiến những kiệu thánh ấy đi dọc hết thôn này làng kia, cũng có năm người dân nói đi cả tiếng đồng hồ trên cả đường lớn và bờ mương… không ai giải thích được rằng những người rước kiệu kia khi khênh kiệu chạy lâu như vậy mà không ai thấy mệt, nhiều khi lao ra biển ướt đẫm người mà họ không hề dừng lại, thậm chí làm họ quay tròn đến mấy vòng liên tục mà không thấy khác lạ gì giữa cái nắng chói chang của mùa hè tháng 6,…

Đối với lễ kéo Xa Mã để cho trò thi điều khiển xa mã được diễn ra suôn sẻ, người ta chuẩn bị rất chu đáo: chiếc xa mã mang dáng dấp một đôi ngựa chiến thực thụ có đầy đủ dây cương, yếm hoa, cổ đeo nhạc, cơ động trên bánh xe bằng gỗ.

Tất cả với họ là sự linh thiêng, họ tin vào thần, tin vào sự phù hộ, bảo trợ của thần. Đó chính là nét đặc biệt của lễ hội này khác với lễ Nghinh Ông của ngư dân miền trung.

2.2.1.1. Phần nghi lễ

a) Lễ rước nước

Theo cái lệ, người dân tập trung tại đình dâng hương vào đêm giao thừa, khi chuyển giao giữa năm mới và năm cũ, một vị chủ lễ thắp hương, đánh trống, chiêng và làm lễ sát kê sang canh, thường đến 4 hoặc 5 giờ sáng mới xong. Đến ngày mùng 2 tết tập trung tại đình làng làm lễ dâng hương, sau đó những người

được cắt cử làm lễ rước nước từ vùng biển nước trong về để cúng tế trong suốt những ngày tết. ngày mùng 4 đóng cửa đình lễ tạ thần linh và mang nước đi tưới khắp quanh làng để cầu may.

b) Lễ mộc dục

Đến ngày hội được tổ chức từ mùng 9, là ngày thay áo quan bằng nước ngũ vị hương, làm lễ tế mời quan về đình làng, bắt đầu từ việc làm lễ tế cáo yết, mở của cung cấm của đình, trong cung chỉ có chủ lễ, cai đám và chào vua mới được thay bã trầu. Theo truyền thống của đình làng, lễ rước nước được tiến hành vào ngày mùng 2 Tết, đến ngày hội chính chỉ dùng nước ngũ vị hương lau chùi và thay áo quan.

c) Lễ tế gia quan:

Lễ này được tiến hành trước đó một tuần vào ngày mùng 5 khoán làng các chân kiệu, cai đám và chủ lễ, chào vua phải làm ăn chay tịnh, phải là người thanh tịnh… làm lễ tế trước long đình tại đình. Đến ngày chính hội, nghi thwucs này được tiến hành với việc làm lễ tế nghinh rước hai Ông Xa mã ra ngoài để thờ sau đó tiến hành làm lễ tế đại tế.. với nghi lễ tế gia quan chủ yếu là để những người tham gia lễ rước kiệu thánh và lễ tế ngày 12 tháng 6 .

d) Lễ tế đại tế:

Chính hội ngày mùng 10, sau ki vị chào vua làm lễ tế chào vua là làm lễ đại tế (đội nam tế trước, nữ tế sau), lễ tế nghinh rước kiệu Thánh và hai ông Xa Mã ra ngoài, tiếp sau là các quan phụ mẫu, đến lý trưởng các làng và dân được vào làm lễ dâng hương… trước mỗi lần rước kiệu thánh là một lần Xa Mã. Lễ rước kiệu được tiến hành sau khi chủ lễ đọc văn khấn. Rồi lại lễ kéo xa mã để phù giá trước chư vị thần. Không một ai có thể biết trước được là lễ rước kiệu sẽ diễn ra trong bao lâu, nhưng đến 4 hoặc 5 giờ chiều mới được làm lễ tế yên vị rước vào cung. Lễ tế yên vị thường là do đội nữ tế.

e) Rước, đám rước, tục hèm:

Không giống như một trình tự đám rước truyền thống có cờ tiết, cờ mao, hay trống cái, xe ngựa, xe voi.. .hay phường nhạc bát âm… mà đám rước của lễ hội nơi đây hoàn toàn khác, không rước một lần mà rước nhiều lần. Cái tục của

lễ hội nơi đây là trước khi làm lễ rước kiệu thánh là một lần Xa Mã. Cái tục này đã trở thành lệ, bởi trong quan niệm và thế giới tâm linh của họ. Khi làm lễ kéo Xa Mã, tiếng reo hò của các đội cùng với tiếng reo hò của người dân chính là tái hiện lại tiếng quân reo, tiếng ngựa hí, tiếng chiêng tiếng trống hòa vang như không khí lúc xung trận đánh giặc xưa kia. Như tiếng vó ngựa khoan thai như trở về dự hội mừng công.

Hai giáp Đông Và Tây đầu đội khăn, quần chít ống, với hai màu xanh và đỏ như các tướng sĩ ngày xưa: quần ống chẽn, đầu chít khăn kiểu đầu rìu. Mỗi đội có từ 12 đến 15 trai tráng trong làng. Trong lễ này có một truyền thống rất dặc biệt đó là trước khi hai giáp Xa Mã đều phải đọc hô vang bài kéo ngựa truyền thống theo trình tự cuộc thi:

- khi hai giáp vào vị trí, hai đội cùng hô vang :"Ơ, trai bản xã rước chư vị ra ban cho phải" và cùng vào vị trí, rước hai ông Xa Mã ra ban

- "ơ…giáp Đông ta đàn dây cho đều. Ơ… giáp Tây ta đàn dây cho đều" rồi cả hai đội cùng vòng dây quanh ngựa gỗ và cỗ bánh xe, sẵn sàng cho cuộc thi.

- cuộc thi bắt đầu trong tiếng reo hò thúc dục " Giáp Đông, giáp Tây ta Xa Mã cho đều" và cả hai đôi bắt đầu kéo. Cuộc chơi chỉ bắt đầu khi có hiệu lệnh phát ra từ vị chủ quản, hai ngựa gỗ dưới sự điều khiển khéo léo, nhịp nhàng của người chỉ huy chuyển động lúc nhanh lúc chậm, lượn vòng rất điệu nghệ. Quy định của cuộc chơi bên nào muốn giành giải thưởng của lang phải kéo ngựa chạy đủ 3 vòng, không chạm vạch.

Nhưng đối với họ, thắng thua không quan trọng, mà họ thấy được khong khí hết mình vì trận đấu, họ hòa mình vào cuộc thi như đang tham gia trận mạc.

d) *Lễ túc trực* : Ngày 11 làm lễ tế túc trực, người dân và khách thập phương đến đình làng dâng lễ.

e*) Lễ rã đám*: ngày 12 làm lễ rã đám. Kiệu lại được rước lên ban ra ngoài rồi hai giáp lại xa mã phù giá, rước kiệu lần hai, sau đó làm lễ tế yên vị và đóng cửa đình.

2.2.1.2. Phần Hội

Trong suốt những ngày lễ hội, việc tổ chức các hoạt động xen kẽ trong những nghi lễ. Ngày mùng 9 là biểu diễn của câu lạc bộ người cao tuổi, diễn cùng các xã, ngày mùng 10, có các đội hát hầu văn từ nơi khác đến hát, cùng các trò chơi như kéo co, chơi cờ người, chọi gà, đan lưới…

Tất cả các nghi lễ và việc tổ chức hội vui cho mọi người cùng tham gia, nhưng xưa kia việc tổ chức này phải theo một trật tự nhất định, và được phán quyết theo quan trên:

- ông Tiên thứ chỉ và cai đám làm chủ lễ
- ông lý trưởng đọc văn
- ông xã đoàn làm thông họa xướng
- các cụ bề trên ngồi bên Đông, bề dưới ngồi bên Tây, bạch đinh (những người không họ hàng…) ngồi ngoài. Các chức danh lý trưởng, phó lý, xã đoàn xưa dùng tiền để mua.

2.2.2. Lễ hội Xa mã rước kiệu nay

Các nghi lễ vẫn giữ nguyên như cũ, chỉ có điều đến nay các chức danh xưa không còn nên thay bằng người có chức vụ khác trong làng xã, xưa nếu đội tế, hay chủ lễ … là những người có chức sắc trong làng thì nay là những cụ bô lão, những người đã trải qua nhiều năm làm lễ.

Các đội tế lễ hiện nay là những đội tế được mời hoặc được thuê từ Hoàng Động, Cẩm Phả, Đông Hải hay Trần Triều ở Móng Cái, Quảng Ninh về tế. Không còn quy định trật tự, hay thứ tự trong làng mà tất cả moi người cùng các cơ quan toàn thể và mọi người dân đều có thể vào dâng hương và dự hội…

Đặc biệt là trước kia các lễ vật dâng cúng đều phải mang đến cho lý trưởng, phó lý, xã đoàn thì ngày nay các lễ vật đó đều được chhi đều cho người dân trong làng xã không phân biệt trên dưới.

Ngày nay việc tổ chức và ban quản lý di tích đình chùa Hoàng Châu do phó chủ tịch UBND xã làm trưởng ban và hai phó ban quản lý.

Phần hội xuất hiện nhiều trò chơi mới như bóng chuyền, cầu lông, đá bóng…

2.2.3. Một số kiêng kỵ và lễ vật dâng cúng

a) Một số kiêng kỵ:

- yêu cầu với mỗi người tham gia tế lễ hay các chân kiệu đều phải thanh tịnh, không bẩn người, ăn chay tịnh trước ngày khoán làng và trong những ngày diễn ra lễ hội.
- các chân kiệu phải là trai chưa vợ, gái chưa chồng, có độ tuổi từ 18 tuổi trở lên
- các chân kiệu và thành viên đội tổ chức vào ngày khoán làng phải tham gia cúng lễ tễ gia quan theo quan niệm là báo cáo thần linh.
- Phải hát bài hát truyền thống trước khi tiến hành Xa mã
- Yêu cầu mỗi người tham gia tế lễ và chân kiệu phải ăn chay tịnh, giữ thanh tịnh trong tuần tế lễ.
- Điều tối kỵ trong lễ kéo Xa Mã là không làm tổn thương đến xa mã đối phương cùng các thành viên nắm giữ, đẩy, kéo chiếc xa mã.

b) Lễ vật dâng cúng:

- Trước kia, người chủ lễ là ông cai đám sẽ có quyền cắt cử về gia đình của hai bên Giáp Đông và Giáp Tây, mỗi giáp mộ năm đứng ra làm lễ vật. Được tổ chức nấu ngay tại đình.
- Các lễ vật dâng cúng bắt buộc là: chào oản, lợn, gà, xôi, hương, hoa có cả các sản vật địa phương như lúa gạo được làm thành bánh giầy để dâng cúng...
- Theo nguyên tắc là lễ vật được chia thành các kê khác nhau: kê gà, kê lợn, chào oản to, xôi, hương, hoa, kê trầu cau têm cánh phượng... tất cả được đặt theo quy định tại đình. Với 5 kê cúng chính ở chính điện, 3 kê cúng làm lễ hóa lộc cho dân làng.

2.3. Sự biến đổi của lễ hội, nguyên nhân và ảnh hưởng của sự biến đổi

Lễ hội xưa và nay không khác xa nhau nhiều, tuy còn giữ được những gì nguyên bản vốn có của các nghi thức tế lễ rước kiệu và Xa mã, như, các nghi thức tế lễ, các quy trình của môt buổi tế lễ, các câu hò trong nghi thức Xa Mã…

Ngày xưa phần thưởng được trao cho đội thắng chỉ là chút lộc phẩm của hội đình. Cả bên thắng, bên thua cùng hòa đồng trước sự cổ vũ reo hò của dân làng và du khách thập phương; sau đó cùng uống trà, thụ lộc thánh, hẹn mùa lễ hội sang năm.

Nhưng như ngày xưa, lễ hội được tổ chức đến 4 ngày, và làm lễ tế rước kiệu 2 lần vào ngày mùng 10 rước kiệu thánh ra và ngày 12 rước kiệu hồi cung, trước khi rước kiệu là một lần xa mã. Nhưng ngày nay, đã không còn tổ chức rước hai lần như vậy nữa mà 3 năm mới có một năm tổ chức rước hai lần kiệu thánh.

Những yêu cầu có tính nguyên tắc bắt buộc đối với các chân kiệu rất cao, nếu xưa kia thì có chăng là việc rất dễ dàng, nhưng ngày nay, do đô thị hóa, do đời sống dân cư thay đổi, người đi làm ăn xa nhiều hơn, di cư nơi khác làm ăn, các thanh niên con trai tráng hay con gái cũng đều đi học… hoặc trong những ngày diễn ra lễ hội bị bẩn người như cãi nhau, nói tục, rượu chè… đều không thể tham gia khiêng kiệu… nên việc tổ chức nhiều ngày sẽ càng khó khăn hơn. Bên cạnh đó, các di vật như kiệu, xa mã và vật dụng đã nhiều năm không còn như trước nữa, xuống cấp và hỏng nhiều, tu sửa lại là việc rất khó.

Công tác chuẩn bị cho các lễ vật cũng đòi hỏi các giáp có nhiều thời gian và cầu kỳ. ngày xưa, lễ hội yêu cầu phải dâng cúng lợn đã mổ bụng nhưng còn nguyên con. Nhưng ngày nay, để tiết kiệm, người dân chỉ cũng đầu lợn, và các vật nội tạng cùng các bộ phận khác đặt trên kê khác nhau cùng cúng tế.

Các lễ vật cũng thay đổi từng ngày theo sự biến đổi của xã hội, mâm trầu cau têm cánh phượng đã được thay thế bằng mâm trầu cau có dán hình hoa văn đẹp mắt, lễ dâng đầy đủ trong nhứng ngày hội thì ngày nay chỉ dâng đầy đủ trong ngày lễ chính, còn những ngày khác chỉ dâng oản, hương và hoa…

Đôi Xa Mã đã nhiều năm, việc tổ chức nhiều lần mà không qua bảo trì đã làm hư hại dần, theo như lời các cụ trong làng, đôi mắt ngựa gỗ đã bị hỏng và được thay thế bằng đôi mắt khác không giống được như đôi mắt cũ nữa…

Sự biến đổi đó có ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tổ chức lễ hội trong những năm tiếp theo. Do đó cần có biện pháp và sự quan tâm đúng mức để giữ được nét truyền thống tốt đẹp này.

2.4. Ý nghĩa và giá trị của lễ hội trong đời sống nhân dân Cát Hải

2.4.1. Giá trị cân bằng đời sỗng tâm linh

Trong lễ hội truyền thống cuộc sống thường ngày của con người được tái hiện dưới hình thức các trò diễn. Dường như, các vị thần linh, các bậc siêu nhiên luôn tồn tại trong đời sống và sẽ trở về trong tiềm thức của con người vào những dịp lễ hội, khiến cho lễ hội được tồn tại với những lễ nghi ít nhiều có tính chất huyền ảo, sức cảm hóa của không gian và thời gian thiêng được nhân lên gấp bội. Không ai có thể giải thích được tại sao Kiệu lại "bay", và những châm kiệu chạy mãi không thấy mệt, không biết kiệu sẽ "bay" đi đâu… tất cả như thần linh đang hiện hữu trong đời sống tâm linh của họ. Họ ước vọng, họ cầu nguyện… họ được tắm mình trong không khí thiêng liêng của lễ hội. Hội là dịp để mọi người được hóa thân, nhập cuộc và tham gia sáng tạo cũng như thưởng thức các giá trị văn hóa nghệ thuật mang tính chất dân gian kết hợp với những yếu tố hiện đại.

Do đó, lễ hội đình chùa Hoàng Châu cũng góp phần tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến đời sống tâm linh, cách sống và quan điểm sống hàng ngày của người dân nơi đây nói riêng và đến việc hun đúc tâm hồn tính cách con người Việt Nam.

2.4.2. Giá trị hướng về cội nguồn

Lễ hội đình chàu Hoàng Châu cũng như những lễ hội truyền thống khác là loại hình sinh hoạt văn hoá, sản phẩm tinh thần của người dân được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử. Người Việt Nam từ lâu đã có truyền thống "*Uống nước nhớ nguồn*". Lễ hội là sự kiện thể hiện truyền thống quý báu đó của cộng đồng, tôn vinh những hình tượng thiêng, được định danh là những vị "*Thần*" - những người có thật trong lịch sử dân tộc hay huyền thoại. Hình tượng

thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng cũng như các vị thần linh đã hội tụ những phẩm chất cao đẹp của con người. Đó là những anh hùng chống giặc ngoại xâm; những người khai phá vùng đất mới, tạo dựng nghề nghiệp; những người chống chọi với thiên tai, trừ thú ác; những người chữa bệnh cứu người; những nhân vật truyền thuyết đã chi phối cuộc sống nơi trần gian, giúp con người hướng thiện, giữ gìn cuộc sống hạnh phúc... Lễ hội đình chùa Hoàng Châu là sự kiện tưởng nhớ, tỏ lòng tri ân công đức của các vị thần đối với cộng đồng, dân tộc. Lễ hội còn là dịp con người được trở về với nguồn cội tự nhiên hay nguồn cội của dân tộc đều có ý nghĩa thiêng liêng trong tâm trí mỗi người.

Lễ hội là dịp người dân nơi đây tưởng nhớ đến vị thần thành hoàng Dực Vũ Đại Vương Đoàn Thượng, Thánh Mẫu cùng các quan Nam Hải… họ cầu cho một năm mới mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, nhân dân được mạnh khỏe, bình yên, ấm no và hạnh phúc.

2.4.3. Giá trị cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng

Bên cạnh đó, lễ hội đình chùa Hoàng Châu thể hiện được sức mạnh cộng đồng làng xã, địa phương và rộng hơn là quốc gia dân tộc. Họ thờ chung vị thần, có chung mục tiêu đoàn kết để vượt qua gian khó, giành cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Họ không chỉ thể hiện mong ước các nhân mà trong mỗi con người họ lại luôn tồn tại một sự gắn kết chặt chẽ. Từ những con người cùng nhau chung sức hết mình kéo hai chiếc xe ngựa gỗ, những tiếng roe hò khong ngớt trong những cuộc đua, cùng nhau tỏ chức để xây dựng đình chùa…

Họ cùng thờ chung, gắn kết bởi các nhu cầu sự đồng cảm (cộng cảm) bởi một thế lực siêu nhiên nào đó (cộng mệnh)… và cứ như vậy họ gắn bó, cùng hòa chung một ước vọng cho cuộc sống và cho mùa màng bội thu…

2.4.4. Giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa

Lễ hội cũng là nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân khi tham gia lễ hội. Mỗi dịp lễ hội diễn ra là một lần họ được cùng nhau tổ chức lễ hội, cùng đóng góp, cùng sáng

tạo và tái hiện lại không khí rèn quân tập trận của các chiến sĩ xưa kia… do đó, lễ hội Xa Mã được người dân Hoàng Châu tổ chức ngày nay là cả một sự sáng tạo văn hóa, không phải theo lối mòn mà họ đã biết tiếp thu truyền thống và tạo nên những giá trị cao đẹp của một lễ hội truyền thống. Rồi hộ cùng nhau hưởng thụ lấy những giá trị quý giá ấy, cảm nhận trong họ là những nét đẹp văn hóa sâu sắc mà khó có thể diến tả bằng lời từ những tấm lòng của những con người với ước mong nhỏ bé nhưng chứ đựng sâu sắc nhân tố của một nét đẹp truyền thống văn hóa nơi biển đảo.

2.4.5. Giá trị bảo tồn và trao truyền văn hóa

Việc tổ chức lễ hội Xa Mã là hình thức giáo dục, chuyển giao cho các thế hệ sau biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu của địa phương theo cách riêng, kết hợp giữa yếu tố tâm linh và các trò chơi đua tài, giải trí...

Lễ hội đình chùa Hoàng Châu cũng là dịp con người được giải tỏa, dãi bày phiền muộn, lo âu với thần linh, mong được thần giúp đỡ, chở che vượt qua những thử thách của cuộc sống. họ được tưởng nhớ đến thần linh, được nhắc lại truyền thống lịch sử cũng như nguồn gốc, sự ra đời của lễ hội truyền thống quê hương và được tắm mình trong những không gian của cái thiêng.

Cúng nhờ có sự trao truyền và phát huy bản sắc văn hóa này mà lễ hội Xa Mã trải qua bao đời nay vẫn còn nguyên giá trj như nó vốn có. Nếu như không có lễ hội, không có sự bảo tồn và trao truyền đến nay thì lễ hội cũng đã không còn tồn tại.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Sau lễ hội là một dịp người dân Cát Hải được tìm về với lịch sử, với cội nguồn, với truyền thống của địa phương. Lễ hội Xa Mã Rước Kiệu chính là một lễ hội độc đáo, mang những nét văn hóa riêng của người dân Cát Hải nói chung, và người Hoàng Châu nói riêng.

Lễ hội xưa và nay đã khác nhau nhiều, song về nguyên tắc tổ chức thì lễ hội vẫn duy trì được những gì vốn có của nó. Tuy nhiên ko thể tránh khỏi theo thời gian mà các di vật bị hư hại nhiều, do đó cần phải được quan tâm và bảo tồn để tiếp tục duy trì và phát huy giá trị của lễ hội một cách hoàn chỉnh.

Sự ảnh hưởng của phát triển xã hội ngày càng làm ảnh hưởng đến các giá trị truyền thống nói chung trong đó có lễ hội. Nên công tác bảo tồn là một việc vô cùng cần thiết. Trong khi nhu cầu du lịch tín ngưỡng, lễ hội và du lịch tâm linh ngày càng phát triển, và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cảu du khách. Thì lễ hội Xa Mã Rước Kiệu lại chính là một trong những tài nguyên có giá trị có thể khai thác cho du lịch mà không mất nhiều đầu tư vào nó.

Hơn nữa vùng đất Cát Hải nói chung và Hoàng Châu nói riêng lại chứ đựng nhiều dấu ấn lịch sử, từ buổi đầu khai hoang lập ấp, đến nay Cát hải không ngừng phát triển và đổi mới phù hợp với nhu cầu du lịch của thành phố. Là cầu nối cho truyền thống văn hóa nông nghiệp biển đảo của Hải Phòng.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG KHAI THÁC VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LỄ HỘI PHỤC VỤ DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG

3.1. Thực trạng khai thác lễ hội

3.1.1. Thực trạng lễ hội và du lịch hiện nay

3.1.1.1. Lễ hội và du lịch hiện nay

Với tư cách là tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt, bản thân các lễ hội hay việc tổ chức các lễ hội kết hợp phát triển du lịch là mô hình mới được hình thành những năm gần đây và đang trên đà phát triển mạnh, đem lại những hiệu quả văn hóa và kinh tế thiết thực như những đánh giá của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Hội nghị triển khai công tác văn hóa, thể thao và du lịch: "Hoạt động lễ hội đã thực sự trở thành hoạt động văn hóa du lịch, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế".

Nhờ công tác chỉ đạo quyết liệt của Bộ và sự vào cuộc của các cơ quan chuyên môn như Thanh tra Bộ, Cục Văn hóa cơ sở, Cục Di sản Văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, trong mùa lễ hội Xuân 2012 vừa qua, mộ số tồn tại trong công tác quản lý, tổ chức lễ hội đã có những thay đổi cơ bản.

Trong kỷ nguyên công nghiệp hoá, hiện đại hoá, toàn cầu hoá, xã hội phát triển toàn diện thì cuộc sống của nhân dân lao động sẽ không ngừng được cải thiện và nâng cao về mọi mặt. Do vậy, nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần sẽ cao hơn nhiều so với xã hội hiện nay ở nước ta. Khi ấy nhu cầu về tín ngưỡng, tâm linh của nhân dân lao động trở thành nhu cầu cấp thiết không thể thiếu được, để cân bằng về mặt tâm lý và tình cảm của con người, sự cộng cảm và cộng mệnh của các cộng đồng người trong đời sống xã hội hiện đại càng được thể hiện rõ nét thông qua các mối quan hệ và giao lưu văn hoá, với lòng thân ái, vị tha và bao dung sâu sắc. Khi ấy lễ hội cổ truyền càng đóng vai trò là phương tiện hữu ích cho con người hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hoá. Vai trò, vị trí của lễ hội cổ truyền vẫn được xác định là cầu nối liền từ quá khứ- hiện tại- đến tương lai. Do đó mà các hoạt động văn hoá lệ hội cổ truyền sẽ nhộn nhịp, sôi nổi hơn nhiều so với hiện nay, để thoả mãn nhu cầu của đời sống xã

hội văn minh hiện đại, nhu cầu đời sống văn hoá tâm linh của nhân dân càng nhiều hơn.

Du lịch được xem như một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng, nhưng mang nội dung văn hóa sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Khai thác thế mạnh của văn hoá để phát triển du lịch và du lịch phát triển sẽ lại củng cố phát triển bền vững văn hoá. Từ nội hàm đó cho thấy môi trường văn hoá du lịch-lễ hội-sự kiện ngoài những nét đặc thù riêng – chính là môi trường văn hoá của cộng đồng xã hội và sức hấp dẫn của các sản phẩm du lịch, chính là giá trị văn hoá được kết tinh từ các sản phẩm văn hoá thông qua lễ hội và sự kiện, theo hướng phát triển du lịch bền vững, cần có những định hướng bảo tồn và giới thiệu với du khách các giá trị văn hóa truyền thống, di tích và đặc sắc của từng địa phương, trong đó Hải Phòng không nằm ngoài những tiêu chí ấy. Nhằm tận dụng những tài nguyên, nguồn lực và cơ sở vật chất sẵn có của Hải Phòng tạo ra những sản phẩm du lịch có chất lượng, đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao.

3.1.1.2. Diện mạo Cát Hải từ góc nhìn lịch sử, kinh tế, văn hóa với du lịch Hải Phòng

Vào thời Lý, Cát Hải là Hải đảo thuộc lộ Hồng Châu, còn gọi là lộ Đông Hải. Thời nhà Trần thuộc lộ Hải Đông, thời Hậu Lê là huyện Ân Phong, Chi Phong, Tư Phong, sau lại được đổi lại là Hoa Phong. Phủ Hải Đông thuộc đạo thừa tuyên An Bang, tên cú là trấn Triều Dương, còn gọi là châu Vĩnh An, sau đổi thành trấn An Quảng. Thời Nguyễn là huyện Hoa Phong, phủ Hải Đông, trấn Quảng Yên. Từ năm 1841, vua Thiệu Trị đổi tên là huyện Nghiêu Phong (hay Ngao Phong), phủ Sơn Định, tỉnh Quảng Yên. Từ 1945 đến 1956 là huyện Cát Hải, tỉnh Quảng Ninh, từ 1956 đến nay là huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Gia Lộc, Hoàng Châu chính là nơi từng đóng quân, lập đồn phòng thủ ở các cửa biển như Ninh Tiếp, đồn lớn ở Đảo Quan nay gọi là đảo Vân Đồn (xưa thuộc châu Vân Đồn, tỉnh Quảng Yên) do con trai của Đoàn Thượng là Đoàn Văn giữ chức Đô thống trấn giữ vùng biển Đông Bắc. Đay là môt cửa quan ải mặt biển có tầm chiến lược quan trọng về quố phòng và giao thương. Và cửa biển Ninh Tiếp, bến Gót, xác định chủ quyền quốc gia, có công đánh giặc, trừ

bọn cướp biển đặc biệt nổi lên là bọn cướp Ưng Thiên, giữ cho ngư dân có cuộc sống làm ăn ổn định, Ngài còn mở trường khuyến học cho ngư dân…

Thần không thể tách rời di tích, và càng không thể xa được các nghi thức thờ cúng, đó chính là Lễ hội. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng là một nhân vật có thật trong lịch sử cuối thời Lý đầu thời Trần. Nhiều truyền thuyết và thấn tích kể lại, Ngài chính là hóa thân của Giao Long, hay là người con thứ 50 theo cha xuống biển của Lạc Long Quân… Ngài đã có nhiều công lao trong suốt cuộc đời đáu tranh vì dân vì triều đình Nhà Lý, khi chết đi lại "hộ quốc tí dân" được nhân dân khắp nơi tin theo và thờ phụng. Cùng với các hệ thống di tích đó chính là các lễ hội tưởng nhớ đến Ngài. Khác với lễ hội thờ cá Ông – cá Voi của ngư dân vùng miền Trung, thì ở Bắc Bộ lại thờ Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng như vị thần bảo hộ nghề nghiệp. Một không gian đa tầng văn hóa hiện ra thật độc đáo với những lễ hội của ngư dân vùng biển Cát Hải, Hải Phòng. Đó là lễ hội Rước Kiệu tại khắp các đình làng, bản thổ Cát Hải, đặc biệt là lễ hội Xa Mã xã Hoàng Châu.

Hoàng Châu nằm ở vị trí nơi đầu sóng ngọn gió của Hải Phòng, xuôi theo dòng sông Nam Triệu, với cái nắng trời cúng những cơn gió biển, người dân nơi đây bao đời nay sinh cơ lập nghiệp từ dòng sông này, là dòng sông con của dòng sông Bạch Đằng Giang. Nơi đây năm 938, Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán, mở ra nền độc lập lâu dài của Đại Việt.

Hiện nay tại đình còn đang lưu giữ một tấm văn bia có giá trị lịch sử lưu lại những sự kiện và dấu ấn lịch sử của Hoàng Châu. Bia được khắc vào thế kỷ XVII, thời vua Quang Trung, niên hiệu thứ 2, năm 1782, cho đến thế kỷ XVIII, thời Tự Đức 1848, niên hiệu Minh Mạng thứ 15. Hoàng Châu đã có tên từ lúc lập bia thuộc tổng Yên Khoái, huyện Hoa Phong, tỉnh Hải Đông. "Khi đó Hoàng Châu là trung tâm kinh tế văn hóa tập nập, trên bến dưới thuyền có nhiều hoa thơm cỏ lạ, những đặc sản sông nước hữu tình và nhiều người hiền tài phụng sự cho đất nước". tại văn bia Quốc tử giám, thời tiền Lê có ghi, người Hoàng Châu học tài đỗ cao trở thành giám sinh trường Quốc Tử Giám…

Ngược dòng thời gian, trở lại với vùng đất Hoàng Châu xưa kia cách xa đất liền, phương tiện giao lưu và trao đổi thông tin không dễ dàng. Nhưng cũng chính nơi đây đã hun đúc lên những trang lịch sử, những người hiền tài hiếu học cho quốc gia trong suốt chiều dài lịch sử đất nước.

Những con người nơi đầu sóng ngon gió này đã đoàn kết, gắn bó từ buổi đầu sinh cơ lập nghiệp đã tạo nên cho họ những phẩm chất tốt đẹp, những nét văn hóa độc đáo riêng có. Không chỉ có vậy, mà trải qua bao cuộc chiến tranh khốc liệt trong lịch sử dân tộc, cùng chung sức với người dân trong toàn thành phố đấu tranh bảo vệ thành phố. Trong kháng chiến chống Pháp nơi đây là nơi che dấu cán bộ cách mạng. Năm 1952, đồng chí Nguyễn Bình, nguyên cán bộ quân báo của huyện Cát Hải đã được nhân dân ta che dấu ở nơi vọng cung của đình làng. Năm 1953, tại ngôi đình Hoàng Châu này, nhân dân đã trừng trị tên Cai Hải đã gây tội ác cho nhân dân trước ngày hội làng 10 tháng 6.

Trong kháng chiến chống Mĩ, mái đình này lại là nơi tiến đưa lớp lớp người dân làng Hoàng lên đường đánh giặc cứu nước. Ngày 1 tháng 11 năm 1966, khi giặc Mĩ quyết tâm phá hoại miền Bắc, quân và dân Hoàng Châu, mà tiêu biểu là Đoàn Hải Sâm đã trực tiếp bắt sống tên giặc lái máy bay Mĩ đầu tiên trên dòng sông Nam Triệu khi chúng ném bom vào thành phố… còn biết bao những nhân vật lịch sử, biết bao là dấu ấn lịch sử được in dấu ở nơi đây.

Hoàng Châu xứng đáng là một điểm đến du lịch văn hóa, với đình chùa, văn bia, miếu vũ, văn từ tạo thành một quần thể di tích lịch sử văn hóa độc đáo. Cùng lễ hội khá đặc sắc hiếm nơi nào có được, người dân lại thân thiện, chịu khó với nghề truyền thống làm nước mắm, mắm tôm, khai thác thủy hải sản, làm muối… là điều kiện tốt phục vụ cho nhu cầu của khách du lịch khi đến địa phương. Như vậy, từ một vùng quê nhỏ bé nhưng chứa đựng nhiều tài nguyên có giá trị hấp dẫn cho du lịch của Cát Hải, lại có thể tạo thành những tour du lịch văn hóa tâm linh, lễ hội hấp dẫn trên hòn đảo nhỏ này.

3.1.2. Thực trạng tổ chức lễ hội Xa Mã Rước Kiệu đình Hoàng Châu

Nhìn chung, công tác tổ chức và quản lý lễ hội đình chùa Hoàng Châu đảm bảo Quy chế tổ chức lễ hội của Nhà nước, đảm bảo các yếu tố: tôn vinh, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tổ chức lễ hội đảm bảo tính trang nghiêm, tiết kiệm, an ninh trật tự - an toàn xã hội, thu hút được nhiều người tham gia hòa mình vào không khí chung của lễ hội, tạo nên động lực tinh thần to lớn và khơi dậy lòng tự hào về quê hương đất nước qua các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Nhờ công tác triển khai phổ biến kịp thời các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến sở văn hóa thể thao và du lịch thành phố tới các cơ quan, đoàn thể và nhân dân địa phương nên công tác tổ chức và quản lý lễ hội đình chùa Hoàng Châu trong những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực. Lễ hội đã chấp hành theo Quy chế tổ chức lễ hội của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2001 về thực hiện thủ tục cấp phép tổ chức thuộc Chương II, Điều 5; Báo cáo tổng kết lễ hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin... thuộc Chương II, Điều 4; Thời gian thực hiện tổ chức lễ hội thuộc Chương II, Điều 12. Đến nay, lễ hội đình chùa Hoàng Châu đã thành lập Ban Tổ chức lễ hội, điều hành theo chương trình đã được xin phép với cơ cấu thành phần theo quy định của Nhà nước.

3.1.3. Thực trạng bảo tồn di tích và duy trì lễ hội

Lễ hội cũng như bất cứ một hiện tượng văn hóa, xã hội nào cũng đều chịu sự tác động bối cảnh kinh tế - xã hội đương thời và nó cũng phải tự thích ứng biến đổi theo. Tuy nhiên, với loại hình lễ hội truyền thống thì ba đặc trưng nêu trên là thuộc về *bản chất, là yếu tố bất biến, là hằng số,* chỉ có những biểu hiện của ba đặc tính trên là có thể biến đổi, là khả biến để phù hợp với từng bối cảnh xã hội. Khẳng định điều này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với việc phục hồi, bảo tồn và phát huy lễ hội trong xã hội hiện nay. Việc phục dựng, làm mất đi các đặc trưng trên của lễ hội cổ truyền thực chất là làm biến dạng và phá hoại lễ hội đó.

Hiện tại di tích đình Hoàng Châu đang có nguy cơ bị xuống cấp nghiêm trọng, ngôi đền xưa kia có 5 gian nhưng khi di chuyển hiện tại đuộc xây dựng với 3 gian. Cũng với hệ thống các di vật hiện tại cũng đang hư hỏng dần, việc bảo tồn và cất giữ hệ thống cỗ xe kéo xa mã chưa có khoa học, mà để chồng vào góc đình, mỗi năm một lần lễ hội lại lấy ra sử dụng mà chưa có công tác tu sửa, bảo dưỡng dẫn đến bị hư hỏng nhiều. Nếu không có sự quan tâm đúng mức và can thiệp ngay sẽ dẫn đến tình trạng có thể sẽ không thể sử dụng được nữa.

Năm 2003 đã vận động được nhân dân và tiền công đức để xây dựng lại ngôi chùa Hoàng Châu mới với hơn 100 triệu đồng. Nhưng đình Hoàng Châu hiện nay chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức. Chính vì các hệ thống vật thờ, đồ thờ và đồ xa mã đã xuống cấp, không thể sử dụng nhiều nữa, nên truyền thống lễ hôi rước kiệu hai lần trong mỗi dịp lễ hội bị cắt, và chỉ tổ chức 3 năm mới có một năm tổ chức rước kiệu hai lần.

Công tác quản lý bảo vệ di tích đình chùa Hoàng Châu từ năm 2008 đến nay đã được thực hiện có hiệu quả hơn so với trước đây. Việc sử dụng tiền công đức và tiên giọt dầu… đã được hiệu quả hơn: năm 2009, tiền công đức và các laoij tiền khác của đình chùa là 70 triệu đồng, năm 2012 là hơn 90 triệu, nhwung sau mỗi lần lễ hội được tổ chức thường chi hết khoảng 4o triệu đồng, và hiện tại quỹ còn lại là 270 triệu đồng, được gửi vào ngân hàng và quản lý là UBND xã Hoàng Châu.

3.2. Giải pháp phát triển phục vụ du lịch địa phương

3.2.1. Giải pháp để bảo tồn di tích đình Hoàng Châu

Lễ hội truyền thống ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần, trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Đồng thời, lễ hội đang trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Do đó, việc tăng cường hiệu lực quản lý lễ hội truyền thống dựa trên các quy định của Hiến pháp, các văn bản Nghị định, Chế tài, các Quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Luật Di sản văn hóa do Nhà nước ban hành nhằm mục đích đảm bảo quyền tự do sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân, giữ gìn truyền

thống văn hóa tốt đẹp, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc. Đưa các hoạt động tổ chức lễ hội đi vào nề nếp nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, góp phần xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân thêm đa dạng, phong phú, vui tươi, lành mạnh trên cơ sở đó tăng thêm tinh thần đoàn kết gắn bó cộng đồng của người dân. Thông qua sinh hoạt lễ hội giáo dục đạo lý "*Uống nước nhớ nguồn*" tính tự hào dân tộc và tình yêu quê hương đất nước của mỗi người dân, tạo ra môi trường bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa – nghệ thuật truyền thống và trò chơi dân gian, từ đó biến lễ hội truyền thống trở thành động lực phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và quảng bá hình ảnh của địa phương. Khai thác và phát huy tiềm năng sáng tạo, ý thức và vai trò của quần chúng nhân dân trong việc tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống.

Trong những năm qua các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa và lễ hội đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật và có đóng góp không nhỏ vào việc lập lại trật tự trong tổ chức và quản lý lễ hội trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, trên thực tế quản lý lễ hội trong những năm qua cho thấy: Yêu cầu thực tế cần được quan tâm quản lý trong các lễ hội thường đa dạng hơn, phong phú hơn, phức tạp hơn so với những gì chứa đựng trong các văn bản quản lý.

Di tích đình chùa Hoàng Châu là không gian tổ chức lễ hội, nội dung của đình làng chính là nội dung của lễ hội và lý do tồn tại lễ hội. Vì thế, Ủy ban nhân dân xã Hoàng Châu và ban quản lý di tích cần tích cực chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, tôn tạo đình chùa Hoàng Châu, đầu tư chống xuống cấp cho di tích. Đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất để lễ hội hàng năm được tổ chức trang trọng, thành kính.

Nhưng đến nay nhờ có hệ thống văn bản pháp quy: Luật di sản văn hóa và văn bản về quản lý lễ hội, công tác quản lý lễ hội đã đi vào nề nếp hơn.

3.2.2. Giải pháp duy trì lễ hội truyền thống địa phương

Trong những năm qua, công tác tổ chức và quản lý lễ hội ở địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực, từ tư duy nhận thức của các cấp lãnh đạo và

người dân địa phương; việc ban hành và thực thi các văn bản quản lý trong công tác tổ chức, công tác thanh tra, kiểm tra lễ hội cho đến việc phục hồi và phát huy có hiệu quả lễ hội, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Do đó lễ hội cần được tiếp tục tổ chức các nghi thức cúng lễ trang trọng, linh thiêng và thành kính. Chương trình tham gia phần hội phong phú hấp dẫn, bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương theo xu hướng lành mạnh, tiến bộ, tiết kiệm, tổ chức các hoạt động văn hóa dân gian, diễn xướng dân gian… để quảng bá, giới thiệu những giá trị văn hóa của địa phương.

Mặt khác, việc tổ chức lễ hội dân gian đã kết hợp gắn kết các hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống với quảng bá du lịch, giới thiệu hình ảnh và mỹ tục truyền thống văn hoá lâu đời tốt đẹp, độc đáo của người dân Cát Hải, khẳng định bản lĩnh, trí tuệ, tâm thức hướng về nguồn cội của cộng đồng. Đồng thời, các sinh hoạt lễ hội truyền thống đã góp phần giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn, tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng, làm nên vẻ đẹp của các công trình tín ngưỡng, tôn giáo độc đáo của Hải Phòng.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân hoạt động lễ hội đã được xã hội hoá rộng rãi, huy động được nguồn lực lớn từ nhân dân, nguồn tài trợ, cung tiến ngày càng tăng, nguồn thu qua công đức, lệ phí, dịch vụ phần lớn đã được sử dụng cho trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, tổ chức lễ hội đã và đang góp phần bảo tồn các phong tục, tập quán truyền thống địa phương.

Thông qua lễ hội, đã và đang tạo lập môi trường thuận lợi để nhân dân thực sự là chủ thể của hoạt động lễ hội, chủ động sáng tạo, cùng tham gia tổ chức, đóng góp sức người sức của cho lễ hội truyền thống, nâng cao trách nhiệm của tổ chức cá nhân và cộng đồng trong tham gia hoạt động lễ hội, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện đảo và nhu cầu tín ngưỡng của các tầng lớp nhân dân thành phố.

3.2.3. Tuyên truyền, giáo dục để phát huy giá trị văn hóa và lịch sử của lễ hội

Trong những năm qua, công tác quản lý lễ hội luôn được các cấp ủy Đảng, Chính quyền từ tỉnh đến cấp cơ sở quan tâm chỉ đạo và coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong công tác giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các cơ quan chức năng và Chính quyền địa phương cần tăng cường đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp quy, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về phát huy và duy trì lễ hội trên hệ thống loa truyền thanh của xã, qua hướng dẫn nghiệp vụ, qua thông tin cổ động trực quan (pa nô áp phích, băng rôn, khẩu hiệu), đặc biệt là Quy chế tổ chức lễ hội và Quyết định số 39/2001 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 23/8/2001, Luật di sản văn hóa...

Bên cạnh đó, còn tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước như: Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ ban hành quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

Trong dịp tổ chức lễ hội đình chùa Hoàng Châu, ủy ban nhân dân xã cần tập trung chỉ đạo hơn nữa dưới sự hướng dẫn nghiệp vụ của Phòng Văn hóa Thông tin huyện Cát Hải để đảm bảo phần lễ được tổ chức theo đúng nghi lễ truyền thống, phần hội vui tươi, lành mạnh, trong đó có sự kết hợp giữa văn hóa truyền thống và hiện đại, tạo sự phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo nhân dân trong và ngoài xã tham gia, góp phần phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng tiêu biểu của Cát Hải nói chung và của người Hoàng Châu nói riêng. Trong những năm qua, lễ hội đình chùa Hoàng Châu đã thực sự trở thành nơi quy tụ sức mạnh cộng đồng, là biểu tượng của tinh thần đại đoàn kết dân tộc và truyền thống "*Uống nước nhớ nguồn*" của dân tộc Việt Nam.

Có thể nói những văn bản pháp quy của Đảng và Nhà nước đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý văn hóa nói chung, lễ hội nói riêng; Cụ thể hóa

những nội dung của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa VIII về "*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"* đã trở thành công cụ đòn bẩy cho hoạt động quản lý văn hóa, thể thao và du lịch cũng như lễ hội nói chung và lễ hội đình chùa Hoàng Châu nói riêng.

3.2.4. Đề xuất giải pháp cho công tác tổ chức quản lý để phát huy giá trị văn hóa truyền thống của lễ hội

3.2.4.1. Đề xuất về nguồn nhân lực

Hiện nay, tại khu vực tổ chức lễ hội có hai loại nhân lực được quản lý: nguồn nhân lực tại chỗ, đó là cư dân địa phương thường xuyên tham gia các hoạt động dịch vụ có liên quan trong phạm vi ảnh hưởng của di tích và nguồn nhân lực vãng lai gồm các đối tượng lao động không cố định như: những người bán hàng rong...

Ban tổ chức cần có phương án để quản lý tốt hai nguồn nhân lực này. Đối với nguồn nhân lực tại chỗ, bố trí và sắp xếp đội ngũ nhân lực phù hợp, đúng vị trí, trước khi phân công nhiệm vụ, Ban quản lý đã xây dựng kế hoạch, kiểm tra, đánh giá, phân loại đối tượng. Phân công và giao việc, tạo điều kiện công bằng để các cá nhân được khẳng định và thể hiện trình độ năng lực của mình trong công việc, đặc biệt là các cán bộ trong công an xã hay ban quản lý di tích. Đối với nguồn nhân lực vãng lai từ nơi khác đến tham gia vào hoạt động lễ hội, Ban tổ chức lễ hội cũng cần có những biện pháp kiểm soát đối tượng này.

3.2.4.2. Đề xuất về nguồn tài chính

Đối với nguồn tài chính chi cho tổ chức lễ hội được quản lý như sau:

- Lễ hội do cấp xã tổ chức và quản lý nên ngân sách do Ủy ban nhân dân xã Hoàng Châu trực tiếp cấp phát và xét duyệt quyết toán đối với Ban tổ chức lễ hội.
- Kinh phí lấy từ nguồn thu kinh doanh dịch vụ và thu được chủ yếu từ nguồn công đức của nhân dân địa phương và du khách thập phương được giao cho Ủy ban nhân dân xã Hoàng Châu nắm giữ,

sau đó đầu tư trở lại chi cho các hoạt động tổ chức lễ hội lần sau và việc tu bổ di tích.

– Kinh phí tổ chức lễ hội được tài trợ từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thì do Ban Văn hóa xã Hoàng Châu trực tiếp quản lý chi cho tổ chức lễ hội.

3.2.4.3. Công tác dịch vụ, vệ sinh, trật tự công cộng

Hoạt động dịch vụ - du lịch phục vụ lễ hội trên địa bàn xã Hoàng Châu luôn cần được quan tâm:

- Đối với các cơ sở dịch vụ kinh doanh và các dịch vụ trông giữ các phương tiện giao thông Ban tổ chức đã kết hợp với các ban ngành có liên quan trực tiếp quản lý và kiểm tra thường xuyên trong dịp lễ hội. Xây dựng các phương án để tăng cường quản lý, hướng dẫn làm thủ tục đăng ký hoạt động cho các đối tượng tham gia dịch vụ.
- Ban tổ chức đã chỉ đạo các hàng quán thực hiện nghiêm việc ký cam kết không bán hàng cấm, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát quá trình bán hàng tại các cơ sở dịch vụ không để xảy ra tình trạng hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái lưu thông trên thị trường. Ban hành thông báo giá trần đối với các hàng hóa dịch vụ.
- Ban tổ chức thực hiện trông giữ các phương tiện giao thông và niêm yết giá trông xe theo quy định của Uỷ ban nhân dân xã, không cho hộ dân mở các điểm trông xe tự phát.
- Thực hiện chỉ thị về vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ lễ hội của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Ban tổ chức đã tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát các hàng quán chế biến thực phẩm. Tổ chức tuyên truyền và ký cam kết vệ sinh an toàn thực phẩm tại cơ sở.
- Thực hiện quy định quản lý, bảo vệ môi trường khu di tích đình làng. Ban tổ chức đã đề ra các nội quy hướng dẫn du khách và nhân dân tham gia lễ hội và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh dịch vụ xả rác đúng nơi quy định; bố trí thùng đựng rác, treo

biểm cấm xả rác bừa bãi và nhắc nhở người dân có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên. Đồng thời tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cộng cộng và gắn các biển hiệu trên các thân cây.

- Ban tổ chức đã xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự trong suốt quá trình tổ chức lễ hội với phương châm an toàn tuyệt đối về người, vật tư, tài sản của Nhà nước và nhân dân trong phạm vi toàn xã; Quy định và hướng dẫn hoạt động giao thông trong khu vực tổ chức lễ hội.Đảm bảo an toàn tuyệt đối về an ninh trật tự trong những ngày lễ hội và khu vực đình làng.

3.2.4.4. Công tác thanh tra giám sát, kiểm tra trong quá trình tổ chức lễ hội

Ủy ban nhân dân xã Hoàng Châu đã duy trì công tác tổ chức, chỉ đạo khen thưởng kịp thời cho các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị lễ hội, đồng thời, có những hình thức kỷ luật xử lý nghiêm minh đối với những cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định trong hoạt động lễ hội.

Hàng năm, ủy ban nhân dân xã Hoàng Châu cần thành lập Ban Thanh tra giúp Ban Tổ chức lễ hội đảm bảo công tác trật tự an toàn, duy trì nội quy tổ chưc lễ hội trên địa bàn xã trước, trong và sau thời gian tổ chức lễ hội. Đặc biệt tăng cường kiểm tra khu vực tổ chức lễ hội. Ban Thanh tra hoạt động có hiệu quả, bố trí lực lượng tiến hành kiểm tra, xử lý và kịp thời ngăn chặn các vi phạm gây mất trật tự trong khu vực tổ chức lễ hội. Theo kết quả khảo sát lễ hội trong những năm qua cho thấy các hiện tượng tiêu cực như: hoạt động mê tín dị đoan... các hành vi đánh bạc núp dưới hình thức vui chơi có thưởng, chèo kéo khách, bán hàng rong, băng đĩa hình không tem nhãn, dịch vụ trông giữ xe tự phát... Tình trạng mất cắp tài sản, người ăn xin, lang thang đã giảm hẳn, không có cơ sở nào bày bán đồ chơi trẻ em bạo lực, nguy hiểm. Nhưng bên cạnh đó, lại xuất hiện một số hiện tượng lều quán bán hàng không đúng quy định tại khu vực lễ hội.

3.3. Xây dựng chương trình du lịch đến với lễ hội truyền thống địa phương

Tận dụng tối đa các sản phẩm từ truyền thống đến hiện đại để quảng bá du lịch đến với công chúng trong nước và bạn bè quốc tế. Điều này sẽ góp phần không nhỏ đến việc đa dạng hóa các loại hình sản phẩm du lịch, mà thị hiếu khách du lịch luôn cần cái mới. Từ đây, giúp "quay đồng vốn du lịch" được nhanh hơn, xứng với danh của ngành du lịch là "công nghiệp không khói".

Để góp phần quảng bá hình ảnh du lịch lễ hội địa phương, chúng tôi xin đưa ra một số chương trình du lịch đến với lễ hội Xa Mã. Có thể xây dựng một số chương trình du lịch kết hợp với văn hóa, lịch sử hoặc sinh thái. Tuy nhiên, việc tổ chức chủ yếu phụ thuốc vào ngày diễn ra lễ hội. Do đó, có thể tổ chức một số tour trong ngày hội chính.

Chương trình 2 ngày (mùng 9 và 10 tháng 6 âm lịch): xem thì đấu vòng loại chọi trâu Đồ Sơn – tham dự lễ hội Xa Mã xã Hoàng Châu, Cát Hải

Ngày 1(9 tháng 6 âm lịch): 7h theo tuyến đường 353 đến Đồ Sơn, nhận phòng và đến xem thi đấu chọi trâu vòng loại, ăn trưa. Chiều tự do tham quan tại khu II và Hon Dau Resort, tắm biển. Tối chương trình đốt lửa trại và giao lưu văn nghệ.

Ngày 2 (10 tháng 6 âm lịch): tự do tắm biển và ăn sáng, 8h đi phà Đình Vũ đến Cát Hải. Theo tuyến đường 5 và đường 356 khoảng 50 phút đến phà ĐÌnh Vũ, đón phà 40 phút sang đảo Cát Hải thăm đình Gia Lộc và bến Phà Gót. 11h ăn trưa và về đình Hoàng Châu tham dự lễ hội Xa Mã lúc 12 h trưa. 3h kết thúc lễ hội, thăm nhà máy chế biến và sản xuất nước mắm sạch ở Cát Hải. 4h15 trở về bến phà và cuộc hành trình kết thúc 6h trong ngày. Chương trình du lịch này không chỉ được thực hiện bởi cá nhân hay gia đình mà có thể thực hiện theo đoàn. Với những người muốn tham quan và tìm hiểu về văn hóa lễ hội và tín ngưỡng truyền thống địa phương. Các công ty du lịch hay các gia đình, các nhân đều có thể thực hiện chương trình du lịch kết hợp các chuyến tham quan lễ hội và kết hợp tham quan biển đảo Cát Bà với vườn Quốc gia và các hoạt động tham quan vui chơi khác từ chuyến hành trình kết hợp với văn hóa lễ hội và tìm hiểu tín ngưỡng địa phương.

Chương trình 2 ngày: Lễ hội Xa Mã, xã Hoàng Châu, Cát Hải – Cát Bà

Ngày 1 (10 tháng 6 âm lịch): chạy theo tuyến đường 356, đón phà đi Cát Hải từ bến phà Đình Vũ lúc 7h sáng. Cuộc hành trình tham quan, tìm hiểu về Cát Hải được bắt đầu từ đình Gia Lộc, một ngôi đình đã được công nhận là di tích lịch sử cấp thành phố với cụm di tích gồm đình – chùa – miếu. Nơi đây cũng từng là nơi Tướng Quân Đoàn Thượng đóng đồn binh xây dựng căn cứ và ngày nay là nơi diễn ra lễ hội đua thuyền của thị trấn. Tiếp sau đó, đến thăm xí nghiệp, nhà máy sản xuất và chế tạo nước mắm. Đến 11h ăn trưa, rồi trở về đình Hoàng Châu để tham gia lễ hội Xa Mã Rước Kiệu. Lễ hội kết thúc lúc 3h chiều, cũng là lúc đến thăm bến phà Gót, và đi phà sang Cát bà. Nhận phòng và tự do tắm biển, ăn tối và đốt lửa trại giao lưu.

Ngày hai: sáng tự do ăn sáng, đi chợ Cát Bà. 9h tham quan vườn quốc gia và ăn trưa. Chiều thăm Vịnh và đi tàu cao tốc về.

KẾT LUẬN

Lễ hội truyền thống là hiện tượng lịch sử, hiện tượng văn hóa có mặt ở Việt Nam từ lâu đời và có vai trò không nhỏ trong đời sống xã hội. Những năm gần đây, trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế của nước ta, văn hóa truyền thống nói chung, trong đó có lễ hội truyền thống đã được phục hồi và phát huy, làm phong phú hơn đời sống văn hóa của Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, tốt đẹp trong phục hồi và phát huy lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội đương đại, thì cũng không ít các vấn đề nảy sinh khiến xã hội cần phải nhìn nhận lại và tìm cách khắc phục để những mặt tinh hoa của lễ hội cổ truyền được đẩy mạnh và phát huy, khắc phục dần các hạn chế, tiêu cực. Và bao giờ cũng thế, mọi hành động của con người đều bắt đầu từ nhận thức, chỉ khi chúng ta có nhận thức đúng về lễ hội cổ truyền thì việc phục hồi và phát huy nó trong đời sống xã hội đương đại mới mang lại hiệu quả mong muốn.

Lễ hội là dịp con người tìm về cội nguồn của chính bản thân và dân tộc mình. Theo thời gian, các lễ hội vẫn trường tồn trong tâm thức của mọi người Việt Nam, thu hút một lượng du khách không kém gì các khu di tích lịch sử văn hoá. Như chúng ta biết, lễ hội thường tổ chức tại các di tích lịch sử văn hóa.

Khai thác các Lễ hội gắn với các di tích, khu vui chơi có được trên địa bàn Thành phố, thu hút một lượng du khách lớn. Thông qua hoạt động vui chơi (phần hội), các loại hình văn hoá dân gian được tái hiện, giúp một bộ phận lớn công chúng nhớ về cội nguồn dân tộc (mà trước đó các loại hình này chưa được đề cao nhiều), làm nền tảng giáo dục thế hệ trẻ hôm nay và quảng bá với bạn bè .

Lễ hội Xa Mã Rước Kiệu cũng là một là một di sản văn hóa của dân tộc ta, là sinh hoạt văn hóa cộng đồng hấp dẫn, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Lễ hội đã trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống nhằm thỏa mãn khát vọng trở về cội nguồn, sinh hoạt tín ngưỡng, cân bằng đời sống tâm linh và hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của nhân dân. Những tìm hiểu, nghiên

cứu về lễ hội là phác thảo cho một bức tranh toàn cảnh về hoạt động lễ hội trên cả nước, như một phần di sản văn hóa của quá khứ còn bảo lưu được cho đến ngày nay và một nhu cầu rất phong phú, đa dạng trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Cả hai phương diện ấy, vai trò quản lý của Nhà nước là rất quan trọng.

Bảo tồn và phát huy những hoạt động lễ hội chính là bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp, những bài học truyền thống giúp ích cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc. Hơn nữa, đó cũng chính là hành trang để chúng ta bước vào cuộc hội nhập toàn cầu với những bản sắc và bản lĩnh được tích lũy và đúc kết trong lịch sử.

Cùng với công cuộc đổi mới của đất nước, với những quan điểm mang tính định hướng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương nói riêng và thành phố nói chung thể hiện trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước cùng với Luật di sản văn hóa đã được thông qua, những di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có di sản lễ hội đang trở thành một nguồn lực tinh thần to lớn cho toàn xã hội trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống đó của người Hoàng Châu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính. "Việt Nam Phong tục". 2005. Hà Nội. NXB Văn Học
2. Ngô Sĩ Liên. "Đại Việt Sử ký toàn thư". 1993. Hà Nội. NXB Khoa học xã hội
3. Đoàn Văn Minh. "Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng". 2002. Hải Phòng. NXB Hải Phòng
4. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. "Đại Nam nhất thống chí". 2009. Hà Nội. NXB Lao Động
5. Trần Ngọc Thêm. " Cơ sở văn hóa Việt Nam". 1999. Hà Nội. NXB Giáo Dục
6. Trần Ngọc Thêm. "Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam". 2006. TP Hồ Chí Minh. NXB TH Hồ Chí Minh.
7. Ngô Đức Thịnh. "Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam". 2012. Hà Nội. NXB Trẻ
8. Trần Diễm Thúy. "Cơ Sở Văn hóa Việt Nam". 2009. TP Hồ Chí Minh. NXB Thông tin.
9. Lê Thanh Tùng. Luận án tiến sĩ "Lễ hội cổ truyền ở Hưng Yên"
10. Trần Quốc Vượng. "Cơ sở văn hóa Việt Nam". 2009. Hà Nội. NXB Giáo Dục
11. Trần Quốc Vượng . "Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm". 2003. Hà Nội. NXB Văn học.
12. Trần Quốc Vượng. "Xứ Đông Hải Hưng nhìn từ lẻ chợ". 1996. Hà Nội. NXB Khoa học xã hội.
13. Lý Tế Xuyên. "Việt Điện U Linh". 1994. Hà Nội. NXB Khoa học xã hội
14. Nguyễn Như Ý. "Đại từ điển tiếng Việt"- TT Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam – Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. 1998. NXB Văn Hóa Thông Tin

Lễ rước kiệu nam (*ảnh tư liệu)*

Lễ rước kiệu nữ (*ảnh tư liệu)*

Lễ rước kiệu đình Hòa Hy

Lễ rước nước (*ảnh tư liệu*)

Toàn cản 3 gian Đình Hoàng Châu

Tòa Thiêu hương đình Hoàng Châu

Lễ Xa Mã (*ảnh tư liệu)*

Kiệu thánh và hai Xa Mã trong hậu cung của đình

Nơi cất giữ đồ tế lễ Xa Mã hiện nay (bên hữu của đình Hoàng Châu)

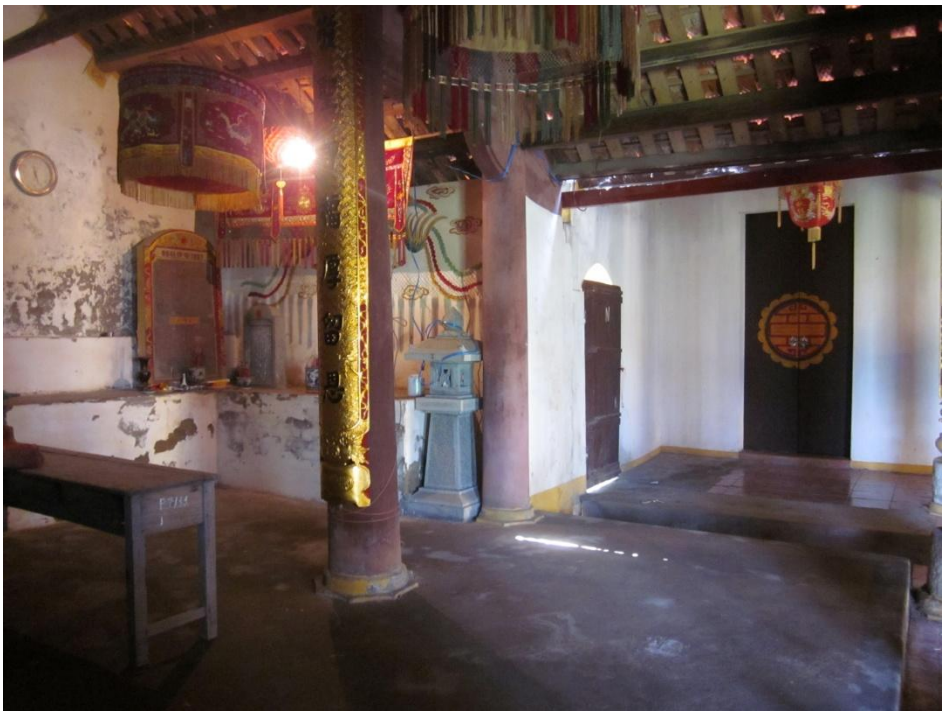

Bên tả đình Hoàng Châu

PHỤ LỤC 1

DI TÍCH THỜ ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG ĐOÀN THƯỢNG

(Tại các tỉnh thành phố khác)

Các di tích thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng được thống kê trên cơ sở Tổng kiểm kê sơ bộ các di tích lịch sử năm 2002 vá Tổng điều tra di tích văn hóa phi vật thể của Bảo tang tỉnh Hưng Yên năm 2006; từ tài liệu điền dã của tác giả luận án từ năm 2004-2008….Các tư liệu này được đối chiếu cuốn Đức thánh Đông Hải đại vương Đoàn Thượng của Đoàn Văn Minh. Tổng sỗ có 280 di tích.

Tỉnh Hưng Yên (57 di tích):

Thị xã Hưng Yên:

1. Đình làng Thượng, Thượng Làng, xã bảo Khê, thờ Đông Hải đại vương, Hoa Lâm Kiều Quốc, Diêm La, Trung Chính;
2. Đình Tiền Thắng, làng Tiền Thắng, xã Bảo Khê, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
3. Đình Phù Phượng, làng Phù Phượng, phường Hồng Châu, thờ Đoàn Thượng Đông Hải đại vương;
4. Đình Cao Phụ, làng Đằng Châu, phường Lam Sơn, thờ Đông Hải đại vương, An Nam Trung Thành linh ứng đại vương;

Huyện Mỹ Hào:

5. Đền Bần, xã Yên Nhân (nay Cộng Hòa, thị trấn Bần), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
6. Đình Bần, làng Cộng Hòa, thị trấn Bần, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
7. Đình Lê Xá, làng Lê Xá, xã Dương Quang, Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

8. Đình Phú Đa, làng Phú Đa, thị trấn Bần, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Huyện Văn Lâm:

9. Đình Lương Tài, làng Lương Tài, xã Lương Tài, thờ Đoàn Thượng;

Huyện Văn Giang:

10. Đình Thủ Pháp, làng Thủ Pháp, xã Nghĩa Trụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Huyện Yên Mỹ:

11. Đình xóm Trong, Đồng Mỹ, xã Lý Thường Kiệt, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Gia Hồng Ân;
12. Đình Liêu Trung, làng Liêu Trung, xã Liêu Xá, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Gia Hồng Ân;
13. Đình Trì Nội, làng Trì Nội, xã Nghĩa Hiệp, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
14. Đình Ngọc Tỉnh, làng Ngọc Tỉnh, xã Ngọc Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
15. Đình Long Vĩ, làng Long vĩ, xã Thanh Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
16. Đình Bắc Khu, làng Bắc Khu, xã Minh Châu, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
17. Đình Yên Phú (Trà), Làng Yên PHú, xã Giai Phạm, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
18. Đình Giữa (đình Ngự), làng Yên Phú, xã Giai Phạm, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
19. Đình Tử Cầu, làng Tử Cầu, xã Giai Phạm, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

20. Đình Xuân tảo, làng Xuân Tảo, xã Trung Hòa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
21. Đình Dịch Trì, làng Dịch Trì, xã Ngọc Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
22. Đình Yên Thổ, làng Yên Thổ, xã Nghĩa Hiệp, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
23. Đình Yến Đô (Sùng Phúc), làng Yến Đô, xã Tân Việt, thờ Trung Quốc đại vương và Đoàn Thượng;
24. Đình Đại Hạnh, làng Đại Hạnh, xã Hoàn Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
25. Miếu TRấn Đông, làng TRấn Đông, xã Hoàn Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
26. Đền Ngọc Long (Đống Vàng), làng Ngọc Long, xã ngọc Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
27. Đình làng Vương, xã Ngọc Long, Thờ Đoàn Thượng.

Huyện Ân Thi:

28. Đình VĂn Trạch, làng Văn Trạch, xã VĂn Nhuệ, thờ Đoàn Thượng;
29. Đình Lưu Xá, làng Lưu Xá, xã Hồ Tùng Mậu, thờ Sơn Tinh, Túc Minh đại vương;
30. Đình Đồng Bạn, làng Đồng Bạn, xã Cẩm Ninh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
31. Nghè Đông Bạn, làng Đông Bạn, xã Cẩm Ninh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
32. Đình Đông, làng Đào Xá, xã Đào Dương, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Huyện Kim Động:

33. Đình Đống Lương, làng Đống Lương, xã Hiệp Cường, thờ Cao Sơn, Hồi Thiên cư sĩ, Đông Hải đại vương, Diêm La đại vương;

34. Đình Cốc Khê, làng Cốc Khê, xã Phạm Ngũ Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
35. Đình Nghĩa Giang, làng Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
36. Đình Bình Đôi, làng Bình Đôi, xã Vũ Xá, Thờ Đoàn Thượng;
37. Đình Trương Xá, làng Trương Xá, xã Toàn Thắng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
38. Đình Lương Xá, làng Lương Xá, xã Hiệp Cường, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
39. Đình Dưỡng Phú, làng Dưỡng Phú, xã Chính Nghĩa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
40. Đình Vĩnh Hậu, làng Vĩnh Hậu, xã Vĩnh Xá, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Ngũ Vị đại vương;
41. Đình Bùi Xá, làng Bùi Xá, xã Đồng Thanh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Quý Minh;
42. Đình Bằng Ngang, làng Bằng Ngang, xã Lương Bằng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Huyện Khoái Châu:

43. Đình Thượng, làng An Vĩ, xã An vĩ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
44. Đình An Thái, làng An Thái, xã An Vĩ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
45. Đình Thuần Lễ, làng Thuần Lễ, xã Thuần Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Ling Lang đại vương, Đô Thiên đại vương, Nhã Công, Nguyễn tuấn đại vương;
46. Đình Đại Quan, làng Đại Quan, xã Thuần Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Ling Lang đại vương, Đô Thiên đại vương, Nhã Công, Nguyễn tuấn đại vương;

47. Đình Đông Kim, làng Đông Kim, xã Đông Tảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Quý Minh đại vương, Chử Đồng Tử, Tiên Dung, Tây Sa;
48. Miếu Đại Quang, làng Tân Hưng, xã Chí Tân, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Linh Lang đại vương, Đô Thiên đại vương, Nhã Công, Nguyễn Tuấn đại vương;

Huyện Phù Cừ

49. Đình Thọ Lão, thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, thờ Đông Hải đại vương
50. Đoàn Thượng và Trần Quốc Tuấn;
51. Đậu Trà Bồ, làng Trà Bồ, xã Phan Sào Nam, thờ Đông Hải vương Đoàn Thượng, Tĩnh Minh, Quý Minh;
52. Đình Đoàn Đào, làng Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, thờ Đông Hải đại vương, Bùi Đăng Châu;
53. Đình Cầu Khoái, làng Hà Linh, xã Đình cao, thờ Quý Minh, Linh Lang, Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Nam Hải đsị vương;

Huyện Tiên Lữ:

54. Miếu Già , làng Dị Chế, xã Dị Chế, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Quyền
55. Đinh Cao Đông, làng Nhật Tân, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Trần Hưng Đạo
56. Đình Cao Đoài, làng Cao Đoài, xã Nhật Tân, thờ Trần Hưng Đạo, Đoàn Thượng, Nguyễn Đại Vương
57. Đình Đông, làng Dung, xã Hưng Đạo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
58. Đình Hậu Xá, làng Hậu Xá, xã Hưng Đạo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
59. Đình Nội Linh, làng Nội Linh, xã Ngô Quyền, thờ Nguyễn Cao Sơn, Đào Tư Thành, Đông Hải đại vương, Nguyễn Đông Hải;

Tỉnh Thanh Hóa (3 di tích):

60. Đình núi Ngọc, Đồng Nội, xã Ngọc Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
61. Đình Phượng Đình, xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
62. Đình Đồng Nội, huyện Nga Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Tỉnh Hải Dương (24 di tích):

63. Đình Bổng Độ (Xuân Độ), làng Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
64. Đền Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
65. Đình Thung Du, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
66. Đình Đĩnh Đào, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
67. Đình Hoàng Du, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
68. Đình An Đình, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
69. Đình Đào Giang, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
70. Đình Hội Xuyên, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
71. Đình Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
72. Đình An Tân, xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
73. Đình Thông Kênh, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
74. Đình Làng Sáu, tổng Đoàn Bái, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

75. Đình làng Nam, tổng Lạc Thi, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
76. Đình Cập Thượng, tổng Cập Nhất, huyện Thanh Hà, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
77. Đình làng Sáu, tổng Đại Bối, huyện Thanh Hà, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
78. Đình làng Năm, tổng Tiên Liệt, huyện Thanh Hà, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
79. Đình đền làng Bốn, tổng Mao Điền, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
80. Đình La Trữ, tổng Kim Quan, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
81. Đình, đền Bái Giang, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
82. Đình Tú La, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
83. Đình Kim Uyên, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
84. Đình Cáp Thượng, làng Vang, tổng Bát Khê, huyện Ninh Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
85. Đình làng Hai, tổng Phù Nội, huyện Thanh Miện, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
86. Đình Lang Gia, tổng Từ Ô, huyện Thanh Miện, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Tỉnh Thái Bình (12 di tích):

87. Đình lộng, xã Trần Lãm, thị xã Thái Bình, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Đoàn Duy thượng, tướng của Ngô Vương Quyền;
88. Đình Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

89. Đình làng Bốn, tổng Hà Lý, huyện Duyên Hà, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
90. Đình Sa Cát, tổng Cát Đàm, huyện Thái Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
91. Đình làng Hai, tổng Trừng Hoài, huyện Thái Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
92. Đền thờ tổ họ Đoàn, làng Tu Trình, xã Thụy Hồng, huyện Thái Thụy, thờ Đoàn Công Phúc Lãnh và phu nhân Lý Thị Làng và hậu duệ họ Đoàn;
93. Đình làng Hai, tổng Đô Kỳ, huyện Tiên Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
94. Đình Lộng Khê, làng Lộng Khê, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
95. Đình thanh Khê, tổng tân Bồi, huyện Thái Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
96. Đình An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
97. Đình Thượng Phúc, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
98. Đình làng Đôi, xã Tứ Thanh, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Tỉnh Nam Định (13 di tích):

99. Đình Đồng Nhuệ, làng Lê Xá, tổng Cao Đài, huyện Mỹ Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
100. Đình An Nông, tổng An Nông, huyện Nam Trực, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
101. Đình Đỗ Xá, tổng Đỗ Xá, huyện Nam Trực, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
102. Đình Đồng Bạn, tổng Cổ Liêu, huyện Nghĩa Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

103. Đình Tam Tri, làng Thái La, tổng Bào Ngũ, huyện Vụ Bản, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

104. Đình Đồng Đội, tổng Đồng Đội, huyện Vụ Bản, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

105. Đình An Thứ, tổng Hiển Khánh, huyện Vụ Bản, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

106. Đình Đại Lai, tổng Hồ Sơn, huyện Vụ Bản, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

107. Đình Hoàng Lê, tổng An Lạc, huyện Ý Yên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

108. Đình Tống Xá, tổng Vũ Xá, huyện Ý Yên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

109. Đình làng Năm, tổng Tức Mặc, huyện Ý Yên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

110. Đình làng Một, xã Thanh Kê, huyện Nghĩa Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

111. Đình Thanh Khê, tổng Kiên Lao, huyện Xuân Trường, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Tỉnh Ninh Bình (2 di tích):

112. Đình Chấn Lữ, tổng Dương Vũ, huyện Gia Khánh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

113. Đình Thanh Khê, tổng Quang Vĩnh, huyện Gia Khánh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Thủ đô Hà Nội (11 di tích):

114. Đình Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

115. Đình Ngọc Giang, tổng Thuần Lễ, huyện Phúc Yên, phủ Đông Anh (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

116. Đình Thụy Lội, tổng Xuân Nộn, huyện Phúc Yên, phủ Đông Anh (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

117. Đình, đền, miếu Nhược Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

118. Đình làng Ba, tổng Mỹ Lâm, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

119. Đình làng BA, tổng Thịnh Đức Thượng, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

120. Đình làng Tám, tổng Vạn Điển, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

121. Đình Hoàng Xá, tổng Vạn Điển, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

122. Đình Ngọc Trực, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và con trai ngài là Đoàn Hưng Nhượng

123. Đình Trằm Lộng, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và con trai ngài là Đoàn Hưng Nhượng

124. Đình Mộc Hoàn, huyện Phú Xuyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Tỉnh Vĩnh Phúc (3 di tích):

125. Đình Tào Mai, làng Mai Nội, tổng Phù Lỗ, huyện Kim Anh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

126. Đình Song Mai, huyện Kim Anh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

127. Đình Thái Phù, tổng Phù Xá, huyện Kim Anh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Tỉnh Bắc Ninh (3 di tích):

128. Đình làng Bốn, tổng Hà Lỗ, huyện Tiên Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

129. Đình Bái Uyên, tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

130. Đình Thanh Khê, tổng Lại Thượng, huyện Lương Tài, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Tỉnh Hà Nam (6 di tích):

131. Đình làng Hai, tổng Kim Bảng, huyện Kim Bảng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

132. Đình Lão Cầu, xã Lam Cầu, huyện Duy Tiên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng cùng hai vị tướng của ngài là Đoàn Bảng và Đoàn Lả;

133. Đình Thanh Khê, tổng Thanh Hòa, huyện Thanh Liêm, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

134. Đình làng Lã, xã Ô Mễ, huyện Bình Lục, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

135. Đình Đinh Xá, huyện Bình Lục, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

136. Đình Ngô Khê, huyện Bình Lục, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

Tỉnh Quảng Ninh (2 di tích):

137. Đền Đông Hải Đại Vương, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, thờ Đông Hải dại vương Đoàn Thượng;

138. Đình Trà Cổ, huyện Móng Cái, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng.

PHỤC LỤC 2

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(141 di tích)

Huyện An Hải

1. Đình Định Vũ, xã Tràng Cát , huyện An Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
2. Đình Miếu Hạ Đoạn, xã Đông Hải, huyên An Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
3. Đình Trực Cát, xã Tràng Cát, huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương
4. Đình miếu Lương Khê, xã Tràng Cát, huyện An hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương;
5. Đình miếu Cát Bi, xã Tràng Cát, huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương;
6. Đình Cát Khê, xã Tràng Cát, huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương
7. Miếu Hai Xã, (miếu chung của hai xã Dư hàng và Dư Kênh, vốn là 1 làng sau tách ra), huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương

Huyện Hải An

8. Miếu Thượng Đoạn, xã Đông Hải, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương và Ngô Vương Thiên Tử;
9. Đình Đoạn Xá, xã Đông Hải, huyện Hải An, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương
10. Đình miếu Phương Lưu, xã Đông Hải, huyện Hải An, thờ Ngô Vương Quyền, Thái Tử Ngô Xương Ngập và Đông Hải đại vương

11. Đình miếu Bình Kiều, xã Đông Hải, huyện Hải An, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương
12. Đình Tê Chử, xã Đông Thái, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
13. Đình Bạch Mai, xã Đông Thái, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
14. Đình Hoàng Mai, xã Đông Thái, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
15. Đình Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
16. Đình Tri Yếu, xã Đặng Cương, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
17. Đình Đào Yêu (Điều Yêu), xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
18. Đình Nhu Kiều, xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
19. Đình Kiều Thượng, xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
20. Đình Kiều Trung, xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
21. ĐÌnh Kiều Hạ, xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương

Huyện An Lão

22. Đình Quán Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
23. Đình Nghĩa Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
24. Đình Trực Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
25. Đình Hạ Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
26. Đình Ích Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
27. Đình Đại Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

28. Đình Trung Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
29. Đình Thượng Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
30. Đình Trực Đào, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
31. Đình Trực Định (Chân Định), xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Huyện Cát Hải

32. Đình Nghè Gia Lộc (Thiên Lộc), thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
33. Đình nghè Đô Lương, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
34. Đình nghè Phonh Niên, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
35. Đình Miếu Gia Luận, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
36. Đình Nghĩa Lộ, xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
37. Đình Nghè Phù Long, xã Phù Long, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
38. Đình miếu Văn Chấn (Văn Minh), xã Văn Phong, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
39. Đình Lục Độ, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
40. Đình miếu Lương Năng (Lương Lãnh), thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
41. Đình miếu Hòa Hy, xã Hào Quang, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

42. Đình miếu Hoàng Châu (Vàng Châu), xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
43. Đình miếu Đồng Bài, xã Đồng Bài, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
44. Đình Trân Châu (làng Nang), xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Thị xã Đồ Sơn

45. Đền Hòn Dáu trên đảo Hòn Dáu, thị xã Đồ Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
46. Đình miếu Bàng Động (Đại Bàng), xã Bàng La, thị xã Đồ Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
47. Đình Phụ Lỗi (Phụ Nội), xã Bàng La, thị xã Đồ Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
48. Đình miếu Tiểu Bàng (Hoàng Tiếu), xã Bàng La, thị xã Đồ Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Quận Hồng Bàng

49. Đình Hạ, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thờ Ngô Vương Thiên Tử và thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
50. Đình Thượng Lý, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thờ Ngô Vương Thiên Tử và thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Huyện Kiến Thụy

51. Đình Cao Bộ (Kiện Bộ), xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
52. Đình Nhân Trai, xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
53. Đình Đại, làng Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

54. Đình Đoài, làng Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
55. Đình Làng Đoan Xá (Đoàn Xá), xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
56. Đình Đắc Lộc, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
57. Đình Đông Xá, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
58. Đình Phúc, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
59. Đình miếu Phúc Lộc, xã Đa phúc, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
60. Miếu Đông Chanh, làng Đại Lộc, xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
61. Đình Quí kim, xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
62. Đình Hồi Xuân, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
63. Đình Kim Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
64. Đình Kỳ Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
65. Đinh Lão Phong, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
66. Đình miếu Nghi Dương, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Tây Hải Quý Công đại vương;
67. Đình Mai Dương, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
68. Đình miếu Quế lâm, xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

69. Đình miếu Xuân La, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
70. Đình Tam Kiệt, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
71. Đình miếu Thọ Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
72. Đình miếu Thù Du (Cung Hiệp), xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Huyện Tiên Lãng

73. Đình Duyên Lão (Diên Lão), xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng,thờ Đông hải đại vương Đoàn Thượng và Đông hải Đoàn Thượng công chúa;
74. Đình miếu Đông Ninh (Đông Minh), xã Tiên Minh, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
75. Đình Chàng Xuyên (Trình Xuyên), xã Tiên Minh, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
76. Đình miếu nghe dư Đông, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
77. Đình Đông Côn, xã Tiên Minh, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
78. Đình Thái Hòa, xã Hùng Thắng, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
79. Đình miếu Tiên Lãng (Tân Minh), xã Tiên Minh. huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
80. Đình miếu Nhuệ Ngự (làng Ngừ), xã Tự Cường, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
81. Đình Phương Đôi (Hoa Đôi), xã Tiên Minh, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
82. Đình An dụ (An Hựu), xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

83. Đình An Tử Ngoại, xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
84. Đình mỹ Huệ (Mỹ Lộc), xã Tiên Thắng, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
85. Miếu Mỹ Khê, xã Tự Cường, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
86. Đình Lao Chử, xã Hùng Thắng, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
87. Đình lao Khê, xã Hùng Thắng, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
88. Đình Hán Nam (Nam Tử Hạ), xã Kiến Thiết, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
89. Đình miếu sinh Đan, xã Tiên Cường, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
90. Đình Đốc Hành (Giá Hành), xã Toàn Thắng, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
91. Đình miếu An Lư (An Các), xã An Lư, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Huyện Thủy Nguyên

92. Đình nghè Do Nghi, xã tam hưng, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
93. Đình miếu My Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
94. Đình miếu Mỹ Đông, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
95. Đình miếu Trung Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
96. Đình Nghè Mỹ Giang, xã kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

97. Đình miếu Phục Lễ (Phổ Lễ), xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

98. Đình miếu Phục Lễ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

99. Đình Lập Lễ, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

100. Đình Trúc Sơn, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

101. Đình miếu Tuy Lạc, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

102. Đình Giáp Động, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

103. Đình miếu Thiểm Khê, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và các tướng Tế Công, Lại Công, Độ Công, tướng của hai Bà Trưng;

104. Đình miếu Trà Sơn, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

105. Đình Trại Kênh, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Huyện Vĩnh Bảo

106. Đình An Ninh, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

107. Đình nghè Cung Phúc, xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

108. Đình An Biên, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

109. Đình miếu Đông Lôi, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

110. Đền, đình Đông Am, xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

111. Đình Đông Hà Phương, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

112. Đình Hội Am, xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

113. Miếu Hàm Dương, xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

114. Đình Kênh Hữu (Kinh Hữ), xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

115. Đình Lôi Trạch, xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

116. Đình miếu Liễu Kinh, xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

117. Đình miếu Nghĩa Lý, xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

118. Miếu Nhân Giả, xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Quận Lê Chân

119. Đình Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Quận Ngô Quyền

120. Đình An Khê, phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

121. Đình Đông An, phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

122. Đình Đồng Xá, phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

123. Đình Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền

124. Đình miếu Gia Viên (Da Viên), phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền

125. Dình miếu Hào Khê, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền

126. Đình Lạc Viên, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền

127. Đình Phụng Pháp (làng Phọng), xã Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền

128. Đình Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền

129. Đình An Đà (An Châu), phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền.